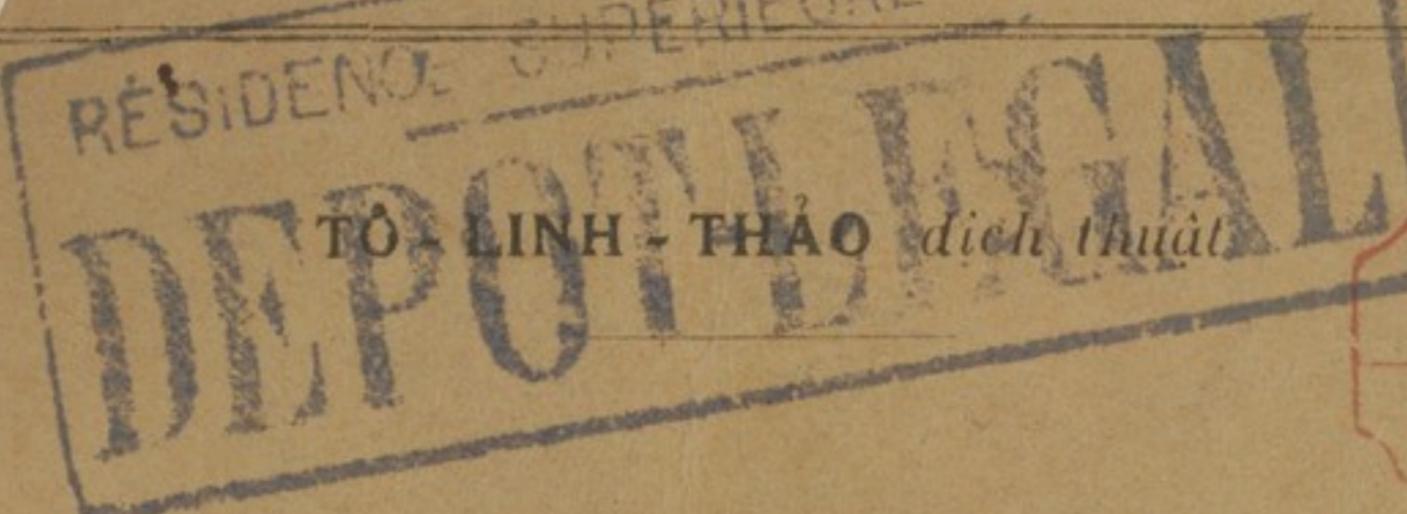


80
Indoch
Af 16

Lan-Trì VŨ-NGUYỄN HÀNH KINH soạn

RÉSIDENCE SUPÉRIEURE AU

TÔ LINH - THẢO dịch thuật



DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 14390

ĐẠI-NAM KỲ-NHÂN

LIỆT TRUYỆN

Quảng - Thịnh
115, Hàng Gai — Hà-nội

XUÂN - KHÊ
65, Đông-môn — Hải-duong

XUẤT BẢN

In lần thứ nhất



1930

In tại nhà in NGÔ-TỬ-HẠ
24 đèn 46, Phố Nhà-Thờ
HANOI

Trình giữ bản quyền

Giá bán 0\$ 55

Nhà Kho
Quán Ven Đường

Chủ quán: Huỳnh Chiếu Đẳng

TƯA

Vũ-trụ là một cái lò đúc nên vạn sự vạn vật. Tao-hóa là ông thợ bầy ra những việc cho người vui mắt vui tai. Những cái khôn khéo, cái ly kỳ của giới đất, có cái tai ta được thường nghe, mắt ta được thường trông; có cái mẩy nghìn năm mới tiếp đến tai mắt ta một lần.

Những truyện kỳ quái xưa nay không thường có, thèm nhất đán lại được nghe được thấy. Không ghi chép lại thì hoài mất cái hay của tao-hóa công hiên cho ta.

Cho nên các nhà bác-học, thường cố công tìm tòi những truyện lạ, bắt cứ ở thời nào, ở nước nào để chép thành sách. Huống hồ ở ngay trong nước có truyện nghe lạ thấy lạ, thèm chính mình được nghe được thấy, không chịu ghi chép để cho người trong nước công đồng được biết thì chẳng hóa ra phụ với tai mắt giới cho lắm ru?

Vì vậy chúng tôi có dịch ở quyển Lan-trì-kiến-văn-lục (蘭池見聞錄) của cụ Lan-Trì Vũ-nghiêm-Hanh, ra chữ Quốc ngữ; cụ xưa là người học thức uyên bác, nhân khi nhàn hạ cụ đem những truyện sở văn sở kiêm ở trong nước nhà, nhưng sách của cụ nguyên là bản chữ nho viết, chưa in thành sách cho nên truyện bà chưa rộng, ít người được xem. Chúng tôi lại kê cùu ở các tạp-ký, biên tập in thành quyển sách này nhân để là Đại-nam kỳ-nhân liệt-truyện (大南奇人列傳) cột tà để ghi chép các sự tích của các tiền nhân, sau là hiền các ngài lúc bình nhật rảnh việc, thường làm cho vui, thường cũng có bồ ích một đôi phần.

Trong sách này, cá truyện heo có, hoặc không xin độ giả chữ tôn phảm bình chúng tôi cũng không dám chắc rằng là đích xác hẳn cả.

TÔ LINH-THẢO cẩn-tư

B. Hmdoch

1446



SÁCH NÀY BÁN TẠI HIỆU

QUÁNG-THỊNH

Hàng-Gai — HÀ-NỘI

VÀ HIỆU

XUÂN-KHÈ

65, phố Đông-Môn — HẢI-DƯƠNG

ĐẠI-NAM KỲ-NHÂN

Liệt-truyện

—*—

1.— LÊ-NẠI, LÊ-ĐỈNH

DEPUTY
LIBRARIAN
14390

Làng Mộ-trạch, huyện Đường-an tỉnh Hải-dương có một người tên là Lê-Nại; khi còn bé chăm chỉ học hành, lên bai mươi tuổi, có quan Thượng-thư là ông Vũ-Quỳnh thấy thế, lập tức đem con gái yêu gả cho. Nhà ông Nại nghèo, phải đi ở rề; khi ở nhà vợ chỉ ăn rồi lại nằm, không chịu học hành gì cả, bố vợ không biết tại có làm sao, mới nói truyện với ông bố để rằng:

— Tôi tưởng con ông là một người chăm học, từ khi đến nhà tôi thì làm biếng quá thê.

Ông bố đẻ hỏi:

— Mỗi bữa cơm ông cho nó ăn bao nhiêu?

— Mỗi bữa tôi cho nó ăn một nồi hai cơm.

Ông bố đẻ nói:

— Nếu ông cho nó ăn như thế, thì có lẽ nó không chịu học là phải, ngay như nhà tôi thật là nghèo kiết, mà mỗi bữa cũng phải cho nó ăn một nồi năm cơm.

Ông bố vợ nghe hiểu đầu đuôi rồi, từ khi ấy cứ mỗi bữa cho ăn một nồi ba thì ông Nại học đến canh ba, cho ăn một nồi tư thì học đến canh tư, cho ăn nồi năm thì học đến sáng.

Ông Quỳnh mừng nói rằng: Con rề ta có sức ăn hơn người thì tất có tài hơn người, liền bảo đầy tớ từ giày giờ đi, cứ lấy nồi mười thời cơm cho con rề ăn, thử xem sức học tấn tới đến thế nào?

Quả nhiên từ khi được ăn nhiều thì học thâu đêm suốt sáng, không mấy khi thôi tiếng học.

Ông bố vợ có làm bài thơ khen con rè rằng:

慕澤先生以食爲名

Mô-trạch tiên sinh dĩ thực vi danh,

十八鉢飯十二鉢羹

Thập bát bát phan thập nhị bát canh;

魁元及第名冠群英

Khôi-nghuyên cập đệ danh quán quần anh.

蓄之也鉅發之也宏

Súc chi dã cự phát chi dã hoành.

Thích nghĩa: Anh học trò làng Mô-trạch ăn khỏe có tiếng, mỗi bữa ăn 18 bát cơm, 12 bát canh, hẳn ngày sau có tài đỗ Trạng, tiếng nức cõi đời. Thế mấy biết rằng: chưa trong bụng cái gì to hơn, thì phát ra ngoài tật cũng to lớn

Về sau đến năm Ất-sửu, ông ta đi thi hương đỗ thủ-khoa thi đình đỗ trạng-nghuyên, làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư.

Đây lại nói lúc trước, ông ta có cùng mấy em là Lê-Đỉnh thi, ông Đỉnh quên mất cả nghĩa sách đến hỏi anh, anh bảo em rằng:

— Tôi thi mấy chú, chứ tôi thi mấy ai? Ngày thường chú đi đâu mà không chịu học, đến lúc thi, hai mắt đồ đồ làm một, chú còn hỏi ai, mà ai còn bảo được nữa.

Ông em giận lắm nói rằng:

— Khoa này tôi nhường anh, đến khoa sau anh sẽ biết tài của tôi. Lập tức làm tờ, xin cáo có bệnh, không thể thi được, giờ về không thèm thi nữa. Đi suốt từ chiều đến nửa đêm thì đến nhà, không dám gọi cửa, ngủ ở ngoài hè đường; đêm ấy bà mẹ ông ta vẫn chiêm bao thấy thần bảo rằng

Ngoài hè đường cõ quan Hoàng giáp, sao bà cụ không mở cửa mời ngài vào trong nhà. Bà mẹ tinh dậy, trong bụng nghĩ hoặc nói rằng : Ngày nay hai con ta đều vào thi, còn có quan Hoàng-giáp nào nằm ngoài hè nữa. Nhưng cũng dậy mở cửa ra xem, không thấy ai. chỉ thấy Ông Đỉnh nằm ngủ lăn lóc ở đấy; bà mẹ lấy làm lạ và sợ hãi bảo rằng :

— Đỉnh ơi ! con đi thi sao lại về nằm đấy ? Ông Đỉnh thuật lại những nhời anh nói, bà mẹ bảo rằng :

— Mày học lười biếng đến nỗi kém anh mày. anh mày không bảo mày, là có ý muốn làm tức cho mày chóng khà chừ anh em có sự gì hiềm thù nhau đâu, từ giày nên cõ ra công mà học hành đi.

Lê-Đỉnh lập tức từ đêm hôm ấy, thắp đèn xem sách; bà mẹ cười nói rằng :

— Tao chỉ sợ mày hỏng thi mày về, chỉ hung hăng được một ch襌c một nhát, nếu chi ấy mà cõ giữ được mãi như thế thì chẳng mấy lúc mà khá.

Ông Đỉnh thưa rằng :

— Con xin dốc trí học hành, không dám trẽ biếng. Quả nhiên đến khoa thi sau, Ông Đỉnh lại dỗ Trạng-nghuyên. Vua phong cao làm quan Đốc-học ở nhà quốc-tử-giám để dạy con vua học. Khi Ông Đỉnh vào trường bảo các học trò rằng :

Bụng tôi là một tủ sách, không thiếu sách gì cả. nếu ai quên gì cứ vào đây hỏi tôi. tôi sẽ bảo. Học trò lúc bấy giờ, ai cũng biết tiếng ông ta là người tài cao học rộng, đua nhau đến học đóng lầm, để xem sức ông ta ra thế nào. Có người mang sách đến hỏi, hỏi chỗ nào ông ta cứ gấp sách vào nói, chẳng quên chút nào cả ; lại có người đem các ngoại thư đến hỏi, đâu khô khăn hiềm hóc đến đâu, ông ta cũng chỉ bảo rõ ràng. Những người thời bấy giờ, ai cũng phục ông ta thật là tài đáng trạng-nghuyên. Không bao lâu

mắc bệnh quy tiên, vua và các quan trong triều ai ai cũng có lòng thương tiếc.

2. — VŨ-HUYẾN (*Trạng cờ*)

Xưa kia ở về làng Mộ-trạch huyện Đường-hào tỉnh Hải-dương có một người tên là Vũ-Huyến, khi mới sinh ra, ở giữa trán nồi lên một nốt đỏ trông hình như quân cờ. Lúc bé có khí ngang tàng, tài cao nhanh chóng, khi 15 tuổi học được phép tiên, đánh cờ rất cao, trong nước không ai địch nổi.

Thời bấy giờ có sứ Tàu sang nước ta, cũng là tay cao cờ, muốn cùng vua ta thử tài cao thấp. Khi chưa đánh, sứ Tàu có nói với vua ta rằng :

— Nếu nhà vua mà thua luôn ba ván thì vua nước Tàu sẽ đem quân sang đánh nước Nam.

Vua ta tiếp sứ Tàu một cách dùng dỗng mãi, để sẽ sai người đi tìm xem có ai đánh cờ giỏi để đứng hầu vua. Khi bấy giờ các quan mẩy cử ông Vũ-Huyến. Ông Huyến nghĩ rá một cách để giúp vua, rồi tâu với vua rằng :

— Tàu đứng Bệ-hạ xin Bệ-hạ bảo với sứ Tàu đến buồi trưa thì sẽ bày bàn cờ ở giữa sân rồng, rồi nhà vua xin đánh, mỗi bên sẽ sai một người cầm lọng che mà thôi, còn các quan phải xa ra ngoài cho hết.

Sứ Tàu theo nhời vua nói, hai bên địch thủ Ông Huyến sẽ dùi thủng cái lọng ra một lỗ, để thông bóng mặt giời vào, rồi đi che lọng cho vua và tâu với vua :

— Nếu kẻ hạ-thần soi lỗ thủng cái lọng vào quân cờ nào, thì nhà vua sẽ đi quân cờ ấy. Sang một nước khác, thì ông ta lại xoay cái lỗ thủng ấy ra một nước khác, vì thế đánh cờ chẳng sai nước nào cả ; vua ta đánh được luôn ba ván. Sứ Tàu không biết là ông Huyến giúp vua, tưởng rằng vua nước Nam cao cờ, lấy làm kính phục lắm. Cuộc cờ xong rồi vua phong cho ông Huyến làm Nam-quốc kỵ-

trạng-nguyên (*trạng cờ nước Nam*) Từ bấy giờ Ông ta có tiếng là cờ cao, đòn khắp cả trong thiên hạ, cho nên câu tục ngữ có nói : « *Rượu Hoàng mai, cờ Mô trạch* » còn đâu hơn nữa.

3. — VŨ-PHONG (*Trạng vật*)

Ông Vũ-Phong là người ở huyện Đường-an, tỉnh Hải-dương, là em ruột ông Vũ-Hữu; Ông có tướng ngũ đoản (*thấp bé*) khi Ông còn bé có tài đánh vật.

Về thời vua Thánh-tôn nhà Lê, Ông Vũ-Phong theo anh đi chơi ở đất Trường-an, thấy Đức Hoàng-thượng ra ngự triều có anh đô-lực-sĩ (*anh trai vật*) cầm côn sắt đứng hầu vua, trông thấy khi tượng diện mạo anh lực-sĩ ấy ra dáng khoe tài mạnh khỏe, không ai địch nổi.

Ông Phong hỏi anh rằng :

— Người ấy có tài đức gì mà được hiển vinh như thế?

Anh nói :

— Người ấy là người có sức mạnh hơn đời lại có tài đánh vật, nên vua yêu mà phong cho được quyền cao chức trọng như thế

Ông Phong hỏi :

— Tôi muốn cùng người ấy so tài đánh vật có được không ?

Ông Hữu đáp :

— Anh lực-sĩ to lớn, khỏe mạnh như thế kia, mà chú thấp bé như thế này, thì địch nổi với họ làm sao được, tôi sợ chú thua, người ta cười thì ngại.

Ông Phong lại nói :

— Nghề đánh vật tôi rất giỏi vì tất anh lực-sĩ kia đã hơn tôi. Nói xong Ông lập tức làm sớ tâu lên xin vua cho cùng mấy người lực-sĩ ấy thi tài hơn kém.

Đức Hoàng-thượng xem xong tờ sớ liền phán rằng : Kẻ lực-sĩ của ta, trong một vạn người thì may ra chỉ

có được một người đích nòi mà thôi. Kẽ kia cậy có tài gì mà dám cả gan xin như thế? Lập tức xuống chỉ cho đòi ngay vào, để xem sức hơn kém thế nào? Khi bấy giờ đức Hoàng-thượng lèn ngự trên lầu đè xem hai bên đánh vật; khi sắp vào tràng vật, ông Phong nắm một nắm cát trong tay. Khoa tay xông vào rồi ném vung cát vào mặt người lực-sĩ. Anh lực-sĩ bị cát bắn vào mắt, không sao mở được, tay đỡ chẳng kịp, ông Phong đem mèo xóc nách đệm chân, quật ngã anh lực-sĩ xuống đất. Những người đứng xem chung quanh đều vỗ tay cười vang như sấm. Đức Hoàng-thượng cũng lấy làm khen ông ta là người có trí khôn và lại có sức khỏe hơn người. Lập tức truất bỏ ngay anh đó lực-sĩ đi mà phong cho ông làm chức trạng-nguyên vật, từ đấy nồi tiếng là trạng vật, tiếng đồn khắp thiên hạ.

4. — LÊ-NHƯ-HỒ (*Trạng-ăn*)

Ở về huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên, có một người tên là Lê-như-Hồ. Ông là người có khí tượng, minh cao 5 thước rưỡi, lưng rộng 1 thước 70 phân, nhà thì nghèo nhưng rất chăm học, ăn rất khỏe, bố mẹ thường mỗi bữa vẫn cho ăn một nồi bảy corm, học được nửa năm, nhà nghèo không đủ lương ăn đi học, phải đi làm rè ở một nhà giàu kia ở làng Thiện-phiến.

Khi đi ở rè, bố mẹ vợ cho ăn mỗi bữa có nồi năm, ông chỉ ăn rồi lại nằm, không nhìn đến việc học hành gì nữa, bố vợ liền lại hỏi ông thân-sinh ra ông Hồ rằng:

— Ông bảo con ông là người chăm học, làm sao từ khi nó đến nhà tôi, chẳng chịu học một tiếng nào cả.

Ông bố dě hỏi ông bố vợ rằng:

— Mỗi bữa ông cho cháu nó ăn bao nhiêu?

Ông bố vợ đáp:

— Mỗi bữa tôi cho nó ăn một nồi năm.

Ông bố đẻ nói :

— Thế thì cháu nó không chịu học là phải. Nhà tôi dẫu túng kiết, mỗi bữa cũng vẫn cho nó ăn một nồi bầy. Ông bố vợ từ bấy giờ dở đi cũng thời nồi bầy cho ăn, ông Hồ mới cầm sách học một hai tiếng mà thôi.

Bà mẹ vợ có ý không bằng lòng, phản nản bảo với chồng rằng :

— Góm! ông chọn được một ông rể rất giỏi, người ta thường nói rằng: lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống, chỉ dò ăn hại mà thôi, chẳng được việc gì cả.

Người chồng khuyên can nói rằng :

— Bà đừng vội nói thế, nó có sức ăn hơn người, thì tất có tài hơn người, việc gì mà lôi thôi.

Người vợ nói :

— Nếu nó có sức khỏe hơn người, vậy thì tôi có 3 mẫu ruộng bỏ cỏ hoang ở ngoài đồng, ông thử sai nó ra đẽ vỡ cỏ xem nó có thể làm được không? Ông Hồ nghe thấy, sáng mai lập tức, cầm con dao nhơm ra đầu làng, nằm ngủ ở dưới gốc cây đa. Đến khi mẹ vợ đi chợ về qua đấy, trông thấy ông Hồ vẫn nằm ngủ, tất ta tất tưởi chạy về bảo với chồng rằng:

— Tự giày dở đi còn thời nhiều cơm cho thằng Hồ nó ăn nữa thôi, nó giả cách cầm dao đi vỡ cỏ từ sáng đến lúc tôi về chợ, vẫn còn thấy ngủ ở chỗ dưới gốc cây kia kia! Vội vàng dắt tay ông chồng ra xem, ngờ đâu lúc bà mẹ vợ về thì ông Hồ cầm dao ra ruộng, độ nửa giờ đồng hồ đã phát xong 3 mẫu cỏ rồi. Cá chạy không kịp, chết trôi nồi cả lên, bắt được không biết bao nhiêu mà kể.

Đến khi bố mẹ vợ ra xem, ruộng cỏ đã phát xong lại được thêm mấy thúng cá, mới biết ông là người giỏi, tấm tắc khen lấy khen đẽ. Khi lúa chiêm đã cùn, mẹ vợ sai ông đi mượn lấy 30 người thợ gặt. Ông Hồ giả cách đi mượn, rồi dở về bảo mẹ vợ rằng:

— Thưa mẹ, tôi đã mượn nhưng không được người nào.

Ở nhà lúc bấy giờ mẹ vợ đã thồi một nồi 30 cơm đẽ sẵn đầy rồi đẽ đợi thợ gặt về là ăn. Ông Hồ liền bắc ra ăn hết cả. Bà mẹ vợ vừa giận vừa buồn cười nói rằng:

— Mày ăn như thế có vỡ bụng ra không?

Ông Hồ thưa rằng:

— Mẹ không nên gận tôi, mấy mẫu lúa ấy tôi xin gặt trong một ngày là xong, mà chỉ một mình tôi gánh về là hết. Nói xong, ông Hồ liền cầm con dao dài độ 5 thước, chặt tre chè lạt mang đi, gặt độ nửa ngày xong hai mẫu lúa, bó làm 4 gánh quay về. Bà mẹ vợ từ bấy giờ lại có lòng yêu mến hơn, cho ăn đi học.

Ông Hồ đi học, học đến đâu nhớ đến đấy. Thời bấy giờ bên huyện Tiên-lữ có làng vào đám mở hội đánh vật, ông Hồ đi xem cũng xin vào vật, những trai-vật không ai dám địch cả.

Khi ông 30 tuổi, tiếng văn chương lừng lẫy bốn phương giờ, khoa Tân-sửu ông ra thi đỗ Tiến-sĩ.

Trong khi thi có người ở xã Bột-thái huyện Hoằng-hóa tên là Nguyễn-Thanh cùng đỗ đồng khoa với ông, ông Thanh cùng với ông Hồ ngồi chơi. Hỏi đến sự nhà giàu nghèo thế nào? Ông Hồ hỏi bởn ông Thanh rằng: của nhà ông có đủ cho tôi ăn được một tháng không?

Ông Thanh nói rằng; xin quan báu hãy đến chơi, thế nào cũng xin đủ.

Ông Hồ nói xin vâng, tháng sau tôi sẽ đến chơi. Đến tháng sau ông Hồ cùng một người thầy-tớ đi chơi đến nhà ông Thanh, không ngờ ông Thanh đi vắng, ông Hồ bảo vợ ông Thanh rằng:

— Thưa bà tôi cùng với ông nhà ta đây, có ước hẹn nhau đến chơi, nhân hôm nay tôi có việc đi qua đây,

lại có thầy-tớ độ hơn 30 người, bà có lòng thết đãi xin bà sửa sang cho đủ.

Vợ ông Thanh lập tức gọi thầy-tớ thồi một nồi 50 cơm và mồ một con lợn to làm 6 mâm cỗ bưng lên. Ông Hồ sẽ bảo đưa thầy-tớ, mày chạy ra bảo chúng nó vào đây mà ăn rồi ra chẳng thấy đứa nào cả, chỉ thấy có ông Hồ và một đứa thầy-tớ mà thôi, mà ăn hết mâm nọ đến mâm kia. Ông Hồ ăn xong có nhời từ tạ ra về.

Đến hôm sau ông Thanh về nhà vợ vừa cưới vừa nói rằng: hôm qua nhà ta có một truyện rất lạ. Ông Thanh hỏi truyện gì. Bà vợ thưa rằng: hồi lúc sáng hôm qua có một người tự xưng là quen với ông, tôi mời lại thết đãi, người ấy nói rằng: còn có hơn 30 người thầy-tớ ở ngoài kia, tôi sai người mồ lợn làm cơm bưng lên, chẳng thấy người nào cả, chỉ thấy một mình ông ta ngồi ăn nhanh như gió cuốn điện chớp, ăn hết cả con lợn và nồi 50 cơm. không biết rằng người hay là ma quỷ gì mà ăn uống như thế?

Ông Thanh bảo vợ rằng: Thôi, thực bạn ta là ông Lê-như-Hồ đấy rồi, ngày trước ta có hẹn ông ấy đến chơi, cho nên ông ấy đến mà ta đi vắng. Sau này gặp nhau tất ông ta trách hẳn.

Năm sau ông Thanh cũng ra chơi với ông Hồ để xin lỗi, ông Hồ sai người nhà mồ hai con lợn và thồi 4 mâm xôi, sửa soạn xong rồi bưng lên thết ông Thanh. Ông Thanh cũng là người ăn khỏe, mà cũng chỉ ăn hết có một góc con lợn và một góc mâm xôi thôi, còn ông Hồ đã ăn hết phần của mình, lại ăn trèo sang mâm của ông Thanh nữa. Ông Thanh cả sọ nói rằng: Đời xưa ai cũng đã biết đứng tiên-sinh làng Mộ-trạch cũng có tiếng ăn khỏe, mà cũng chỉ ăn hết có 18 bát cơm và 12 bát canh trong một bữa, nếu vi với quan bác thì thực còn kém xa lắm lắm. cơ nghiệp nhà em dà dặn lắm cũng chỉ thết quan bác được độ mươi

bữa mà thôi. Sau ông Hồ làm quan đến Tả thị-lang, vâng mệnh vua đi sang sứ Tàu

Khi sang sứ Tàu, có người ở làng An-chiếu làm nghề bán thịt lợn, là người biện bác rất nhanh, mồm mép rất thạo đi theo ông Hồ làm thầy-tớ. Đến kinh-đô nước Tàu, người ấy nghe tiếng ông Hồ là người ăn khỏe, làm cho mâm cỗ 18 tầng mời ông Hồ vào ăn yến. Ông Hồ vào ăn hết tầng nọ đến tầng kia. Ăn đến tầng thứ 18 thấy có một cái đầu người (ông biết ngay là một thứ đầu cá nhưng cũng giống như hình đầu người), ông Hồ lấy hai chiếc đũa, xiên vào hai con mắt rồi rơ cao lên, người đứng chung quanh ai cũng bịt mắt không dám trông. Ông Hồ nói to gọi thầy-tớ bảo rằng: Tao là người học-trò xưa nay không biết mùi ấy thế nào, day vua Tàu cho tao ăn đầu người Tàu thật là quý. Chúng bay lấy dao lại dày tao ăn cho xem.

Ai ngờ đầu thực là đầu cá cùng mấy đầu người không khác gì nhau, cho nên người Tàu lấy đầu cá ấy thử ông Hồ, thấy ông không sợ lại có nhời khiếm nhã, lập tức sai người bưng đầu ấy chạy đi. Sau vuợ Tàu sai người bịt cả hai mắt ông lại, rồi bảo người dắt ông ra chỗ khác, hai ba ngày lại dắt giờ về, hỏi ông rằng: ông có biết ở đây là chỗ nào không? Ông Hồ đã thuộc lòng đáp lại rằng: đây là chỗ tôi ngồi ăn yến hôm nọ. Vua Tàu khen ông là người tiên-tri liền tha cho không bắt bịt mắt nữa.

Ở nước Tàu thời bấy giờ giờ làm đại hạn đã ba bốn tháng không mưa, nhân có các quan sứ các nước đến triều-cống, vua hạ chiếu sai các sứ làm lẽ cầu đảo, ông Hồ biết tượng giờ chưa có thể mưa được, rầu lên rằng:

« Tàu lạy đức Hoàng-đế, nước chúng tôi là một nước nhỏ, xin để các sứ nước nhơn đảo trước ». Sứ các nước theo thứ tự vào đảo đều không mưa được cả, đến lượt ông Hồ, ông lại thưa rằng: tôi có thắng thầy-tớ học được phép ông Vũ-hầu (ông làm được ra mưa

gio) bay làm rã được mưa gỡ. Hoàng-đế có dùng, tôi sẽ xin đưa nó vào. Vua Tần liền cho triệu vào Thầy-tờ Ông Hồ vào đến nơi tân rǎng : kẻ hạ-thần tâu xin nhà vua cho hẹn mấy hôm nữa, để chọn được ngày lành tháng tốt, mấy có thể đảo được. Nói xong liền đi xem các thứ cây cỏ thi thấy dễ si và cỏ gà đã mọc trắng nõn cả ra biết rằng kỳ mưa sắp tới nay mai lập tức xin bày đàn cúng cấp. Cúng được hôm trước thì hôm sau giờ đồ mưa xuống như trút, mưa suốt hai đêm ngày. vua quan nước Tần đều khen ông có bụng chân thành cảm cách cả giờ đất liền phong cho làm lưỡng-quốc-quốc-sư (兩 國 國 師). và ông Như-Hồ làm lưỡng-quốc-thượng-thư (兩 國 尚 書). Ông Hồ là người ứng đối giỏi giang, vua Tần mời lại để dạy hoàng-tử học, ông bất đắc dĩ phải ở lại dạy học. Khi Hoàng-tử đến học, nếu hơi có tí lỗi gì thì ông liền lấy roi đánh ngay và bảo rằng : tiên học lễ nhi hậu học văn (先 學 禮 而 後 學 文). nghĩa là : trước hết vào học thì phải học lễ phép đã rồi sau mới học đến văn bài chữ nghĩa.

Bà Hoàng-hậu thấy con hay phải đòn, có lòng thương xót, tâu mấy vua để chọn ông quan khác vì thế ông Hồ được về. Khi về thì vua ta phong cho làm thượng-thư, ông sống lâu được 71 tuổi. Khi ông chết vua ban cho một cái áo quan bằng đồng, vua nước Tần cũng sai quan sang đi đưa đám, đến nay trong cảnh đồng làng Tiên-châu hãy còn lăng ông. Người thầy-tờ ông từ khi ở Tần về, vua ta cũng cho tiền làm nhà ở làng Tiên-châu. Khi người thầy-tờ chết cũng được xây am ở bên cạnh lăng ông Hồ, gọi là chùa Quốc-dô đến nay vẫn còn thờ cúng.

5. — TIẾC GÀ CHÔN MẸ

Có người ở huyện Thanh-hà tỉnh Hải-dương, tính hay chơi gà chọi, một hôm đi mua được một con gà

thật tốt, quí hóa không biết chừng nào, gà đòi thời cơm cho ăn, gà rét may áo cho mặc ; có một hôm người ấy đi chơi xa, dặn vợ ở nhà rằng : mày phải giữ gìn con gà, nuôi nấng cho tao, nếu mà nó làm sao thì mệnh mày tức là mệnh nó, dặn xong rồi đi. Không ngờ con gà nhảy vào bếp, người vợ cầm con dao quăng nó chẳng may tin vào cổ. Gà chết, người vợ sợ hãi kêu khóc mấy mẹ chồng rằng :

— Con không may đánh chết con gà, chồng con về quyết chẳng tha con, nhưng con đã có mang ba bốn tháng nay, làm sao mà bảo toàn được tính mệnh ấy. Mẹ chồng nói rằng :

— Con không lo, để tao nói hộ việc ấy cho, không có nhẽ nó giám giết tao. Đến khi người ấy về hỏi vợ rằng :

— Con gà đâu ? Vợ chưa kịp nói thì mẹ đã nói hộ trước ngay rằng :

— Tao trót ném chết nó rồi, tao sẽ đền tiền cho mà mua con gà khác. Anh ta nồi giận đúng mặt xám như chàm, bảo vợ rằng :

— Mày mau thời cơm cho bà ấy ăn no đi. Ăn xong rồi nó cầm cái thường đi trước, bảo vợ lấy thùng trói mẹ dắt đi sau, ra ngoài cánh đồng kia đào một cái huyệt chưa xong, bỗng đâu giờ nồi cơn mưa gió, thấy có tiếng sét rất to đánh chết người ấy ở bên huyệt, trong kinh thành nghe thấy ai cũng lấy làm sợ hãi, kéo nhau đi xem đông như kiến cỏ.

Việc ấy xong đến tai quan Huyện, huyện sứ cho dân xã rồi về khám, khi khám lấy dấm thanh bôi vào thì quả nhiên thấy nồi lên 8 chữ như sau này :

惜鷄理母惡極不容

Tích kê mai mẫu ác cực bất đồng.

Thích nghĩa : Tiếc gà chôn mẹ, ác ấy chẳng tha.

Xem như truyện này thì biết giờ gần không xa.

6. — NGƯỜI THỢ MỘC

Làng Nam-hoa thuộc về huyện Thanh-trương có một người thợ mộc rất khéo, làm đình Nam-hoa, khi dựng đình xong, mẫu mực đằng trước đằng sau thật là tinh xảo, người nào đến xem ai cũng lấy làm khen ngợi.

Một hôm người thợ mộc đương ngồi chơi ở trong nhà, thì chợt thấy hai người ăn mặc tử tế vào bảo rằng: tao vâng mệnh vua Diêm-vương về đón mày. Người thợ mộc nghe nói ý muốn trốn đi. Hai người ấy bảo rằng:

Chúng tao là sứ-giả của vua Diêm-vương sai đi dè gọi mày, vì có lòng yêu mến mày, mới bắt mày xuống làm nhà, nếu mày không đi thì tất có tội. Người thợ mộc sợ hãi dặn bảo vợ con, xong rồi sửa sang chàng đục theo hai quan sứ-giả đi ngay, đi không bao lâu đã đến bờ bắc. Hai quan sứ giả dẽ nước cho người thợ mộc đi, đi độ nửa giờ đã đến cung vua Diêm-vương, thấy vua Diêm-vương đương ngồi trong cung, cho triệu người thợ mộc vào phán rằng:

Trẫm muốn làm một tòa lâu-dài, vôi gạch tre gỗ đã đủ cả rồi, nghe thấy nói mi là một người thợ rất khéo, nên giúp trẫm làm mẫu mực cho tổ hảo, sau trẫm sẽ thưởng công to.

Phán xong rồi liền chọn ngày khởi công, làm chính cung 50 gian, cung Hoàng-hậu 30 gian, cung thái-tử 20 gian, làm luôn trong 3 năm công việc mới xong. Người thợ mộc liền quỳ gối tâu rằng:

Tẫu lậy đức Long-quân, công việc xong rồi, chúng tôi xin về. Vua Diêm-vương thưởng cho một cái hòm, mà không biết hòm gì, lấy dây buộc chặt, phán bảo người thợ mộc rằng:

Dương-gian âm-phủ khác nhau, những việc dưới này mày về không được tiết lộ. Phán xong, rồi vua Diêm-vương lại cho đưa người thợ mộc về đến nhà.

Đây lại nói khi trước, vợ người thợ mộc thấy chồng bị vua Diêm-vương bắt xuống làm nhà, tưởng không

có nhẽ về được, liền làm lễ đê tang, ba năm vừa xong. Một hôm chợt thấy chồng về, vội vàng chạy ra cầm tay trò truyện, mở tiệc vui mừng. Họ hàng làng nước nghe tin người thợ mộc ấy mới về, cũng đều đủ nhau đến chơi thăm hỏi. Người thợ mộc hậu đãi ăn cần, cũng không dám nói lộ những việc ở dưới long-cung. Đến khi mọi người về cả rồi, người thợ mộc đem cái hòm mở ra xem thì thấy trong hòm có 30 viên ngọc minh-châu, lập tức đem ra kinh-thành phát mại. Thời bấy giờ có người ở nước Ba-ty sang mở hiệu buôn bán ở nước ta trông thấy những viên ngọc ấy bảo rằng: đây là ngọc lão-quy-thoát-sắc, không phải cõi trần có được, thật là vật quý của vua Diêm-vương, định giá bán mỗi viên là 500 quan. Người thợ mộc thuận bán 20 viên, được tiền một vạn quan, còn 10 viên mang về để làm của quý.

Từ đấy người thợ mộc giàu có hơn cả chốn huyên thành, sống lâu được 57 tuổi, tự nhiên không bệnh mà chết.

Khi người thợ mộc sắp chết có kè hết cả các truyện ở dưới thủy-phủ đờ trước cho vợ nghe. Người thợ mộc ấy chết thì những viên ngọc ấy biến đi mất cả. Về sau vợ con làm ăn mỗi ngày một thịnh vượng.

7. – ĐỒNG-CƯƠNG

Ông Đồng-Cương là người ở làng Mặc-dương, huyện Trí-linh tỉnh Hải-dương; lúc tuổi trẻ ai cũng gọi là thần-đồng, lại có trí ngang tàng không biết sợ ai cả.

Khi 15 tuổi vào học ở nhà quốc-học, quan Đốc ra cho bài phú « Chùng tu quốc-tử-giám » cho học-trò tập làm Ông Cương làm hai bài giống nhau, quan Đốc chấm bài phê cho vào hạng ưu, lại hỏi Ông Cương rằng:

— Có làm sao anh lại làm 2 bài giống nhau ? Ông Cương thưa rằng :

— Tại đầu bài ra có hai chữ « chùng tu » (重修) (nghĩa là làm hai lần) cho nên tôi làm như thế.

Thời bấy giờ có quan án ở tỉnh Hải-dương, Ông Cương đến cung-đường đánh 3 hồi trống; quan án nghe thấy trống tưởng có việc gì cần, vội vàng mặc áo đội khăn ra ngay. Khi quan án ra công-đường thấy một người học-trò, liền hỏi rằng:

— Có làm sao dám đánh trống? Ông Cương thưa rằng:

— Chúng tôi là kẻ học-trò kiết, muốn xin vào hầu quan lớn, không biết làm thế nào mà vào thẳng chỗ quan lớn được, cho nên tôi đánh trống để quan lớn ra thì tôi được tiếp, chứ thực không có việc gì cả. Quan án nói:

Mày thực là học-trò, ta ra cho mày một bài thơ nôm, mày làm được ta sẽ thưởng cho. Ông Cương nói rằng:

— Xin quan lớn có ra 100 bài thì mày đủ sức tôi làm, chứ ra một bài thì tôi không thèm làm.

Quan án nghĩ một chốc, rồi ra ngay 100 bài. Ông Cương cầm bút viết xong ngay. Quan án xem biết thực là người văn hay chữ tốt thưởng cho một thúng gạo và 5 quan tiền. Ông Cương thưa rằng:

— Nếu một bài mà hay thì quan lớn cũng đã đáng thưởng một thúng gạo và 5 quan, phuong chi 100 bài đều hay cả. Quan án lại cho thêm 3 thúng gạo và 15 quan tiền nữa; ông Cương mới từ tạ ra về.

Ông Cương vốn là nhà thanh bạch, trong làng có nhà giàu thấy ông học hành khá đem con gái gả cho, ông Cương liền đi ở rề, từ bấy giờ sức học càng ngày càng tẩn tội, trong bụng lúc nào cũng chăm chăm hai chữ Trạng-nguyên.

Đến năm sau có khoa thi, ông Cương cũng đi thi, làm bài kỳ đệ nhất xong rồi, về bảo với bố vợ rằng:

Ông ở nhà tậu một con trâu và giặt bão người làng

sắp sửa cờ trống vỗng lọng đi đón quan tân-khoa.

Nói xong rồi lại vào thi kỳ thứ hai, thấy đầu bài kỳ thứ hai ra ở kinh-thi, ông không hiểu đầu bài ấy ra nghĩa làm sao, có ý phàn nàn cáo bệnh xin ra. Bên cạnh ông có ông đồ già đương làm văn, thấy ông phàn nàn hỏi rằng :

— Tại làm sao ông muốn cáo bệnh mà ra? Ông Cương nói rằng :

— Đầu bài ấy tôi không hiểu ra làm sao? Ông đồ già nói :

— Tôi nhớ được cả, xin ông ở lại tôi đọc lại cho ông nghe. Ông Cương nói rằng :

— Nếu có tài Trạng-nguyên mà phải đi nhờ người ta. Lập tức làm tờ cáo bệnh ra ngay, về nói với bố mẹ vợ rằng :

— Khoa này tôi hỏng quyết khoa sau tôi sẽ đỗ Khôi-nghuyên. Bố vợ nói rằng :

— Thế mà mày đã chắc bảo tao tâu trâu và bảo làng sửa cờ quạt đi đón, bây giờ mà hỏng thực là xấu hổ, từ giờ giờ đi chờ có nói khoác.

Đến khoa sau ông Cương lại bảo với bố vợ sửa sang như trước. Nếu không thể tôi quyết không đi thi nữa. Bố vợ nói rằng :

— Trước tao nghe mày đã bị người ta chê cười rồi, bây giờ mày lại bảo tao làm như trước, nếu tao làm ra mà mày không đỗ thì mang tiếng xấu mấy làng nước.

Ông Cương nghe bố vợ nói dưng dỗi không tin, liền sang xã Lôi-đỗng vào gheo vợ người ta, bị người chủ bắt được. Bố vợ nghe thấy đem 60 quan tiền sang chuộc và hỏi ông Cương rằng :

— Làm sao sắp đến kỳ thi mà mày lại còn chơi bời đại dột như thế? Ông Cương thưa rằng :

— Tại ông không nghe nhời tôi, nên tôi quá giận.

Bố vợ nghe nói tớ hết đầu đuôi, bất đắc dĩ cũng phải tâu trâu để chiều lòng con rể, ông Cương thấy bố vợ tàu

trâu rồi liền ra thi. Lúc mới vào trường, ông nói to lên rằng : khoa này đỗ ai ra đầu bài chõ nào tôi không biết. Quả hiên khoa ấy vào thi đỗ tiến-sĩ.

Ông là người hay chử khinh người cho nên nhiều người đem lòng ghen ghét. Văn ông đáng đỗ trạng-nguyễn, các quan ghét ông kiêu ngạo truất xuống thứ hai. Ông tức giận nên ngày vinh-quy, ông đi bộ mà về; đi đến làng Mặc-dương bấy giờ nước sông lênh to. Ông cứ lội tràn mà qua. Ý ông giận rắng, không được trả g-nguyên nên ông làm như thế. Em ruột ông tên là Đồng-Đắc, sức học lào thào, đi thi cũng đỗ được tú-tài.

Một hôm vợ ông Đồng-Đắc ngồi với vợ ông Đồng-Cương, cùng ngồi một chiếu, cậu ruột đi qua trông thấy mắng rắng: chị mày là bà tiến-sĩ mà mày là bà tú-tài, sao dám ngồi ngang nhau như thế, tự giày giờ đi không được thế nữa.

Vợ ông Đồng-Đắc tức giận ra về bảo chồng rắng: Chàng không đi học đỗ được tiến-sĩ thì tôi không nhận là chồng nữa. Ông Đồng-Đắc thấy vợ nói liền vào hỏi anh :

— Anh xem tài tôi có làm được tiến-sĩ không? Anh nói rắng :

— Tài tiến-sĩ như anh thật ít. Còn các quan triều-thần sức học đều như chú mà thôi, như chú có học thì cũng làm được tiến sĩ.

Ông Đồng Đắc lúc bấy giờ liền lèm thầy đi học, quả nhiên sau cũng đỗ tiến-sĩ, cùng với anh cùng được hiên vinh; thế mấy biết giàu vì bạn sang vì vợ.

8. — NGUYỄN-THỊ-THẢO

Bà Nguyễn-thị-Thảo ở làng Đặc-kiệt huyện Trí-linh tỉnh Hải-duong. Tiên tổ bà mời thầy địa-lý chính tông bên Tàu xem được một kiệu đất « nhất-kính-chiếu-tam-vương » nghĩa là một cái gương soi ba vua. Thầy địa

đoán rằng: ngôi đất này sau ắt sinh ra một người con gái nhan sắc hơn đời, thông minh đặc biệt. Sau sinh ra bà Nguyễn-thị-Thảo, hình dung tuấn tú, tướng mạo khôi ngô, quả như nhời thầy địa đoán.

Khi bà lên 10 tuổi, theo nghiêm phụ tránh nạn Tây-sơn lên ở tỉnh Cao-bằng, giả giặng ăn mặc làm con gai, tìm thầy đi học, sức học mỗi ngày một tấn tới, văn chương rõ tài nhả ngọc phun châu, nàng Ban ả Tạ có dâu thế này.

Bấy giờ quyền chính trong thiên hạ về tay họ Mạc, mở khoa thi kén những bậc tài năng; bà Nguyễn-thị-Thảo cũng đi thi đỗ thủ-khoa, thầy học đỗ thứ hai. Lúc vào ăn yến, vua nhà Mạc thấy tướng mạo khôi ngô, giáng điệu mềm mại, coi như một người tiên-nữ. Vua nhà Mạc xét hỏi tình trạng thế nào, bà liền nói thực, vua Mạc càng thêm tin dùng, không bao lâu nhà Mạc mất nước, bà trốn vào rừng sau bà bị quân Tây-sơn bắt được, bà bảo quân Tây-sơn rằng:

Lũ chúng bay bắt được tao thì phải đem vào nộp vua mày, chứ chúng bay không được bờm xơm vô lê. Quân Tây-sơn thấy bà ăn nói nghiêm trang, lòng càng kinh sợ, lập tức giải lên cho vua là Nguyễn-Huệ

Nguyễn-Huệ thấy bà là người đứng mực lại thêm bậu dãi an cần. Lúc tuổi già bà coi danh lợi như đám phù vân, vui lòng cảnh phật gửi mình thiền-am.

Sau vua Gia-long ra dẹp giặc Tây-sơn, đem lại non sông, liền xuống chiếu tìm những người nữ-học để dạy bảo kẻ cung-tần phi-nữ. Các quan triều thầm lấy danh-sách tên bà tâu lên, vua Gia-long vời bà vào trong cung, phong chức cho bà làm quan Giáo-thụ, các cung-nữ ai cũng tôn bà là bậc lê-sur. Bà thờ nhà Mạc và bà Nguyễn đều lấy là bậc văn chương tài giỏi để vua tin dùng, trong nước có việc gì khó khăn, vua cũng thân đến hỏi, bà bèn đem những điều cách ngôn của

thánh-hiền, những nbe công bằng của giờ đất tàu bầy, vua càng yêu mến, cho nên những quyền văn thi hội và những tờ biếu chiếu của các quan, vua cũng giao cho bà xét định.

Đến khoa tân-vị, ông Nguyễn-công-Thọ vào thi đình, đỗ Hoàng-giáp. Lối văn-chương của ông không mấy người biết được, vua liền hỏi bà, bà hết sức suy xét tàu bầy được hết cả, vua càng khen bà là người tài cao học rộng.

Trước khi ông Nguyễn-công-Thọ vào thi đình làm văn xong rồi, ra bảo anh em bạn rằng : văn chương của tôi vị tất các quan trong triều đã biết được, có chăng thì chỉ có bà chị tôi là bà Nguyễn-thị-Thảo mà thôi. Xem như thế mới biết rằng : lối văn súc học của chị em ông Nguyễn-công-Thọ, cõi đời ít có.

Lại nói xưa kia anh bà bị người làng làm tủa nhục, sau bà có quyền cao chức trọng, những người làng ấy run run sợ sợ mà bà vẫn hậu đãi hàn hoì, không chút đem lòng oán giận, bà ăn ở như thế, ai cũng phục bà có độ-lượng như giờ như bê, bà sống được 80 tuổi mới quy tiên.

Khi trước, bà có làm văn quốc-ngữ để dạy người nhà, trong bài văn có câu rằng :

« Hièm vì một chút đảo-diên,

Song le bạc thị là duyên Hán-thần » lại có câu rằng :

« Nữ-nhi lại được ra thi,

Ất là tay thiếp kém gì trạng-nguyên ». Xem những giọng văn có khí tượng như thế, ai chẳng nên thêm quý, thêm trọng, thêm phục, thêm tôn. Bà thật là bậc tài nữ làm gương cho bọn quần-thoa vậy.

9. — PHẠM-DUY-CHẬT

Ông Phạm-duy-Chật là người làng Sác khê, huyện Chí-linh tỉnh Hải-dương; lúc bé ông mồ côi cha, bà mẹ hối lòng nuôi nấng dạy bảo; khi ông ta lên 9

tuổi, ở làng Thanh-dòi huyện Siêu-loại có ông Nguyễn-khắc-Kinh lúc chưa đỗ ở nhà dạy học, mẹ ông Chật đến làng Thanh-dòi, hỏi ông Kinh rằng:

— Tôi có người con bé muốn cho vào theo học ở cửa nhà ngài, không biết lẽ vật đem đến thế nào là phải, xin ngài chỉ bảo cho. Ông Kinh cười, đáp rằng:

— Sự ấy hậu bạc tùy tâm sự lệ thế nào cũng được, cốt tâm thành thì thôi. Mẹ ông Chật thưa rằng:

— Nhà tôi chỉ có con trâu cầy, đem mồ rồi sửa lẽ có được không? Ông Kinh bảo rằng:

— Lẽ như thế thì quà hậu lắm. Mẹ ông Chật nói:

— Sự sửa lẽ vào học rất là một sự tôn trọng, tôi xin mồ trâu làm lẽ chứ không phải là quá hậu. Lẽ thành xong rồi, ông Kinh hỏi:

— Thằng bé con nhà bà tên là gì? Bà ấy thưa rằng:

— Tên cháu là Phạm-Chật. Ông Kinh giật mình nói rằng:

— Mấy năm trước có một đêm tôi nằm chiêm bao đi tui thấy người đỗ với tôi, tên là Phạm-duy-Chật, đến lúc tỉnh ra tôi vẫn còn nhớ tôi đi dạy học khắp cả thiên-bà không thấy ai có tên ấy cả, đến bây giờ thấy tên ấy vào học tôi, hẳn sau này tôi cùng với con bà cụ sẽ đỗ đồng-khoa.

Ông Kinh nói truyện xong, rồi dạy ông Chật luyện tập văn bài, thấy ông Chật sức học tinh thông, giọng văn sắc sảo, ý thầy lúc bấy giờ chỉ muốn tranh khôi đoạt giáp, đến khi thi, thầy bảo học-trò rằng: Khoa này đỗ trạng mà phải nhường cho tao, ông Chật thưa vang.

Khi hai thầy trò vào thi, ông Kinh đau bụng không thể sao làm bài được, chột giạ nhờ đến chiêm bao ngày trước, liền ngửa mặt lên giờ khấn rằng:

Tôi không dám cùng ông Chật tranh đỗ Trạng-nghuyên, xin giờ giúp tôi cho tôi làm được xong bài. Khấn xong tự nhiên khỏi đau bụng, cầm bút viết văn đem nộp.

Đến khi xướng danh, ông Chật đỗ Trạng-nghuyên, ông Kinh đỗ Hoàng-giáp; thế mới biết rằng học tài thi phận.

Ông Chật đỗ Trạng là phải, xem khi mẹ ông ấy sửa lê nhập môn, có khí tượng to nhơn, chứ ông Kinh đem ngón văn chương sánh đường khoa cử, tranh tài hơn kém thì được, đến độ lượng phúc đức thì kém với ông Chật còn xa

10. — NGUYỄN-XUÂN-QUANG

Làng Đột-lĩnh, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây có một người tên là Nguyễn-xuân-Quang; thiên-tư chậm chạp, nhưng chỉ có khiếu thông minh nhở lâu, chăm chỉ học hành, đã nhở được câu gì thì không bao giờ quên.

Khi ông đi học, học suốt ngày đêm không mẩy khi ngủ. tiếng ông thì to mà lại thô bỉ khó nghe, người hàng xóm ai nghe thấy tiếng ông học ai cũng bịt tai mà cười. Trong nhà ông có một vườn cau tươi, ông ngồi đọc sách ở đấy, vừa đọc sách vừa lấy cái gậy đập vào cây cau để làm dịp học, đến nỗi cả một vườn cau chết khô cả. Bà chị thấy em có chí siêng học, vừa giận vừa mừng bảo ông rằng:

— Đất sỏi bao giờ lại có chạch vàng, làm gì khổ thân như thế. Ông ta cũng không nghe, cứ chăm chăm một việc học. Về sau biến đổi cả khí chất ngu tối, thành ra sáng suốt.

Đời vua Nhân-tôn nhà Lê, khoa đình-dậu ông đi thi hương đỗ thủ-khoa, thi đình đỗ tiến-sĩ, ngày về vinh-quy, những người đến mừng ông đông như kiến cỏ. Song, ông có làm cỗ mời chị đến đánh chén, ông có bảo người nhà làm một đĩa có con chạch vàng to béo để mời chị xơi, và nói rằng: Ngày xưa chị bảo đất sỏi không có chạch vàng, chị xem bây giờ chẳng có là gì. Sau hai chị em cùng nhau uống rượu vui cười. Phương ngôn có câu rằng: « Có chí làm quan, có gan làm giàu » câu ấy ví mời ông Quang thật là đúng lắm.

11 — VUA ĐẾN CHƠI NHÀ

Có một người đàn bà ở huyện Đường-hào, làm nghề ngâm ruộm vải kiếm ăn, để được một người con gái, rồi chồng chết. Lúc bấy giờ có một người Tầu vì quen thuộc, làm hộ một ngôi đất tốt để táng; táng xong rồi đoán rằng : Trong 3 năm nữa thì sẽ có vua đến chơi nhà, tất là phủ quý to.

Đến đời vua Nhân-tôn nhà Lê có quan sứ Tầu sang phong vương cho vua ta, vua súc cho các kinh thành, nhà nào cũng phải dán một đôi câu đối ở ngoài cửa, treo đèn cẩm cờ, kết hoa tết lá để đón sứ Tầu.

Đêm hôm ấy vua Nhân-tôn giả cách làm một người học-trò, đi chơi xem các câu đối thành phố, chợt đi qua đến nhà người thợ ruộm ấy, vua bảo người ấy rằng :

— Nhà nào cũng có câu đối cả, mà nhà bà không có là nghĩa làm sao ? Người đàn bà ấy thưa rằng :

— Tôi là một người đàn bà già yếu, chỉ có một đứa con gái lại đi học xa, mượn người ta làm thì phiền lắm, làm lấy thì không biết chữ gì, nên nhà tôi không có Vua bảo rằng :

— Tôi làm hộ nhà bà có được không ? Người thợ ruộm thưa :

Nếu ngài có lòng tốt mà làm hộ cho thì còn nói gì hơn nữa. Vua bảo lấy giấy bút, viết rằng :

天 下 青 紅 皆 我 手

Thiên hạ thanh hồng gai ngã thủ;

朝 中 朱 紫 總 吾 家

Triều trung chư tử lồng ngô gia.

Thích nghĩa = Xanh vàng thiê - hả đèn tay tớ,
Đỗ ta triều-dịnh bởi cửa ta.

Đến hôm sau có ông Thượng-thư họ Lương, đi vào chầu qua cửa nhà thợ ruộm, thấy câu đối ấy vội vàng hỏi rằng :

— Ai làm bộ câu đối ấy cho nhà bà thế? Người thợ ruộm thưa rằng :

— Hôm qua có người học-trò đi qua đây rồi vào viết hộ tôi đây, viết xong rồi đi ngay, tôi không biết là người ở đâu.

Khi quan Thượng-thư vào chầu tâu rằng :

— Trên có đức Thành-minh trị vì, đức ngời dương tinh, mà làm sao tôi thấy câu đối ở thành-phố, ở một nhà người thợ ruộm, thật là khí tượng thiên-tử. Tôi trộm nghĩ rằng: còn có đứng thiên-tử nào nữa. Vua cười nói rằng :

— Ấy là đêm hôm qua, trẫm đi chơi viết hộ nhà nó đấy.

Quan thượng-thư ngẫm nghĩ một hồi lâu, sẽ nói rằng : nhà thợ ruộm có vua đến chơi nhà, hẳn con cháu nó sau này tất khá. Liền gả ngay con gái cho con giai bà thợ ruộm.

Đến đời vua Túc-lôn quả nhiên người con giai bà thợ ruộm ấy đỗ tiến sĩ, làm quan đến lục-bộ Thượng-thư.

12. – NGUYỄN-THỢ-XUÂN

Huyện Chí-linh tỉnh Hải-dương có một người tên là Nguyễn-thợ-Xuân lúc tuổi trẻ cùng với ông thần-dòng làng Hoạch-chạch ngang nhau. Người bấy giờ có câu nói rằng: «*Thần-dòng Hoạch-chạch tú-tài Nhạc sơn.*» Ông Xuân là người văn học rộng rãi, nhưng đường khoa cử vẫn còn chậm chạp; 51 tuổi mới thi đỗ tú-tài. Đến khoa sau dúng vào kỳ thi, vua ra cửa ngõ môn, cho nên đầu bài thi quá trưa mới có. Đầu bài ra 12 câu, học-trò làm bài nào cũng nói qua

không được minh bạch, ông Xuân chỉ làm có 4 câu, nhưng câu nào cũng minh bạch, nghĩa lý gọn gàng, khi quan tràng chấm văn thấy quyền của ông Xuân chỉ có 4 câu rất hay, không dám quyết lấy, liền cất vào hòm. Đến khi đem những quyền văn phê đỗ dâng lên vua xem, vua hỏi các quan còn sót quyền nào nữa không?

Quan chủ-khảo tâu rằng:

— Còn sót một quyền có 4 câu rất hay, nhưng chỉ hiềm về một nỗi 8 câu không làm cho nên chúng tôi không dám lấy.

Vua phán rằng:

— Thi nhất cú, phú nhất vận; một câu thơ hay còn lấy được, phương chi là 4 câu hay, mà sao lại bỏ.
Quan chủ-khảo tâu rằng :

— Quyền ấy không lấy đỗ thì thôi, nếu lấy thì tên ấy cho đỗ đầu. Vua phán rằng :

— Xem văn có đáng đỗ đầu thi cho đỗ đầu còn nói gì nữa. Quan chủ-khảo thấy vua nói liền phê cho ông Xuân đỗ Khôi-nguyên

Nói trước ông Xuân vào thi, làm văn xong rồi về, dặn người nhà trợ rằng : khi nào ra bản phiền ông xem hộ, nếu thấy tên tôi đỗ thi lập tức về nhà tôi bảo tôi. Ông Xuân dặn nhà trợ xong rồi liền đi thẳng về nhà mình. Khi về đến nhà bà vợ hỏi rằng :

— Khoa này thầy nó vào thi làm văn thế nào? Ông Xuân bảo vợ rằng :

— Đầu bài ra 12 câu, tôi chỉ làm có 4 câu thôi. Bà vợ nói tam bành lục tắc lên nói rằng :

— Năm mươi tuổi đầu mới trúng tú tài, bây giờ đi thi, đầu bài có 12 câu chỉ làm có 4 câu, còn mong đỗ đạt thế nào nữa Ông Xuân nói rằng :

— Đàn bà biết gì. 4 câu của tôi ăn đứt 12 câu của người. Nói xong rồi hai vợ chồng cùng nhau ra đồng cày bừa quá trưa hòm ấy bỗng dưng thấy người nhà trợ ở đường xa đi lại, ông liền hỏi to lên rằng :

— Những tên ai đỗ? Người nhà trọ mừng Liu cả lưỡi nói không ra hơi, chỉ vỗ tay cười mà thôi. Ông Xuân ngoảnh cổ lại bảo vợ rằng:

— Quả như nhời tôi nói không sai. Người nhà trọ lúc bấy giờ mới nói rằng:

— Tôi trông thấy tên ông đỗ Khôi-nghuyên. Ông liền dù người nhà trọ về nhà uống rượu, sáng mai ra kinh-dò lĩnh mũ áo cờ biền, rồi về vinh quy.

Sau, vua thấy ông là người học hành rộng rãi, thêm lòng yêu mến. Ông là người hiếu sắc, những nàng hầu không mấy lúc là không ở liền bên cạnh ông.

Mấy năm sau ông đi chấm thi ở tràng Nghệ-an khi ông đi đem cả 2 người vợ bé cải dạng nam-trang đi hầu. Sự ấy lộ ra, hai quan Giám-sát lập tức làm sớ tâu vua, vua xem rồi cả giận nói rằng: đây là chỗ việc công sao dám nói xẳng, lập tức đuổi hai quan Giám-sát về; thế là vua có ý biết ông Xuân có lỗi, nếu tha ra thì phép triều-dinh bỏ mất, mà bắt tội thì tình cảnh già lão khá thương, thà rằng không nghe nhời tâu, nên đuổi hai quan Giám sát về, thế mới biết vua yêu ông Xuân là nhường nào; nên 70 tuổi vẫn còn được làm quan ở trong triều.

Khi ông 80 tuổi được về tri-sĩ, dẫu ông về tri-sĩ nhưng vẫn ở chốn kinh-dò, tuy ông tuổi tác song tinh thần vẫn khỏe mạnh.

Năm nào hôm mồng một tết ông cũng vào chầu vua, vua thưởng cho ông những đồ vật rất nhiều. Khi ông 96 tuổi hãy còn để được hai người con gai, ông vào chầu vua, vua cười và cho một bài thơ rằng:

Tuổi già nhưng bụng vẫn không già,
Già được như ông dễ mấy a?
Già giẻ già gai già khỏe mạnh,
Con con cháu cháu chất sân hoa.

Khi ông còn bé gặp đặt những việc gian chuẩn trắc trở, 20 tuổi chưa có vợ. Có một đêm ông đọc sách

mỏi mệt, không biết ngủ lúc nào, mơ màng thấy thầm bảo rằng: vợ mày đêm nay mới giáng sinh. Ông tỉnh dậy hỏi trong làng có một người mới sinh được một đứa con gái; sau người con gái ấy quả nhiên kết duyên với ông, không được bao lâu phải đứa hào cường ở làng Lạc-đạo nó cướp mất.

13. — CHÂN-NHÂN

Làng Bối-khê, huyện Thanh oai tỉnh Hà-dông có một người gọi là Chân Nhân, khi trước bà thân-mẫu ông có một đêm nằm chiêm bao thấy phật giáng sinh, tỉnh dậy liền có thai rồi sinh ra ông ta.

Ông Chân-Nhân lúc bé đã phải mồ côi, đời rét không biết chừng nào. Năm lên 5 tuổi, đi ở chăn trâu cho cậu, đến chỗ chuồng ao nào, nếu bắt được con tôm con cá gì, cũng đem thả ra sông Vĩnh-giụ. ngày nào cũng cùng mấy lũ trẻ chăn trâu đùa bỡn, một mình làm một cái chùa nhỏ ở ngoài đồng, nếu đi chăn trâu là lấy trộm cơm của cậu đóng oản đem ra cúng, ông cậu đã nhiều phen đánh mắng mà vẫn không chùa.

Khi lên 9 tuổi trốn ra ở chùa trong làng, tụng kinh niệm phật không lúc nào quên, khi 20 tuổi lại ra tu ở chùa Tiên-lữ thuộc huyện An-sơn, tu hành khổ hạnh mới học được phép tiên. Sau chùa chùa Tiên-lữ, bảo thợ mộc đến làm tất cả hơn 100 người. Ông chỉ thổi một nồi cơm nhỏ, bảo các thợ rằng:

Các anh sắp sẵn dăm cái thùng to để đựng cơm, ta về chùa Bối-khê lấy tương cà ra cho mà ăn.

Các thợ tưởng là nói bỡn, không có lòng tin, quả nhiên ông Chân-Nhân tự chùa Tiên-lữ về chùa Bối-khê đường đi độ 3 ngày, mà ông chỉ đi chớp mắt về ngay, lấy tương cà về chùa Tiên-lữ gọi các thợ đến ăn. Người thợ bắc nồi cơm con lên, hơn 100 người

súm lại ngồi ăn không hết. Các thợ bấy giờ đều là làm kính sợ, bảo ông có phép thần-thông, thật là Chân-Nhân đặc đạo.

Khi chùa Tiên-lữ làm xong, ông Chân-Nhân bảo thợ mộc đóng một cái khám đóng xong rồi, Chân-Nhân vào ngồi trong khám, gọi tăng-ni và các tu sĩ, vãi đến bảo rằng: Nay ta bụi trần rũ sạch, muốn làm việc thiêu hóa, các đạo tràng phải đóng cửa khám lại cho ta ba tháng, rồi sẽ mở ra mà xem. Khi mở nếu thấy mùi thơm sẽ nên phụng thờ, nếu thấy mùi hôi phải đem đi táng.

Các đạo-tràng theo như nhời nói ấy, đóng cửa khám đến ngoài bách nhật mới mở ra xem. Lúc mở ra chỉ thấy ông Chân-Nhân ngồi xếp bằng tròn và có mùi hương bay thoang thoảng, liền cùng đắp tượng đền phụng thờ. Dân Tiên-lữ ai cũng có lòng tôn sùng tế lễ; dân Bối-khê cũng sang rước về chùa làng đền thờ, năm nào cũng cứ đến 12 tháng giêng mở hội linh đình, người đến xem đông như kiến.

Đến cuối đời nhà Hồ có quân Tầu sang làm loạn nước ta đốt chùa Bối-khê, tượng Chân-Nhân 3 ngày không cháy, không biết làm thế nào mà đốt được; tự nhiên thấy một người đến trước mặt quân Tầu bảo rằng: May mắn đốt tượng này nên lấy bắc bọc kín rồi tầm dầu mà đốt thì cháy. Quân Tầu cũng làm như thế. Một chốc giờ mưa ra máu 3 ngày, quân Tầu bị bệnh ôn dịch chết mất rất nhiều, lúc bấy giờ ở cánh đồng làng Bảo-dà, quân Tầu phải đắp đất vòng tròn làm đống đòng quân, thấy quân chết quá nửa, quân Tầu hận hinh sợ hãi, mới biết ông Chân-Nhân là bức linh thiêng, liền vào chùa Bối-khê làm lễ xin tội, lại thấy Chân-Nhân hiện lên bảo rằng: Chúng bay muốn bảo toàn tính mệnh về Tầu, phải khă; tạc tượng khác giả tao, nếu không làm thì chúng bay cết cả. Quân Tầu nghe nói xin vâng, đem quân về tạc một pho tượng y như tượng cũ, rước sang chùa Bối-khê làm lê phụng thờ,

tự bấy giờ quân Tầu bình yên, đến nay năm nào cũng có quắc-tế một lần.

14. — NGUYỄN-SÍ

Ông Nguyễn-Sí là người ở làng Sái-sá, huyện Chân-lộc, tỉnh Nghệ-an, gặp lúc cuối đời nhà Trần, có quân nhà Minh sang làm loạn nước ta, thân-phụ ông không chịu ra làm quan, đi tu ở chùa trong làng; hôm nào gà gáy cũng thức giậy đánh chuông, thắp hương tụng kinh. Có nhà hàng thịt ở cạnh chùa, sáng nào nghe tiếng chuông cũng thức giậy mồ lợn; một hôm người hàng thịt mua được con lợn sề, không biết nó chửa, định đẻ sáng mai đem mồ; đêm hôm ấy ông sư nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến kêu khóc nói rằng:

Đêm hôm nay ông đừng đánh chuông vội, xin cứu lấy 8, 9 mệnh mẹ con tôi.

Ông sư tỉnh giậy cứ theo như nhời trong lúc chiêm bao, mãi đến trưa mới đánh chuông người hàng thịt như mọi lần nghe thấy tiếng chuông mới thức giậy, tìm dò mồ lợn thì đã thấy con lợn đẻ được 9 con. Ông sư lấy sự ấy làm lạ, liền mua cả đàn lợn thả vào trong rừng; đến tháng sau ông sư đi chơi, bị hổ vồ, đem táng vào trong núi.

Ngày mai ông Si không thấy bố về liền vào núi đi tìm, trông thấy mối dùn lấp cả thây cha, nhưng còn hở một bàn chân, ông Si nhìn chân mới biết là đích thật, lại lấy đất đắp kín đi, làm lê thành phàn xong rồi, về chùa lập đàn giải oan, trong 3 năm ông Si đền tang thờ cha hết lòng hiếu kính. Lúc bấy giờ ông Si đã 17 tuổi, tự nghĩ rằng gia kế bầnបản, ra tỉnh Thanh-hóa bán dầu làm kế sinh nhai; đi đến huyện Sơn-đông, mặt giờ gác núi, chiêng đà thu không. một mình bơ vơ ở cánh đồng, không biết trọ vào đâu được, thấy trên núi có một ngôi đền, ông liền lên ngủ trọ. Khi

dến thấy cửa đèn đóng chặt, ngoài hiên có cái khánh đá treo, ông liền nằm ở bên khánh ngủ. Đến canh hai ông Sí nghe thấy tiếng xe ngựa từ đường xa lại, lại thấy có người ngồi trên xe bảo ông thần núi ấy rằng:

Đêm nay đức Ngọc-hoàng có chỉ đòi trăm quan bàn về việc lập vua An-nam, việc ấy thực là quan hệ không được thiếu ai. Lại thấy ông thần núi nói rằng:

Đêm nay tôi có quý khách ở cõi trần ngủ trọ tại đây, nên tôi không đi được, tôi đã viết giấy xin phép, xin quan báu cứ đi và đem giấy tâu hộ tôi.

Nguyễn-Sí thấy hai ông thần nói truyện xong, một ông lên xe đi liều, đến canh tư lại thấy ông ấy lại bảo ông thần núi rằng:

Thiên-đình lập An-nam Hoàng-đế là ông Lê-Lợi ở Lam-sơn, cho lấy giờ thân, ngày thân, tháng thân, năm thân, khởi binh 10 năm rồi trong thiên-hạ thái bình.

Ông Sí nghe rõ đầu đuôi, mừng thầm không thè ngủ được nữa, đợi đến sáng tìm vào Lam sơn, đem việc hai ông thần bảo nhau tỏ bầy hết cho ông Lê-Lợi nghe; thời bấy giờ ông Lợi đã có thầy-tớ 3, 4 trăm người, vốn có trí ra mỏ nước, lại có điểm những cây lá cây ở rừng rụng xuống, trôi khắp đi các nơi sông, lá nào cũng thấy có chữ « Lê-Lợi vì quân, Nguyễn-Trãi vì thần » (ông Lê-Lợi làm vua mà ông Nguyễn-Trãi thì làm bầy tôi). Làm sao lại có điểm như thế? Là vì lúc bấy giờ những dân-gian bị quân nhà Minh ức hiếp quá, nhiều nơi khốn khổ, không thể sao chịu được, mà trong thời lúc bấy giờ ai cũng hâm mộ ông Lợi và ông Trãi là những người có thể ra cảng đáng việc thiên-hạ được, hóa cho nên cứ đua nhau lẩy mõ đem lên rừng cứ lá cây nào cũng viết « Lê-Lợi vì quân Nguyễn-Trãi vì thần » sau các thứ sâu, kiền cứ thay mõ mõ đèn đèn đầu thì cứ theo đèn đầy mà đục; đèn khi lá cây vàng úa rụng xuống gãy khi mưa-tổ những lá cây cứ theo dòng nước mà chảy ra các ngọn sông.

Kịp lại nghe thấy ông Sí nói, lập tức tháng bảy năm ấy khởi binh ở núi Lam-sơn, cho ông Sí làm đại-tướng cùng quân nhà Minh chống chọi, đến sau đuổi được quân Minh về Tầu, đem lại được giang-sơn, phong ông Sí làm công-thần đệ nhất.

Ông Sí sau lại giúp vua Thái-tôn, Nhân-tôn có công giết được Đồn-Đoàn (*tên một người quân Tầu rất ác*) lại phong cho làm quận-công, ông Sí đẻ được 12 con gai đều có chức tước. Đến đời vua Lê-thánh-Tôn sinh ra lòng ghen ghét ông Sí, đem thầy địa-lý về làng Sái-sá, đào sông Cẩm-giang để đoạn thương long mạch mồ tỗ nhà ông Sí, rồi thấy nước ở trong mồ ấy chảy ra đỏ như là máu, 3 tháng mới hết, quả nhiên nhà ông Sí động không yên, ai cũng sinh ra đau ốm, có hôm năm người con đều chết một ngày, đến tháng sau ông Sí cũng chết.

Đến cuối đời nhà Lê có ông Nguyễn-Chỉnh khởi binh, đánh nhau mấy giặc Tây-sơn. Vua Chiêu-thống phong cho ông Chỉnh làm thượng-tướng-quân, ông Chỉnh chính là dòng dõi ông Sí, thế mới biết làm quan có mả, kẻ cả có dòng.

15. – NGUYỄN-CÔNG-HÂN

Làng Biều-lộc thuộc huyện Nam-dường, có một người tên là Nguyễn-công-Hân, ông Hân cùng anh em bạn đi thi, đi qua miếu thờ Liễu-Thăng, ông Hân vào trong miếu lên tiếng giỗng giạc mắng Liễu-Thăng rằng:

Mày tuy là tướng nhà Minh, nhưng là con ma nước tao, sao mày dám nương nhiên là thượng-dâng-thần mà hưởng đồ lê của dân nước tao.

Mắng xong lại xé cả tàn quạt vứt đi, xong rồi ông Hân cùng anh em bạn về nhà trọ, đêm hôm ấy tự nhiên bị bệnh, nóng rét nồi lên đúng đúng, mè mẫn chẳng biết gì, anh em bạn đều lấy làm sợ nói rằng: Hắn lại thằng Liễu-Thăng nó làm đấy thôi.

Ông Hân nói :

Tôi bị thằng Liễu-Thăng nó kiện tôi ở phủ vua Diêm-vương, sai sứ bắt tôi xuống hầu kiện, tôi tâu với vua Diêm-vương rằng : ngày mai là ngày thi tôi phải về, thi xong tôi sẽ xuống xin hầu kiện, vua Diêm-vương cho phép nên tôi mới được về.

Hôm sau ông Hân vào thi, làm văn vừa xong chợt thấy một người cầm nghiên mực đồ vào quyền văn ông Hân, nước mực đầm đìa lòe mắt cả chữ, Ông Hân lại phải viết quyền khác, nộp văn xong rồi giờ về nhà trọ, lại thấy sứ-giả đến bắt. Khi ông Hân sắp đi dặn lại anh em bạn rằng : đêm nay tôi phải đi hầu kiện, các bác đừng sợ hãi gì cả, kiện này tôi quyết được, nói xong rồi thấy ông Hân nằm như người chết, đến gần sáng lại tỉnh, anh em trông thấy sắc mặt ông Hân hờ hờ, liền hỏi kiện ấy thế nào ? Ông Hân nói :

Khi tôi đến phủ Diêm-vương, ngoài cửa có một tên lính dẫn tôi vào tôi trông thấy một người diện mạo khôi ngô, răng trắng dọc tóc, áo mặc so le đứng một bên, vua Diêm-vương cho tôi đứng một bên và bảo tôi rằng :

Mày là người học-trò đọc sách thánh hiền, há không biết nghĩa kính quý thần ư, mà dám ngạo mạn Tôn-thần như thế ? Tôi nói :

Chúng tôi đọc sách thánh-hiền thấy có câu rằng : ai mà thông minh chính chực, có công đức cho dân được nhờ thì mới gọi là bức linh-thần, nếu không thể thì là tà thần, tạp thần mà thôi. Nay thằng Liễu-Thăng không có công đức gì, mà dám lạm xưng là thượng đẳng thần, chẳng là quá lạm ư, đều ấy tôi không bằng lòng. Trước tôi có xem Nam-sử đời nhà Trần, dân nước Nam tôi phải làm than khổ sở là tại thằng Liễu-Thăng, nếu tôi sinh thời lúc bấy giờ thì tôi quyết phanh thây xé thịt nó ra, nhẽ đâu bây giờ tôi lại tôn kính nó. Vua Diêm-vương nghe ông Hân nói giờ lâu phán rằng : Anh nói thực là có nhẽ phải

bấy giờ Liễu-Thăng đứng một bên mặt xám như chàm, mình run như rẽ, không có câu gì nói lại được nữa, ông Hán được kiện về, lập tức bắt tội Liễu-Thăng đuổi ra ngoài muôn dặm.

16. - NGUYỄN-ĐĂNG-CẢO - ĐĂNG-MINH

Ông Nguyễn-đăng-Cảo là người làng Hoài-bảo, huyện Siêu-du, tỉnh Bắc-ninh, lúc còn bé có tài khác thường, đến lúc nhỡn có trí-khi lối lạc không biết sợ ai cả, hay làm những việc quái lạ.

Trong làng ông ở có một con yêu tinh, ngày thường hay hiện ra con gái đẹp đẽ trêu ghẹo mọi người. Một hôm ông Cảo đi chơi gặp con yêu ấy, vội vàng ôm lấy nó và hỏi rằng :

— Những việc về trước may có thể biết được không? thì phải nói thực, không thì tao đánh chết. Con yêu đáp.

— Ông đê tôi xin nói, ông là thần ở Thượng-giới giáng sinh xuống cõi trần, tất ngày sau thế nào cũng đỗ thám-hoa tôi nói với ông thì sợ tiết lộ cơ giời, tất là có tội, xin ông phải giữ kín cho, ông thương tôi ông tha cho tôi. Nói xong rồi biến mất.

Không bao lâu miếu thờ con yêu ấy bị cháy hết cả, mà ông Cảo thi đỗ Thám-hoa, bữa cơm nào ông cũng khấn con yêu ấy về ăn.

Thời bấy giờ vua nhà Tần sai sứ sang nước ta bắt người ta ai cũng phải bện đuổi xam, vua ta lấy làm tức giận, sai ông Cảo ra ngoài cửa ải đón sứ Tần, ông liền làm một bài văn dâng sang vua Tần, vua Tần xem xong khen ông Cảo là người học rộng, liền hạ chiếu cho thôi cái luật tóc ấy đi, vua ta lại sai ông ấy sang sứ Tần, vua Tần thấy ông hay chữ ra cho ông một câu đối rằng :

老犬落毛猶向庭前吠月

Lão khuyển lạc mao do hướng định tiền phè nguyệt

Ông liền dối rằng :

小蝸短頸謾居井底窺天

Tiêu oa đoán cánh man cư tinh đè khuy thiên

Thích nghĩa = Con chó già rụng lông, còn ngồi ở trước sân rõ lên mặt giăng cắn ; dối mấy con éch ngắn cõi ngồi ở đáy giêng dòm giờ.

Vua Tần thấy câu dối ấy cũng thêm kinh sợ. Ông ta có một người con nuôi, tên là Đăng-Thông, lúc còn bé ông yêu mến lắm, ông thường ngồi chơi với các bè bạn, ẵm Thông vào lòng, nói truyện rằng ; Các bậc à ! các quan chancellors ghét tôi không cho tôi đỗ Trạng-nghuyên, chứ thằng bé này mà không cho đỗ thì không được. Sau ông vào kinh mang cả Đăng-Thông đi, bỏ mẹ Đăng-Thông đem lòng thương nhớ, nhưng cũng không dám trái ý ông. Ông mang Đăng-Thông đi bao nhiêu chốn lam-sơn chưởng-khi, vẫn giữ được bình-yên.

Ông ở kinh 20 năm, dạy bảo Đăng-Thông văn bài đủ lối, quả nhiên Đăng-hông đi thi đỗ Trạng-nghuyên, ai cũng khen ông là người biết tướng.

Em ruột ông Cảo là ông Đăng-Minh, thiên-tư sáng suốt, tinh nết hiền lành, ông Cảo bảo gì cũng không dám trái nhời. Con ông Đăng-Minh là ông Đăng-Thanh cũng đỗ Trạng. Khi ông Thanh đỗ về lấy ông Minh, ông Minh nói rằng : « Không dám, không dám », nhiều khi đi đường gặp con, ông Minh cũng tránh ra một bên, người ta hỏi ông rằng :

— Làm sao ông phải kính trọng con ông như thế ?

Ông nói :

— Con tôi là bậc Khôi-nghuyên của triều-dinh, giờ khiến thác sinh ở nhà tôi, dám đâu tôi chẳng kính sợ.

Ông Minh ngày thường đi đâu cũng mặc áo vải nâu đi bộ, không di xe cátg bao giờ cả, gặp ai cũng không ai biết là ông quan.

Một hôm ông Minh đi chơi qua cửa Nam-môn có người hàng thịt trông thấy diện-mạo ông, cũng giống như diện-mạo một người lý-trưởng có nợ mình ngày trước, liền chạy ra bắt lấy. Ông Minh cùng người hàng thịt trò truyện ôn tồn, nói nhẽ phải trái, thật là ông quên, chứ tôi có vay ông bao giờ mà tôi nợ, người hàng thịt không nghe, cứ nhất định trói ông đem giải.

Thời bấy giờ có quan Phó-đô ngự-sử tên là Nhữ-định-Hiền vẫn kính trọng ông Minh như bậc thân-phụ, hôm ấy ông Nhữ-định-Hiền vào chầu vua, xong rồi giờ về, ngồi trên xe trông thấy ông Minh phải trói, vội vàng nhảy xuống hỏi duyên cớ làm sao, ông Minh nói hết đầu đuôi truyện ấy. Ông Nhữ-định-Hiền sai thày-tớ bắt người hàng thịt trói lại và mời cả ông Minh về chơi để hỏi. Khi đến dinh ông Hiền mời ông Minh ngồi và nói rằng:

Xin rước cụ lớn ngồi chơi một chút, tôi vào nhà trong cởi cái áo ra đã, rồi tôi sẽ xin ra hầu cụ lớn. Ông Hiền vào nhà trong thay áo, khi ra thì không thấy ông Minh và người hàng thịt đâu cả, sau hỏi ra mới biết ông Minh cởi trói cho anh hàng thịt, rồi rủ nhau đi trốn, ông Hiền cho người theo nhưng không kịp, thế mấy biết độ lượng ông Minh thật là to tát rộng rãi, không mấy người bì kịp.

17. – CƯỜNG-BẠO-ĐẠI-VƯƠNG

Làng Bối-lục huyện Thiện-bản tỉnh Nam-định có một người gọi là Cường-bạo-đại-vương. Khi trước mẹ ông nằm chiêm-bao thấy một ông thần bảo rằng: đêm nay có thần giáng sinh xuống nhà mày ; bà ấy tinh giây liền thụ thai từ đấy, sau sinh ra ông gọi là Cường-bạo-đại-vương. Khi ông 15 tuổi chăm việc cày cấy, đến khi 20 tuổi, tính khí hung ngược và có ý khinh

người, quên cả bối mẹ, khi giỗ ngày tết không nhớ đến tổ tiên, có cúng thì chỉ cúng có ông vua bếp mà thôi, nếu bắt được con tôm con cá gì cũng nướng chín để đem lên cúng, vua bếp thấy ông có lòng thành, thường thường hiền ứng, ông Cường-bạo có nạn gì cũng sẵn lòng mách bảo trước.

Một hôm mẹ đánh mắng là người bất hiếu, làm sớ dốt tâu lên giờ. Đức Ngọc-hoàng thấy sớ tâu lên, biết Cường-bạo thật là người bất hiếu lập tức sai thiêん-lôi xuống đánh chết, thì ông vua bếp đã biết rồi, liền bảo ông ta rằng :

- Giờ sắp sai thiêん-lôi xuống đánh mày, Cường-bạo hỏi lại vua bếp : Böyle giờ có cách gì làm được thoát tội ấy không ?

Ông vua bếp bảo :

Mày lấy chất nước gì trơn bôi lên nóc nhà, nếu thiêん-lôi xuống không có chỗ đứng thì đâu có roi đồng búa sắt cũng không làm gì được. Ông Cường-bạo theo nhời nói ấy liền lấy rau mừng-toi, giã ra lấy nước hòa mẩy giầu ta, đồ khắp lên trên nóc nhà, rồi đứng ẩn trong một xó tối, một lúc thấy cơn mưa cơn gió kéo đến, ông thiêん-lôi tự giờ sa xuống nóc nhà ông Cường-bạo, xéo phải chỗ nước trơn trượt chân ngã lăn xuống đất, ông Cường-bạo trông thấy, chạy ra lấy gậy bạ đập vụt đấy, ông thiêん-lôi biết thế yếu không sao địch nổi, vội vàng chạy tuột lên giờ, bỏ quên mất cái roi sắt dài độ một trượng, ông Cường-bạo bắt được đem cất đi một chỗ.

Khi ông thiêん-lôi về kẽ hết cả mọi việc của Cường-bạo làm dữ dội như thế để đức Thượng-hoàng nghe. Đức Thượng-hoàng liền nổi giận dùng dùng dùng mắng Thiênn-lôi rằng :

Ngươi là bậc anh hùng hảo hán, sai đi đánh có một đứa cường-dân, mà lại bị nó đánh cho, cắp đít chạy về, thế thì còn làm được việc gì nữa, vậy thì cách chức thiênn-lôi đi.

Đức Thượng-hoàng lại sai vua Thủy-tế, dâng nước lặn để giết đứa cường-dân, được tin ấy vua bếp lại đến mách Cường-bạo và nói rằng: Thượng-hoàng sắp sai vua Thủy-tế dâng nước to lên để giết mày đấy. Cường-bạo lại hỏi làm thế nào cho thoát nạn. Vua bếp lại bảo: mày dẫn lấy mấy cây chuối làm một cái bè, trên bè thì bầy cờ trống và lấy lá chuối làm giáp để che mặt giờ, nếu Thủy-tế dâng nước lên thì mày cứ ngồi trên bè phất cờ đánh trống, lệnh đèn mặt nước, nước dâng cao lên đến đâu thì bè của mày cũng cao lên đến đấy, mày lại deo to lên rằng: phen này tao quyết lên phá giờ.

Quả nhiên đến hôm sau, nước sông dâng to lên, mênh mông như bè, Cường-bạo cứ nghe như lời vua-bếp mà làm.

Khi ấy đức Thượng-hoàng đương cùng với quần-tiền, bàn về việc thiện ác ở cõi trần, chợt thấy chiêng trống vang lừng và tiếng người deo dù đội. hỏi quần-tiền là tiếng gì như vậy, có một ông thiên-lôi khác quỳ gối liền tâu, ấy là thằng Cường-bạo đương chống cự với thủy-thần, đức Thượng-hoàng liền phán.

Thôi Cường-bạo nó là một thằng bạo thiên nghịch địa, kíp kíp sai thủy-thần rút nước ngay đi, kéo lại vại lây đến cả thiên hạ, thật là giờ cũng phải chịu. Cường-bạo vì thế nên được thoát nạn, rồi về làm cỗ tạ ơn vua-bếp, tự bấy giờ Cường-bạo chắc có vua-bếp phù hộ, nên càng ngày càng làm những việc đại ác.

Một hôm Cường-bạo ra đồng tự nhiên có một con mura kéo đến, chạy về không kịp, thành ra thiên-lôi vẫn thù từ trước, nay thấy Cường-bạo lũng thủng một mình liền đem sấm sét xuống đánh báo thù, nên khi đương chạy bỗng có tiếng sét ngang tai, làm cho toạc mặt võ mũi, liền té nhào xuống chết tươi.

Cường-bạo vừa chết thì giờ quang mây tạnh như thường. Được một chốc có đàn trâu đến bầy đất lên

dắp kín thây cho Cường-bạo, sau đàn trâu ấy lại biến đi cả. Tối hôm ấy dân trong làng Bối-lục, nhiều người đau ốm và súc vật tồn tại thật nhiều, không biết động trệ về đâu, thì bỗng thấy có người hiện hình vào nhà ông tiên-chỉ bảo rằng:

Tao là Cường-bạo đại-vương, dân chúng bay phải lập miếu thờ tao mấy được yên ổn.

Ông tiên-chỉ liền cho di bảo các ông kỳ-mục phải ra đình họp có việc cần. Khi các ông kỳ-lý ra đình họp đã đông. Ông tiên-chỉ liền đem những nhóc Cường-bạo bảo tối hôm qua, ai dấy đều sợ hãi, lập tức mua gạch gỗ về dựng đèn thờ, từ đấy trong làng mới được yên ổn.

18. — NGUYỄN-DẨN-THÀNH

Làng Ông-mặc thuộc huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh có một người tên là Nguyễn-dần-Thanh, lúc bé có trí thông minh, có tài nhanh nhẹn. Khi 16 tuổi biết hết nghĩa cả mọi sách, thơ phú văn bài đủ lối.

Một hôm đi học, thầy học cắt nghĩa vừa xong, gấp cơn mưa to gió nhỡn, học-trò còn ngồi lại cả ở trường. Ông thầy nhân lúc giờ mưa mẩy ra cho học-trò một câu dối để cùng làm, ra rằng:

雨 無 鍛 鎖 能 留 客

Vũ vó kiềm tảo nǎn, lưu khách.

Ông dối ngay rằng:

色 不 波 濤 易 溺 人

Sắc bất ba đào dị nịch nt ân.

Thích nghĩa = Mưa không có then khóa gì mà giữ được khách ở lại dối với: Sắc đẹp không có sóng gió gì mà dễ làm chết đuối người ta.

Ông thầy xem xong phê rằng: câu này đối thật là hay, khi tượng ngày sau có thể đỡ trạng được nhưng hiếm về sau tất cũng mê đắm vào vòng sắc dục, không được chu toàn. Lại có một người đối rằng:

月有弯弓不射人

Nguyệt hữu loan cung bát xa nhân.

Thích nghĩa = Ở trong mặt giảng có cái cung nhưng chẳng bắn ai.

Ông thầy phê rằng: Câu này thì không hay bằng câu kia, nhưng có khi hiền hòa, hẳn ngày sau làm nên công to việc nhơn, đều được hoàn hảo.

Quả nhiên năm sau có khoa thi, ông Thanh đỗ thủ-khoa vào thi đình đỗ trạng-nguyên rồi sau đắm đuối say mê về một người con gái nhan sắc ở kinh, sau ông bị bệnh đến nỗi ô danh bại giá. Còn người học-trò kia thì đỗ cử-nhân ra làm quan được quyền cao chức trọng, xem như thế chí kỵ hai ông đã biết từ trước, mà ông thầy phê thật là đích đáng.

19. — QUÁCH-GIAI.

Ông là người làng Phù-khê thuộc huyện Đông-ngàn tỉnh Bắc-ninh. Khi chưa sinh ông, có một người ở gần làng hay đi ăn trộm, một hôm người ấy vào trong làng ăn trộm, gặp lúc bấy giờ nhà nào cũng chưa ngủ, người ăn trộm lén vào sau một cái miếu nằm định, không ngờ ngủ quên đi mất, đến gà gáy mới tỉnh dậy, vội vàng cầm áo đứng lên, chợt nghe thấy trước cửa miếu có tiếng người chạy ra dồn dập, bước vào trong miếu lại thấy có người chạy ra đứng dồn hỏi rằng:

Hôm nay ngoài có việc gì mà đến chơi chậm chạp như thế?

Người kia đáp:

Tôi lên thiên-dình cùng các quan Nam-tào, họp bàn một việc cho một viên thám-hoa xuống làng Phù-khê,

gặp một ông cầm sò lâu rằng: Xét phúc-đức họ Quách còn ít, vì tất đã xứng được chức ấy. Muốn cho hám-hoa giáng sinh vào làng khác. Đức Thượng-hoàng bảo đưa sò xem qua, giờ lâu phán rằng: việc ấy quả-nhân đã quyết rồi, các quan không nên nói nữa. Nếu quả họ Quách đức bạc, sau này ta sẽ định liệu, vì cớ ấy nên tôi chật về chơi.

Lúc bấy giờ người ăn trộm nghe hết tỏ tường, đêm hôm ấy không đi ăn trộm nữa, liền đi khắp trong làng, hỏi thăm nhà nào đẻ con gai, thấy ngay nhà họ Quách đẻ một con gai cũng trong đêm hôm ấy, liền vào kẽ hết đầu đuôi những câu hai ông thần nói. Họ Quách lấy làm vui vẻ.

Khi mới sinh ra Quách-Giai đã có tướng mạo lạ thường, ai cũng khen là nhà họ Quách có phúc. Khi ông 20 tuổi, văn học có tiếng ai cũng bảo là thần-đồng. Sau ông đi thi đỗ đến tiến-sĩ, vua phong cho làm hộ-bộ-tượng-thư. Quách-Giai làm quan trong triều, khi bàn việc triều-chính xong, vua hỏi các quan rằng:

Bức thư của Hán-Tín đưa sang vua nước Yên có câu nói: *Bạch lộc bão toàn*, 白鹿挹泉 sự tích ấy thế nào? các quan không ai nói được. Ông Quách-Giai liền quỳ xuống tâu rằng:

Muôn tâu bệ-hạ, sự tích ấy trong sách Hán đã chép rõ, vua liền đem sách ra tra thì biết rõ cả đầu đuôi. Sau vua khen ông là người tài cao học rộng. Không bao lâu ông Quách-Giai bị bệnh phong đến nỗi mất chức về nhà, thế mấy biết họ Quách đức kém, nên giờ lại bắt ông Quách-Giai về, mấy câu hai ông thần nói trong miếu thật là nghiêm.

20 – NGUYỄN-KHẮC-HOÀNH

Làng Bình-dân, (tục gọi là làng Mìn) thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên có một người tên là Nguyễn-

Khắc Hoành, ông là người tinh hạnh thật thà, có lòng trung hậu.

Khi ông 20 tuổi kết duyên với một người ở làng Bình-quỹ, nhà vợ vốn là nhà bào-trưởng, đến năm sau sinh được một người con gái, đặt tên là Nguyễn-khắc-Khoan. Khi ông Khoan mới sinh ra đã có tướng mạo khôi ngô, lên 6 tuổi bố bắt đi học, ông học rất thông minh, bài nào ông Hoành cũng giảng cho một lượt là hiểu ngay; đến năm 12 tuổi văn bài thi phú, ông Khoan đều thạo cả.

Ở trong làng có một nhà họ Phạm thấy ông có tài học giỏi, bắn tin gả con gái cho. Ông Hoành nghĩ sự lấy vợ cho con sớm, thì sợ con sinh ra biếng học, nhưng cũng nhận nhời và hẹn với ông họ Phạm rằng:

— Bao giờ con tôi thi đỗ sẽ làm lễ nghênh hôn, kéo bảy giờ cháu còn đương độ học e cưới sớm nó lại nản trí chẳng?

Ông họ Phạm đáp:

— Ông có lòng đợi tôi có lòng chờ, duyên giờ se lại bao giờ cũng nên. Từ đây hai họ đi lại với nhau tỏ tình thân mật.

Quan âm thảm thoắt, tháng ngày thoai đưa, ông Khoan tuổi đã đôi mươi. Bấy giờ về đời nhà Lê, thiên hạ thái bình, muôn dân vui vẻ, vua Thánh tôn bèn hạ chiếu mở khoa thi, để kén người tài trong nước, ông Khoan cũng ra ứng thi ở trường Nam, kỳ này ông đỗ thủ-khoa, sau vào thi đình ông đỗ Tiến-sĩ, liền viết thơ gửi về mời bố mẹ vào Kinh. Ông Khắc Hoành được tin con đỗ, liền sắm sửa lễ vật sang nhà họ Phạm xin làm lễ rước dâu đền Kinh một thề, ông họ Phạm cũng tức khắc sắm sửa hành trang, rồi hai bố con cùng theo ông Hoành vào Kinh, nhân thề mừng còn rẽ.

Đến ngày 12 tháng hai niên hiệu Thành-tôn thứ 3 ông vào bệ kiển, vua thấy ông có tướng mạo hơn người, mặt vuông tai nhọn, môi son da ngọc. Vua nức nở khen hoài, rồi ban thưởng cho ông mũ áo càn đai cờ biền cho ông về vinh quy, thề mời thật là : vinh-quy cùng với vu-quy một ngày. Khi ông về, đi đến đâu cũng có người nô nức ra xem đông như đám hội, ai cũng khen rằng :

*Vinh-quy thỏa chí văn chương.
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.
Trong như ngọc, trắng như ngà,
Xe ông đi trước, vỗng bà đi sau.*

Khi về tới nhà, mở tiệc ăn mừng. Được ít lâu có chiếu chỉ vua vời ra làm quan, nhưng ông không ra, làm sớ tâu lên xin ở nhà phụng dưỡng cha già mẹ yếu, trong một nhà, trên thuận dưới hòa, cảnh vui vẻ ấy kề sao cho xiết. Khi con ông nghè Khoan lên 6 tuổi, thì cụ Khắc-Hoành về nơi cực lạc.

Nghĩ con tạo xoay vần cũng lạ, cụ Khắc-Hoành mời chết được một hôm trước, hôm sau cụ đầu thai ngay vào một nhà thằng mồ ở làng Dương-trạch, khi vợ thằng mồ sinh ra, thấy con hình gióng tuấn tú, diện mạo khôi ngô, dốc lòng nuối nồng.

Thời giờ thấm thoát, đứa con đã lên 6 mà không hề nói được điều gì cho ăn thì ăn, cho uống thì uống, ai cũng bảo là thằng bé câm.

Đây lại nói về làng Dương-trạch làm đình, muốn mời ông nghè Khoan lên cất nóc, các ông kỳ-mục cho giao mồ họp ở đình để mang cờ quạt đi đón ông nghè, tự nhiên thấy con thằng mồ nói rằng :

Hôm nay có ông nghè sang, vậy thày vào trong cụ chánh mượn cho con một cái sập, một cái chiếu cắp điều mang về, kê giường giải chiếu rồi quét ron trước sau cho sạch.

Thằng mõ thấy con nói được vui mừng khôn xiết, hồn hở khoe với các ông kỳ-mục họp ở đình rắng:

— Hôm nay tự nhiên con tôi bật ra nói được mấy câu như thế, không biết nó định làm gì?

Các ông kỳ-mục đều nói:

— À! cóc mới mở mồm, thử chiều nó xem sao, cứ vào nhà tao nói với cụ bà cho mượn, rồi đem về mà kê giường dài chiều.

Thằng mõ vâng nhời vội vàng vào nhà cụ Chánh mượn sập chiếu đem về bài chi. Bầy biện xong rồi, thằng mõ phải theo các cụ đến làng Bình-dân đón quan nghè. Khi quan nghè xuống đến làng Dương-trạch, chợt qua cửa nhà thằng mõ thấy một đứa con giai chừng độ 5, 6 tuổi gọi to lên rắng:

Nghè Khoan, vào đây tao bảo.

Người làng thấy thằng bé gọi láo như thế, thì sợ hãi vô cùng, dấp dinh định đến xin lỗi quan nghè, song quan nghè liền nói: sự này tất cũng có duyên cớ chi đây, thôi để ta vào xem sao đã. Vào đến trong nhà đã thấy đứa bé ấy ngồi giữa sập, mà chỉ cho quan nghè ngồi xuống cái ghế bên cạnh quan nghè thấy thế cũng đem lòng kính sợ, bất đắc dĩ phải đứng chắp tay hầu bên cạnh; đứa bé lên tiếng dõng dạc bảo rắng:

— Nghè Khoan! Mày có biết tao là ai không?

Quan nghè thưa:

— Tôi chưa được quen biết cậu lần nào mà cậu đã biết tên tôi, chẳng hay cậu có việc gì oan ức muốn nói chăng?

Cậu bé liền quát mắng:

Đồ súc vật, trông xem có phải tao đã sinh ra mà dấy không? chính tao là Nguyễn khắc-Hoành đây. Quan nghè còn phân vân chưa lấy làm thực, thì cậu bé liền nói tiếp: Mày không tin thì sai người về mang hai cái tủ sách đến đây thì rõ.

Quan nghè lập tức sai người về mang hai tủ sách đến, cậu bé liền đọc tên từng quyển đề cho quan nghè

lấy, rồi chỉ dẫn hết những bài mà ngày thường đã giây, không sót chữ gì và những câu văn của ông Khoan làm trước cũng đọc ra được cả.

Quan Nghè tuy lấy thể làm lạ, song những điều nói rất đúng, đành phải thụp lạy xin lỗi và thưa rằng:

Ngu đại là con, cam lòng bất hiếu, xin thân-phụ xá tội cho. Nay con sang cất nóc đình ở đây xin thân-phụ hãy tạm chờ con đòi chút. Nói đoạn liền ra cất nóc, xong rồi bắt kỳ-mục làng Dương-trạch phải sấp cù quạt để rước bồ và anh mõ về nhà phụng dưỡng.

Con tạo trêu ngươi, lầm truyện lạ đời, con già cha bé, cháu cõng ông chơi....

Khi cụ Nguyễn-khắc-Hoành về tới nhà, thấy bà vợ trước tuổi tròn 70, tóc bạc răng long, ngồi dã giàu, mồm nhai bóm bém, cụ liền lấy chân đá vào bà cụ, rồi nói :

— Từ khi tôi với bà âm-dương đôi ngả, có lúc nào bà tơ tưởng đến tôi không? Bà cụ chưa hiểu ra ai, liền mắng rằng:

— Thằng bé này láo chứ, ai trẻ con với mày?

Ông Khoan vội vàng đem hết đầu đuôi, tở bầy cùng mẹ sau mẹ mấy biết là chồng cũ. Từ bấy về sau cụ Khắc-Hoành sai dọn riêng một chốn thư-phòng một mình xem sách, luyện tập văn chương, quyết chí tranh khôi đoạt giáp, mà cũng không đem lòng đắm nguyệt say hoa, cùng ai trăm năm kết tóc nữa.

Quả đến năm cụ 20 tuổi, cụ ra thi cũng đỗ tiến-sĩ, rồi về nhà mở trường giậy học, không chịu ra làm quan, học-trò các nơi nghe tin cụ giậy học, đua nhau kéo đến theo vào nhập môn, càng ngày càng đông, cụ tác thành cho học-trò cũng được nhiều người làm nên vinh hiển. Thời bấy giờ có câu hát khen cụ rằng:

Con quan nghè, cháu cũng quan nghè.

Một nhà khoa bảng tạc bia muôn đời

Ấy hay một truyện lạ đời.....

21. — NGUYỄN-DOĀN-KHÂM

Làng Đặc-kiệt, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương có một người tên là Nguyễn-doān-Khâm, lúc bé chưa đi học chỉ chăm về việc làm ruộng. Thời bấy giờ có quan Tòng-đốc tỉnh Hải-dương trầy qua, ông đương cày ruộng trông thấy, không biết người nào mà lại có lính hầu đông như thế? Ông hỏi người làng rằng:

— Người ấy làm gì mà được vinh hiển thế?

Người làng đáp:

— Người ấy chăm học thì đỗ làm quan,

Ông Khâm nói:

Sau này tôi cũng làm được như thế. Lập tức vứt ngay cày cuốc đi, tìm thầy đi học, sau thi đỗ Tiến-sĩ, tiếng ông lừng lẫy khắp 4 phương, tướng ông tay dài quá gối, lại có sức khỏe, tài nghè đánh vật. Khi ông đỗ, vua phong làm Đô-ngự sử. Ông xin phép về nhà ăn tết, đi qua làng Giao-tất huyện Gia-lâm, gặp làng ấy có đám mổ hội đánh vật. Trong đám vật có người lực-sĩ giữ giải nhất đã 3 ngày không ai dám địch, ông nghe thấy truyện ấy, liền bảo linh dừng xe nghỉ lại, mò lợn thối cơm, làm cỗ ông ăn hết cả, rồi ông cười to lên rằng:

Chúng bay mang bụng tao không nồi, còn ai dám địch cùng tao.

Lập tức sai thầy tờ vào làng Giao-tất, xin cùng người lực-sĩ ấy đánh vật, lực-sĩ thấy ông, hầm hè tức giận, chỉ muốn vật chết. Ông Khâm cùng lực-sĩ mới vật một keo, ông liền khoa tay nắm người lực-sĩ, quẳng ra ngoài vòng. Ông lại quát to một tiếng nói rằng:

Lực-sĩ kia may không biết ta là quan Ngự-sử tên là Nguyễn-doān-Khâm ư?

Nói xong lập tức lén xe đi ngay. Người làng Giao-tất sai người mang giải nhất đưa ông. Ông không lấy, liền bảo để đưa cho người lực-sĩ sau ông làm đến Lại-bộ thượng-thur.

Khi nhà Mạc mất nước, ông lánh mình ở trong núi Huyền đằng Khi vua Gia long nhà Nguyễn ra khôi phục nước, uổng chiến với ông, ông lấy búa đập vào đầu gối vỡ ra, giả cách thác có bệnh không ra làm quan.

Ông là người trung trực, không chịu thờ hai vua, đề làm gương cho thiên-hà.

22. — NGUYỄN-CA-KÝ

Quan Thượng-thư Ôn-quận-công người họ Vũ, quê ở làng Ngọc-lặc, huyện Tứ-kỳ. Cụ thân sinh ra ông dỗ Hương-công, ông thông minh từ thủa nhỏ, học đến đâu nhớ đến đấy, năm lên chín lên mười tuổi đã có tài làm văn. Thân-mẫu ông bị thân-sinh ông đuổi, kẽ-mẫu cay nghiệt, bắt ông nghỉ học mà đi chăn trâu, năm ông mười lăm, mười sáu tuổi, phải đi cày đi bừa quây phản, tát nước, làm lụng vất vả, lại còn bị đòn vọt chửi rủa. Bao nhiêu các thức ăn ngon mặc tốt, các em con bà kẽ-mẫu hưởng cả, còn riêng phần ông thì lam lũ ăn đói mặc rách, cụ thân-sinh ra ông cũng không bệnh vực được. Vì ông ở nhà khô sở lấm, không sao chịu được, bắt đắc dĩ phải bỏ nhà mà đi ăn xin. Khi đi đến làng Dịch-vọng, huyện Từ-liêm, vào ăn mày một nhà cụ Cử. Cụ Cử trông thấy ông mặt mũi khôi ngô, động lòng thương hỏi có biết chữ không?

Ông bầm rắng có.

Cụ Cử cho ông ngồi, đưa giấy bút cho, bảo làm bài thơ « Cối-kê sơn thủy ». Ông vàng mệnh cầm bút thảo ngay thành bài thơ có câu luận :

Tam sinh vị phiên Chir-cát Lượng.

Nhất khuông dĩ bđc Quản-di-Ngô.

Nghĩa là: *Chòn danh-sơn hảo thủy này có nhân tài như Không-minh, Quản-trọng; về sau sẽ làm nên công*

nghịp to lớn cho thiên-hạ nhở, nhưng nay còn ăn chưa ra.

Thơ trình lên, cụ Cử Dịch-vọng khen là tay văn chương đại tài, bèn cấp cho lương thực ít nhiều, cho cùng với các học-trò ở đấy cùng học. Học hai năm trời văn chương lừng lẫy, các học-trò dỗi trong trường Dịch-vọng không ai đối thủ được.

Nhân khi mùa xuân, làng Dịch-vọng vào đám thờ thần, các bạn học rủ ông đi xem. Sĩ nữ đi xem hội đều đóng quần là áo lượt trang điểm lịch sự, duy có một mình ông mặc cái áo bông rách cũ mốc, đứng dựa ở sau cột đình xem, chỉ sợ nhiều người trông thấy. Trong đám hội có người ả-dào trạc độ mười bảy, mười tám tuổi, thanh sắc tuyệt vời, cất giọng hát lên như ném ngọc reo vàng. ai nghe thấy cũng phải say sưa điên đảo, đua nhau thương tiền, thường lụa xếp đầy án. Lúc bấy giờ nàng đang mùa đèn, lượn qua góc đình, chợt trông thấy ông đứng ở bên cột. Bất giác ngần người ra, cứ nhìn ông mãi, không múa hát được nữa. Các khán-quan đều bảo rằng nàng bị cám; ai cũng mắt vui, cùng giải tán cả. Ông cùng anh em bạn cũng về nhà tro

Sáng sớm hôm sau, cô ả đào ấy đến nhà tro ông, vỗ vai ông mà nói rằng :

Sao anh-hùng lưu lạc, cực đến nỗi thế;

Rồi tặng ông mười quan tiền với mấy tấm vải, lụa, án cần chân trọng mà từ biệt.

Ông bấy giờ lương ăn cũng thiếu, vải may cũng không nên phải cảm ơn nàng mà bái lĩnh. Từ đấy giờ về sau, cô đào ấy cứ cách ba tháng, hoặc năm tháng lại thường đến chô tro ông, ngày đêm ở đấy, cơm nước may vá giúp, không khác gì vợ. Trước ông còn kinh nàng như quý khách, nói năng cử chỉ vẫn giữ lè phép; sau lâu ngày càng quen thuộc nết, càng dần dần tình mời động lòng hoa nguyệt, muốn bẻ khoá làm kiều trong ám thất. Nàng nghiêm sắc mặt cự lại, nói rằng :

— Nếu thiếp là người dám dũng, thì thiếu gì các vương-tôn công-tử, chỉ ngã rắng: thân phận là con nhà xướng hát, sợ về sau lại gặp phải chồng hèn. Cho nên trong lúc tràn-ai, cố tìm lấy người quân-tử để mong về sau nương dựa chung thân, chàng coi thiếp như hạng hoa tường liêu ngõ, đãi thiếp lấy thói trên bộc trong đâu thì thiếp nay xin từ biệt.

Ông thẹn thùng quá. Từ đấy lại càng thêm kinh trọng.

Cách hơn năm nữa gấp khoa thi, ông sắp về quê lo liệu vào tràng, nàng mang tiền bạc ra tiễn. Ông cầm tay nàng nói rắng:

— Chiếc thân lưu lạc, không biết nương dựa vào đâu, không ngờ giữa đường gấp nàng, dù lòng thương giúp cho tôi được đủ ăn đủ mặc, đa tạ hậu tình. Nay sắp xa xôi cách biệt, xin nàng cho tôi biết quê quán tính danh, để sau này biết đường tìm đến.

Nàng rắng:

— Nếu sau này chàng không phụ ơn thiếp, thì tự thiếp phải tìm đến chàng, phỏng như việc có chêch lệch thì dễ cho thế gian bình phàm, chứ chả phải hỏi.

Khi ông mới bỏ nhà đi, Kế-mẫu ông lấy làm mát ruột bằng nhão được cái danh trước mắt. Cụ thân-sinh ông là người nhu nhược sợ vợ, không dám tim hỏi, lâu ngày cũng chẳng thấy tin tức gì. Cả nhà ai cũng không chắc rằng còn sống. Chợt thấy ông cõi ngựa về, hỏi đến sự học, nghe tấn tới lăm. Cụ thân-sinh lấy làm mừng rõ. Năm ấy ông đi khảo, đi hạch đều đỗ đầu xứ, đến kỳ thi hương đỗ luôn Thủ-khoa. Cụ thân-sinh ra ông thấy ông đã thành đạt, mới mượn người làm mối hỏi con gái nhà danh giá, ông cõi từ, và thuật hết truyện đào-nương giúp đỡ cơm, áo cho bố nghe, lại thề rắng dù chết cũng không dám phụ ơn người ấy.

Cụ thân-sinh nồi giận quát mắng, trách con không biết nghe cha, bảo rằng nếu đứa đào nương về, thì không nhận là con đâu.

Ông bất đắc dĩ phải nghe lời cha.

Năm sau ông tới kinh thi hội, thấy nàng hỏi thăm đến tận nhà ông tro, và cho thức nọ thức kia.

Ông trông thấy nàng tự nghĩ rằng mình đã phụ ước, hẹn thùng, không dám nói. Nàng trông thấy biết ý nói rằng :

— Thời thiếp đã biết rồi, không phải đợi ông nói nữa, thiếp là kẻ hạ tiện, không đáng sánh đôi với người hiền-đạt, chẳng qua cũng là cái số mệnh thiếp như vậy. Nói xong liền từ biệt, tự đẩy giờ đi tuyệt nhiên không thấy tìm đến nữa

Năm ấy ông đỗ Tiến-sĩ, vào làm quan trong nội-các, phung menh sang sứ Tàu rồi về làm quan trong, quan ngoài hơn 10 năm trời. Gặp lúc tỉnh Hải-dương có tên Cầu nồi loạn, triều-đình sai ông đè binh đi đánh.

Sau khi giặc tan, ông có quân công, được phong làm Quận công, rất mực phong-lưu phú-quý. Mỗi khi tiếp khách, nói truyện đến lúc hàn-vi, lại nghĩ thương nàng, tự trách mình phụ ước. Sai năm bầy người đi tìm nàng mãi, không biết tung tích ở đâu.

Một hôm ông đi ăn tiệc nhà quan Đặng-hầu, trong khi uống rượu thấy nàng ả-đào gỗ phách ở dưới, trông tựa như người quen khí trước, hỏi ra thì quả là ân-nhân của mình. Nhan sắc nàng bấy giờ tuy đã nhuộm vết phong trần, nhưng âm vận cách điệu vẫn còn hay, chẳng khác gì lúc tuổi trẻ. Ông hỏi lai lịch trong bấy nhiêu năm trời, thì nàng nói rằng: mười năm trước lấy người lính ở tỉnh Thái-nguyên. Về sau hóa chồng; không cải giá nữa, có tiền của ít nhiều đem về nuôi mẹ, gặp phải thằng em du đãng, nó lấy hết của mình đem chơi phung phá. Vậy phải dắt mẹ di lưu lạc chốn Tràng-an dạy các ả-đào mới tập hát, để kiêm hồ khẩu cho qua ngày tháng.

Ông nghe nói thương tình, lệ rơi tầm tã, đưa nàng cùng mẹ nàng về, cho ở riêng một cái nhà, cấp dưỡng tử tế. Được hơn một năm, mẹ nàng mất, ôn^g lo liệu tang sự cho chu tất mọi việc. Tống táng đã xong, nàng từ tạ xin về, ông cố lưu thế nào nàng cũng không chịu ở. Ông đem nhiều tiền bạc tiền, nàng không chịu lấy. Ông cố nói mãi; nàng đáp lại rằng: thiếp đã không có số làm vợ quan Thừa-tướng, cho nên không có phúc tiêu nỗi tiền này.

(Quê nàng ở huyện Chương-đức, thuộc tỉnh Sơn-nam, tức là tỉnh Hà-nam bây giờ)

Lời cụ Lan-Trì: Trinh-tâm nghĩa-hiệp, lại có con mắt tinh đời, đào-nương này kiêm có cả. Không kè chi trong đám quần-thoa, dầu bọn tu-mi nam-tử cũng hiềm người được thế! Thê mà sánh đôi không phải lứa, lưu lạc phong trần; hoặc là tài sắc kiêm đủ, ông trời xanh kia cũng ghen ghét đó chăng?

23. — NƠ TÌNH

Nguyễn-Sinh quê ở huyện Thanh-trì, diện mạo khôi ngô, giáng người tuấn nhã. Bồ-côi cha từ thủa nhỏ, đi học được vài năm, sau vì nhà nghèo không theo học được. Bên cạnh làng có sông nhỏ, nhà Nguyễn-Sinh vốn có nghề nghiệp chở đò; Nguyễn-Sinh cũng theo học nghề chở đò. Các lái đò ai bát cũng giỏi. Nguyễn-Sinh học hát chẳng mấy chốc hay hơn mọi người. Mỗi khi giăng thanh gió mát, sớm tạnh chiều dâm, một mình ở chiếc thuyền nhỏ, gõ chèo cất giọng hát lên, ai nghe thấy cũng phải điên đảo.

Bên tả ngạn con sông ấy, nhà phú-ông họ Trần có người con gái chưa chồng, nghe tiếng Nguyễn-Sinh hát như dót vào tai, không khác gì khúc tiên nhạc, ngồi trong cửa sổ trông ra, thấy diện mạo Nguyễn-Sinh trắng trẻo đẹp đẽ, nhàn mãi không thôi, ngầm sai thị-tù

đem giấu tiền bạc, vải lụa tặng chàng. Và dặn bảo nên mượn người đến làm mối. Sinh về nói với mẹ đến dạm.

Mẹ nói :

Giàu nghèo xa cách nhau huyền tuyệt, sao con không tự biết phận, lại còn xa tưởng như thế?

Nguyễn-sinh nói :

— Đó là tự ý đưa con gái muốn như thế. Cố nài mẹ di nói. Mẹ bất đắc dĩ, mượn người đến làm mối. Trần phú-ông không nghe. Mụ mối cố nói mãi, và khoe diện mạo chàng trắng trẻo, cử chỉ nhanh nhẹn, Phú-ông nỗi giận nói rằng :

— Có phải mụ làm mối cho anh chèo đò hay hát ấy không? Tài mạo anh ấy tôi đã biết rồi, con gái tôi xấu xa, không đáng sánh đôi với anh ấy. Phiền mụ về nói rằng tôi không dám gả.

Mụ mối ra khỏi cửa được vài bước, nghe thấy phú-ông ở trong nói to lên rằng : nhà cửa ta giàu có là thế, con gái ta quý giá nhường nào, có lẽ đâu cho con nhà lái đò vào làm rể được.

Mụ mối về thuật lại hết lời phú-ông. Mẹ Nguyễn-Sinh vừa xấu hổ vừa giận, mắng guyễn-sinh tàn nhẫn. Nguyễn sinh phát phẫn nói rằng :

— Ông lão ấy chẳng qua cậy giàu mà khinh người thôi. Tôi thử bỏ nghề chở đò xem có làm được giàu không. Nói xong lạy mẹ mà đi.

Người con gái phú-ông thấy cha mình không bằng lòng gả, không còn hi vọng gì nữa, nhưng cũng không dám nói rõ ân tình cho cha biết, vì rằng cả khinh nhà Nguyễn-Sinh nghèo, nhân lúc nhà vắng, lấy trộm của nhà hơn trăm lượng vàng, sai người đem cho Nguyễn-Sinh để làm lễ cưới, họa may ông bố có tham của, gả mình cho chàng chàng. Không ngờ nghe tin Nguyễn-Sinh bỏ nhà mà đi, không biết phương hướng nào mà tìm, thảm đạm thương tâm vô hạn. Mỗi khi đêm khuya canh vắng, đốt ngọn đèn xanh,

một mình một bóng thường gạt lệ khóc thầm Sầu uất lâu dần thành bệnh, thân thể gầy mòn, trong bụng kết thành một khối dẫn như đá, thuốc bắc thuốc nam cures chán, chẳng thấy công hiệu gì. Tịch bệnh hơn một năm tài chết, lúc lâm chung nàng dặn lại bà rằng:

Trong bụng tôi tất có vật lạ. Sau khi chết xin đem hỏa táng để nghiệm xem vật ấy ra sao.

Phú-ông ý theo lời nàng, liền đem hỏa táng, đến lúc lửa tắt, bời ở trong hài-cố ra được một khối tròn, lớn bằng quả bưởi, đỏ như yên chi, trong như thủy-tinh, chẳng phải ngọc, mà cũng chẳng phải đá, trơn tru bền chặt, búa bồ chẳng vỡ. Coi trong khối ấy thấy có hình cái thuyền, trong thuyền có chàng thiếu-niên gối đầu vào cái bơi chèo mà nằm. Phú-ông trông thấy thế nghĩ ngay rằng con gái mình vì thương tư Nguyễn-Sinh mà kết thành khối ấy đến nỗi chết, lấy làm hối hận thương tiếc vô cùng. Bèn đóng cái hòm con, cất khối ấy vào, đặt lên giường thờ người con gái.

Nguyễn-Sinh bỏ nhà đi đến Cao-bằng, vì có nghề hát hay rất mực, nên ai cũng yêu, được làm mìch-khách nhà quan Chấn-tường. Hơn một năm trời, có bồng lộc ít nhiều, làm vốn buôn bán, vài năm đại phát tài, có vàng hơn ba trăm lượng. Sinh tự nghĩ rằng: Trần phú-ông là người tham tiền, chuộng của, nay ta đã giàu-có chắc ông ấy thấy ta sẽ hoan nghinh trọng vọng, khó gi duyên cũ chẳng thành. Bèn sắm sửa hành trang về quê, về đến nhà nghe tin người con gái ấy đã mất, bồi hồi thương tiếc, đem trâu rượu đến nhà người con gái phúng viếng. Phú-ông mời Nguyễn-Sinh uống rượu. Mở hòm đem khối tròn cho Nguyễn-Sinh xem. Sinh cầm lấy xem, khóc nước khóc nở, giọt lệ rơi tăm tắp, thẩm vào khối ấy, tự nhiên khối ấy tan thành nước, ướt đẫm vạt áo Nguyễn-Sinh, đỏ như máu tươi. Sinh cảm tình

người con gái ấy, thè rằng không lấy ai nữa. Bấy giờ con gái thứ hai phú-ông đã lớn, trông thấy diện mạo Nguyễn-Sinh cũng có ý yêu trộm giấu thầm. Phú-ông gọi Nguyễn-Sinh gả cho. Sinh nhất định không lấy, Phú-ông nài mãi, Sinh mới nè lòng, nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ, vì cây giây quấn, nhờ chị nên phải thương em; Sinh mới làm lễ cưới.

24. - CÁ THẦN

Ở tỉnh Quảng-nam có một người phú-thương giàu mà hiếu thiện, bằng thuê thuyền trở hàng hóa đi buôn, từ Gia-dịnh đến Thuận-hóa, mỗi năm đi lại vài lượt. Một hôm đi bể, uống rượu ở trong thuyền, say rượu cãi nhau với thuyền chủ. Thuyền-chủ vốn là một tên ăn trộm, bạo ngược hung-hỗn, nhân đêm tối ném phú-thương xuống bể.

Phú-thương bị ném xuống bể, đương nồi chìm ở trong mẩy đợt sóng cồn, bỗng chạm phải một con cá lớn, chắc rằng không khôi táng vào bụng cá, lo sợ vô cùng. Liều ôm lấy mình cá mà khấn rằng: « Lạy ông, tôi bình sinh là kẻ hiếu thiện, mắc phải đưa hung đồ ném xuống đây, xin ông thương đến mà cứu lấy mệnh tôi cho thoát nạn ». Khấn xong thấy cá nồi lên mặt nước, vượt sóng mà đi mau như tên bắn. Coi mình cá dài ước hơn trăm trượng. Ước chừng nửa đêm, cá đến một nơi, nghiêng mình lại nghỉ. Phú-thương trông lên thấy đã gần tới bến Đông-hải, bèn bơi mà vào. Khi lên tới bờ, đứng xóc áo nghénh mặt ra bể mà lê tạ cá. Rồi tìm đường mà đi, đi một lát, thấy trước mặt có đồn binh, nhận ra thì là đồn Đông-hải. Bèn gọi cửa đồn; kêu van xin vào trú. Phú-thương bình nhật thường đi qua đường ấy vẫn quen biết với các lính trong đồn. Lính đồn nghe thấy tiếng gọi, biết rằng người quen, mở cửa cho vào. Phú-thương vào đồn, quần áo còn ướt lưới thướt, thuật lại hết truyện cho mọi người

nghe. Ai nấy nghe thấy cũng lấy làm lạ mà có lòng thương giúp cho cơm áo.

Thuyền chủ đã ném phú-thương xuống bờ rồi, chia nhau lấy hàng hóa, thuận buồm xuôi gió mà về, đi hơn mươi ngày mới đến Đông-hải. Thuyền đã đến Đông-hải, thuyền chủ cắm thuyền lên bờ. Đi được một quãng chót gặp phú-thương, lấy làm ngạc nhiên, sợ hãi trốn chạy. Phú-thương vào kêu quan đồn, quan đồn sai lính ra đuổi bắt thuyền chủ đem về tra khảo vấn tội.

Thời bấy giờ ông Trần-danh-Đáng làm quan tướng đồn Đông-hải xét án ấy. Lâu ngày quên mất tên người phú-thương. Vì ông thấy truyện lạ nên ghi chép lấy.

~~24.~~ - GIỐNG VẬT ĐA TÌNH

Một người con gái, quê ở huyện Lục-ngạn, vào kiểm củi trong rừng, đương lúc một mình trong rừng núi vắng vẻ, chợt thấy hơn vài trăm con khỉ ở trong hang đá ra vây bọc xung quanh làm cho không chạy đằng nào được. Các con khỉ tranh nhau nắm lấy quần áo người ấy dắt đi, chỉ lên trên núi, miệng kêu diu dit. Nàng ấy đã toan gỡ ra chạy, nhưng khốn vì đàn khỉ đông lăm, biết không thể chạy thoát, vậy phải liều mình theo chúng mà đi. Bé cảnh rẽ cỏ, trèo qua đồi nọ sang sườn núi kia, xa ước vài dặm, đến một cái hang đá rộng bằng cái nhà. Trong hang có hòn đá lớn phẳng như cái giường, một con khỉ lớn ngồi ngay ở đấy, lớn bằng đứa trẻ hơn mười tuổi.

Khi lớn trông thấy đàn khỉ nhỏ đưa người con gái kiểm củi đến nhảy nhót có ý mừng rõ. Các khỉ nhỏ đều kêu diu dit tựa như cùng nói truyện. Một lát các khỉ con đều giải tán hết, chỉ lưu một mình nàng ở lại đấy. Nàng mới trông thấy trạng mạo khỉ lớn gồm ghê dữ tợn, sợ hãi khiếp đảm, nghĩ rằng tất bị nó cắn. Sau thấy

nó cầm tay nàng tựa như có ý yêu đương, cùng ngồi bàn đá, đưa các thức quả cho nàng ăn, rồi dắt nàng đi ngủ. Nàng sợ không dám cự, và xét kỹ ra nó cũng không dở cái thủ đoạn gì độc ác đối đãi với mình.

Nhưng đói lảm không thể nhịn được, trông chàng khỉ kêu đói. Nó cũng hiểu ý đưa nàng đến một cái hốc đá, chứa vô số là đậu với gạo. Nàng kêu không có nồi mâm bát đĩa. Thấy khỉ chúa kêu mấy tiếng tựa như dặn bảo điều gì. Mấy con khỉ nhỏ ở đấy đều đi ra cả. Được hơn vài giờ đồng hồ, thấy con thi đội nồi, con thi cầm bát, con thi cầm mồi lửa đem về, trông rất vui mắt. Từ đó trở về sau, lũ ấy thường vào dân gian ăn trộm quần áo, thịt, cá, mắm, muối đem về trong núi cung nàng, thôn dân rất lấy làm phiền nhiễu.

Nàng nhớ nhà muốn trốn về, vì khỉ chúa cố giữ diệt, không dịp nào đi được.

Hơn một năm, nàng có thai, sinh được một con khỉ nhỏ. Khỉ chúa bấy giờ cũng không cố giữ kỹ lưỡng như trước nữa.

Nàng nhớ nhà xin về, gạt nước mắt khóc. Khỉ chúa bắt đắc dĩ cho về, sai hơn mười con khỉ con tiễn về tận nhà. Nguyên năm trước khi nàng vào núi kiếm củi không về cha mẹ ở nhà tưởng rằng tất bị hờ hại, nhờ năm bảy người vào núi tìm hài-cốt không thấy. Cách hơn một năm, thấy con gái cùng đàn khỉ về. Nàng thuật hết truyện cho cha mẹ nghe, cha mẹ nàng lấy làm căm giận vô cùng, nhưng cũng ninh giận làm lành, để mưu giết con vật quái ấy, mời đặt rượu nếp cho đàn khỉ ăn mà bảo rằng: mày về mày bảo chủ mày rằng, đòi bên đã thành thân rồi, thế là quen thuộc; có lẽ nào đã có cháu rồi mà bỏ mẹ vợ chả biết mặt chàng rẽ. Về bảo chủ mày đến chơi đây, ta đãi tử tế, chẳng lo ngại gì. Lũ khỉ về đưa khỉ chúa đến. Khỉ chúa đã đến, nhảy ngay lên sập, ngồi bên gối dựa, tựa như khách quen. Người nhà làm

cố, bỏ thuốc độc vào, đàn khỉ ngồi ăn xong ngã lăn ra cả. Người nhà bắt lấy, trói lại, giết hết.

Lời cụ Lan-Trì: Một mình chiếm nơi rừng núi, làm chúa một loài Quả ngọt hoa thơm đủ dùng ngày tháng; giáng thanh gió mát, chơi thích bốn mùa; yên ổn vững vàng, bụi trần chẳng đến Dẫu óng ngoảnh mặt hướng nam, đất có trăm thành cũng chẳng sương hơn, thế mà chỉ vì nũ sắc, đem thân vào chốn Lư-Diêm, hại đến mình, chết đến tộc loại, chẳng ngu lầm du l Giồng vật vô tri kia, thực cũng đáng thương lắm vậy.

26. – HIỆP-HỒ

Hoàng-Lang người huyện Bảo-lộc, ngoài hai mươi tuổi lấy nàng Nguyễn thị, sinh được đứa con gái; vài năm Nguyễn-thị bị bệnh mất. Hoàng-Lang đem con gửi bà ngoại là Nguyễn-Uân nuôi. Sau khi hết trổ Nguyễn-thị, đứa bé ấy đã lên bốn năm tuổi, Hoàng-Lang thường đến chơi nhà bà ngoại thăm con, có khi đưa con về nhà chơi hàng chín mươi ngày.

Ở liền hàng xóm có một người gái hóa còn ít tuổi, nhan sắc khá. Sinh trong thấy đẹp lòng, có ý muốn lấy, nhờ người đến nói. Nàng từ chối mà rằng:

Nếu tôi nỗi giây cầm-sắt, gặp được Hoàng-Lang thì cũng lấy làm vừa ý lắm. Song vì vợ trước chàng ta đã có con rồi. Cồ kim lai, dù ghẻ con chồng cùng ở một nhà rất là khó chịu, không dạy bảo cho, dè nó lêu lổng, thì bảo là chẳng để chàng thương, có đập đánh một vài doi thì người ngoài đã đều này tiếng nọ, bảo là mấy đời dù ghẻ có thương con chồng. Thôi nhờ mỗi về bảo Hoàng-Lang rằng tôi không thể về làm vú nuôi cho con người trước được.

Mụ mối về thuật lại hết truyện. Hoàng-Lang nghĩ rằng nếu không trừ bỏ đứa trẻ ấy, không sao lấy được

người ấy. Mới sinh lòng độc ác. Vài hôm sau Hoàng-Lang bế con vào rừng, nói rồi tìm các thức quả cho ăn, đến một nơi vắng vẻ cày cối sầm uất, Hoàng-Lang đặt con ngồi ở đây mà về. Rừng ấy vốn có nhiều hồ. Hoàng về đến nà à chắc rằng đứa trẻ ấy không khỏi lảng vào bụng hồ. Hoàng-Lang lại sợ Nguyễn Uần hỏi đến cháu ngoại, bèn ra ngoài đồng đáp giả một cái mả mới, giả cách là nơi táng con.

Ước chừng quá nửa đêm hôm ấy, Nguyễn Uần nghe thấy hồ kêu ngoài cồng, hốt hoảng sợ hãi đóng cửa thật chặt không dám ra. Sau lại nghe thấy tiếng trẻ con khóc ở ngoài cồng, tựa như tiếng cháu ngoại mình vừa sợ vừa thương liền thấp dom mở cồng ra soi, thấy cháu đương đứng một mình ở ngoài cồng khóc, vừa hãi vừa mừng. Vội ôm cháu vào, hỏi cháu ở đâu mà đương đêm dám về đây một mình.

Đứa trẻ đáp:

Buổi chiều thầy tôi ẵm tôi vào rừng, đặt tôi ngồi ở dưới gốc cây, rồi đi đâu mất, tôi sợ khóc mãi, sau thấy một con mèo vàng, lớn bằng con trâu cắp tôi về đây, không biết đây là nhà bà.

Nguyễn-Uần nghe nói kinh dị, ôm cháu mà khóc. Bỗng nghe thấy tiếng hồ kêu ngoài cồng. Nguyễn Uần khấn rằng:

Đa tạ sơn-quân, cứu mệnh cháu tôi, tôi không biết lấy gì tạ được, nhân tiện trong chuồng có con lợn béo xin kinh tặng ngài.

Khấn xong liền thấy tiếng hồ vào chuồng bắt lợn

Đến gà gáy sáng, Nguyễn-Uần lại nghe thấy tiếng lợn kêu từ xa lại gần, vào tới chuồng nhà mình thì thôi. Lúc sáng thật mở cửa ra trông, thì thấy lợn nhà mình đã mổ một nửa, đè ở giữa sân, trong chuồng

lại thấy một con lợn khác lớn hơn ở đâu mới đem đến.

Sau Nguyễn-Uân đến nhà Hoàng-Lang hỏi cháu ở đâu?

Hoàng-Lang đáp rằng:

Nó mắc phải bạo bệnh, thuốc chữa không khỏi đến nửa đêm hôm qua thì mất, hiện đã đem táng. Rồi đưa Nguyễn-Uân ra ngoài đồng chỉ vào cái nấm mới đắp nói rằng đây là mả cháu Nguyễn-Uân sai đào lên, chẳng thấy gì cả. Bảo Hoàng-Lang rằng:

Có lẽ vì khi mày táng nó, mặc nhiều quần áo cho nó, nên những đứa gian tham đào mả nó lấy quần áo, mà vắt xác đi chăng? Ở nhà ta hãy còn cái chăn với mấy cái áo, mày nên theo về nhà ta, đem những thức ấy dốt đi, kéo nữa ta đã tuổi già, trông thấy vật cũ thêm thương lại càng sinh đau lòng xót ruột. Hoàng-Lang theo Nguyễn-Uân về, thấy đứa bé con đương đứng ở cửa. Đứa bé trông thấy bỗng đến, lấy làm mừng rõ, gọi thay đổi dít Hoàng-Lang thấy con còn sống, sợ xám mặt lại vội quay ra chạy. Nguyễn-Uân nắm lấy vật áo co lại Hoàng co đứt vật áo mà chạy, trốn sang thôn khác, người trong thôn ấy ai cũng ghét Hoàng là người vô hạnh, đến đâu cũng chăng ai chửa.

Nguyễn-Uân đem việc ấy lên kêu quan. Quan lấy việc ấy làm thương luân bại lý, định kết án Hoàng-Lang vào tội trọng hình. Trước khi chưa dựng án hãy đâm chặt Hoàng-Lang một chỗ.

Hoàng Lang đem tiền của lẽ quan Quan giảm tội cho Hoàng-Lang chỉ phải đán 15 trượng rồi tha cho về.

Hoàng-Lang được tha, đương đêm đi về về đến cồng làng thấy con hổ ở trong bụi cây ra gầm hét một tiếng rất to, rồi cắp Hoàng-Lang mà đem đi, nhanh như gió bão. Người trong thôn ấy nghe tiếng

hồ héo, vội vàng cầm đuốc vác gậy đuôi theo. Đến
đến quãng đường cách thôn ấy hơn một dặm, thấy
xác Hoàng-Lang đã tan nát ở mặt đất, máu chảy lênh
lánh. Trông ra cách hơn 100 bước nữa, thấy 1 con
hổ 2 mắt sáng như đuốc, thong dong bước vào rừng
rậm.

(Đó là việc năm canh-tuất. Em ngoại cụ Lan-Trì là ông Trần-
danh-Lưu lên Lạng-sơn được biệt rõ truyện ấy về thuật lại.)

27. — NGUYỄN-CHẬT

Nguyễn-Chật quê ở làng Mục-viên, huyện Hoằng-hóa, lúc bé đi học dốt lảm, tới khi đã lớn ngoài ba mươi tuổi, làm văn chưa thông. Chỉ được cái sức vóc khỏe mạnh, những khi nghỉ học thường làm kiêm cả cày bừa, tát nước, các việc đồng áng. Anh em bạn học thấy dốt, mà lại có sức khỏe, thường ủy cho việc quét rữa nhà trường, kê ghế, kê phản, cùng phục dịch những việc thổi cơm, nấu nước ở trong nhà trọ.

Năm ngoài bốn mươi tuổi, cũng vẫn dốt nát như trước, nhưng vẫn cố học không thôi. Thầy học thấy cố học cũng có lòng thương. Nhân khi gấp khoa thi hương, thầy học bảo các học-trò rằng:

Nguyễn-Chật dẫu là người lỗ đòn, nhưng có chí có học, thực cũng đáng khen. Nay cũng cho y vào thi, đến lúc vào trường anh em bèn mỗi người làm văn giúp y một đoạn, hoặc may ra có đỗ được, thì trước là y khỏi phụ cái công đèn sách đã vài mươi năm, sau là ta cũng đèn được cái ân của y hầu hạ thầy trò mình bấy lâu khó nhọc. Các học-trò đều vâng lời.

Năm bấy giờ Hậu-lê mới trung hưng, phép thi chưa nghiêm mật lắm. Nguyễn-Chật vào trường, bạn học mỗi người làm văn giúp một đoạn, vào thông bốn kỳ. Đến lúc kéo bảng Nguyễn-Chật cùng bốn năm người bạn học đều đỗ Hương-cống.

Nguyễn-Chật khi ấy tuổi đã 50, sức còn khỏe lắm. Sang xuân đến kỳ thi hội, Nguyễn-Chật tự nghĩ sức học còn kém, nay nhờ phúc phận đỗ được hương-công đã là mãn-nguyện, không muốn lai kinh thi nữa; nhưng anh em bạn đồng khoa, cố nài Nguyễn-Chật cùng thi hội cho vui, và bảo rằng đến lúc vào trường, anh em lại hợp sức giúp. Nguyễn-Chật cũng bằng lòng đi, giúp anh em quảy tiền gánh gạo, đến nhà trọ phục dịch cơm nước, rất là nhanh nhau được việc. Khi vào trường, anh em bạn cùng làm văn giúp.

Kỳ phú xuất bảng, thầy, bạn đều hỏng cả, chỉ duy có Nguyễn-Chật dự trúng. Nguyễn-Chật được vào kỳ phú lấy làm lo lắng, thầy và bạn đã hỏng cả rồi, ngày mai vào kỳ văn sách, không có ai giúp, biết xoay làm sao viết cho đủ quyển.

Đêm nằm mộng thấy một ông cụ già gọi bảo rằng: quan tân tiến-sĩ ngày mai vào trường, nên mang một dấu diêm-sinh đi, sẽ có công hiệu lớn. Chợt thức tỉnh dậy, không hiểu ra sao.

Sáng sớm dậy cứ y theo như lời thần mộng, đem diêm-sinh vào trường. Đến lúc vào trường, xem đầu bài văn sách không hiểu nghĩa sao cả. Cũng liều đóng lều che kín, ngồi ăn cơm, ăn no xong nằm ngủ, tiếng ngày khò khè, đến chiều mới dậy. Bấy giờ có một ông hương-công ở lều bên cạnh là người hay chữ có tiếng, làm văn đã mười phần dắc ý, chỉ duy còn một đoạn kim văn làm chưa xong, bỗng nồi cơm đau bụng tưởng chết, trong khi ấy ở trong trường-thi ai nấy đương nghĩ ngợi làm văn, doái tròng tả hữu chỉ thấy có một mình ông Nguyễn-Chật ngồi yên vô sự. Gọi lại bảo rằng quyến tôi làm tất đỗ thứ hai, thứ ba, chẳng may mắc phải bạo bệnh, chả chắc có sống được không, bây giờ không thể nào đi được, nếu đại-huynh có thể công tôi ra được về đến nhà trọ, thì tôi xin tặng đại-huynh quyến này, thay đè tên khác mà nộp, còn tôi thì cáo bệnh không nộp quyến nữa.

Nguyễn-Chật mừng lăm, lĩnh lấy quyền ấy dề tên
mình vào mang nộp. Rồi công ông kia ra cửa trường.
Khi ra đến cửa trường, ông kia lại càng đau bụng quá
lăm, ngất đi tưởng chết. Nguyễn-Chật hỏi :

— Đại-huynh bình nhặt vẫn có chứng này dữ ?

Ông kia đáp :

— Cái chứng đau bụng tôi đã thành cốt tật, mỗi khi
đau lại ăn một bát diêm-sinh thì khỏi, nhưng bây giờ
lấy đâu ra được.

Nguyễn-Chật nói :

— Sao đại-huynh không bảo từ trước, hiện tôi có
mang đi đây. Liền dở gói diêm-sinh đưa cho ông
kia ăn, khỏi đau bụng ngay, cùng đưa nhau về.

Quan Chủ-khảo chấm văn Nguyễn-Chật, khen văn
hay lăm, toan lấy đỗ đầu, nhưng vì kim văn còn
thiếu mất hai đoạn cuối cùng, phải lấy đỗ thứ bảy.

Tời kỳ đình-thí, đầu văn đình đối dài lăm. Các
công-sĩ đã đóng lều làm văn cả rồi. Nguyễn-Chật còn
đứng sao đầu bài mãi đến quá nửa buổi, chưa xong,
mắt đỏ hoe tay run lập cập viết chẳng thành chữ.
Nhân có thầy đội thê-sát đi qua đấy, trông thấy
Nguyễn-Chật sao đầu bài mãi không xong, đã ngứa
mắt. Nguyễn-Chật lại vỗ vai thầy đội, tay chỉ lên
bảng hỏi :

Này này ông đội, chữ kia là chữ gì nhỉ ?

Thầy đội phát cục, co chân đạp cho một cái. Nguyễn-
Chật liền nằm vạ.

Đến buổi chiều vua ra ngự trường-thí, xem các
công-sĩ làm văn, thấy một người nằm ở dưới biền
đầu bài, hỏi tên nào nằm kia ?

Nguyễn-Chật tâu :

Tôi đương sao đầu bài bị thầy đội thê-sát đạp tôi
một cái đau lăm không thể dậy được.

Vua nghe nói cả giận, phán cách chức tên đội thề sát và truyền cho bốn tên linh trong cấm-thành, phải khiêng Nguyễn-Chật về tận nhà trọ.

Nguyễn-Chật về nhà trọ, mừng thầm, nói một mình rằng: may nhờ có cái dẹp của thầy đội, mới thoát được cái nạn làm vắn, chứ không có thì còn khổ.

Trước khi chưa kéo bảng, các quan có nhiều người bàn nên tước bỏ tên Nguyễn-Chật. Vua còn do dự chưa định. Bỗng gặp Trịnh-Xuân nổi loạn, xe giá vua phải chạy sang nam. Vài tháng loạn yên mới về. Vua truyền cù y theo hội bảng lấy đỗ tiến-sĩ. Vì thế Nguyễn-Chật đỗ tiến-sĩ đội bảng. Nguyễn-Chật lại có công theo xe vua đi đánh giặc. Vì có quân-công lại trong làm nên hiển hoạn.

28. — BÁO-ÂN THÁP

Tháp Báo-ân ở xã Bình-quân, huyện Cẩm-giàng tỉnh Hải-dương; bên cạnh không có đèn chùa, dưới không có bia ký.

Tương truyền làng ấy ngày xưa có nhà phú-ông họ Nguyễn, sinh hạ được vài người con, giai đều làm ruộng. Sau sinh một người con gái út. Khi người con gái đã lớn, dịu dàng êm ái, nhan sắc tuyệt vời. Các nhà cự-phú các nơi, tin-hồng sứ-điệp tranh nhau mượn người đến媒媒 rất nhiều, nhưng phú-ông không gả, chỉ định kén rề cho con, đợi có ai là người văn-sĩ có tiếng đến cầu hôn mới gả. Người con gái cũng kén chọn kỹ lắm, bao nhiêu người đến hỏi cũng chưa bằng lòng. Không ngờ hòng nhan bạc mệnh, người con gái ấy năm mươi tám tuổi bỗng bị bệnh phong, thuốc thang trăm phương trị mãi không khỏi. Ngón tay hơi cong, bị phu phát lên nhiều nơi đỏ sần. Người làng sợ bệnh ấy truyền nhiễm, đuổi nàng phải ra ở biệt ngoài đồng. Cha mẹ anh em cũng không dám đến gần.

Nhà họ Nguyễn vốn là phong phú, dẫu thương con gái muốn cho ở nhà, nhưng không sao được bèn làm cho con một cái nhà gianh, ở bên đường cái, giữa nơi đồng không mông quạnh, cấp cho tiền gạo quần áo đủ dùng quanh năm. Được hơn một năm có ông Cử-nhân quê ở Kinh-môn nhân đi thi hội qua đường ấy; trời vừa xầm tối, cơn mưa kéo đến ầm ầm, trong bốn bề thấy có làng xóm còn cách xa xa; chỉ duy có một cái nhà gianh ở bên đường cái đấy là gần. Bèn chạy lại gọi cửa, nói xin vào trú.

— Ai thế? ai gọi cửa thế?

— Thưa cô tôi đây, tôi là Cử-nhân tên mõ, quê ở Kinh-môn, nhân đi thi hội, đến đây trời tối, gặp cơn mưa gió. Xin cô làm ơn mở cửa cho tôi vào trú.

Người con gái mở cửa cho vào, thấy ông Cử chạc độ mười bảy, mười tám tuổi, phong nhã tuấn tú, nói năng cử chỉ ung dung lễ phép. Người con gái ấy tuy trong mình có bệnh, nhưng được cái diện mạo vẫn sinh tươi trắng trẻo, không hề có lở; dưới bóng ngọn đèn trông quả ra người thiếu-nữ tuyệt sắc. ỉm cười, liếc mắt, gặp gỡ thiên nhiên, không biết bao nhiêu ái tình chan chúa. Phỏng có kén chọn, chưa dễ tìm đâu được hơn. Đôi bên đều lấy làm duyên trời đưa lại, kinh yêu thân ái, không khác gì vợ chồng.

Sáng hôm sau, sinh dậy sớm cáo biệt, và đính ước với nàng: thi hội xong sẽ về đây làm lễ cưới. Nói xong đi thẳng vào kinh, đợi ngày ứng thi.

Người con gái ấy từ khi ở biệt riêng ngoài cánh đồng, trừ người nhà thỉnh thoảng đem cấp tiền gạo cho không kè, còn ngoại ra không một người nào thèm hỏi tới đến. Không ngờ bỗng gặp được ông Cử tân khoa có lòng quyến luyến, thực là một cái kỳ ngộ may mắn lạ thường. Tự nghĩ đến mình, lại càng thương thân tui phận. Nghĩ rằng trong lúc đêm hôm tối tăm, bệnh

lò không lộ, mới được người ta quá yêu, nếu bạch nhật rõ ràng, biết mình có bệnh, thì còn mặt mũi nào trông thấy nhau nữa. Lại còn lo nỗi nay mai chàng đem sinh lê đến cưới thì làm thế nào? Càng nghĩ càng đau đớn trăm chiều, bệnh thêm nặng ra, được hơn mười ngày thì mất. Nguyễn phủ-ông bèn táng nàng ở ngay chỗ đất nàng ở.

Sinh vào thi hội, vào thông tú trường, đến kỳ văn sách cuối cùng, văn làm xấu lắm, lại có nhiều chỗ viết nhầm, chắc rằng không đỗ, chẳng còn hi vọng gì nữa. Không ngờ đến ngày kéo bảng cũng thấy có tên, lấy làm mừng rỡ vô cùng. Bèn cùng với vài ông bạn đồng khoa Tiến-sĩ vào yết kiến phòng-sư, (*tức là ông quan châm-trường lấy cho mình đỗ*) Các ông Tiến-sĩ vào yết kiến xong, từ biệt ra về. Phòng-sư lưu ông Tiến-sĩ Kinh-môn ở lại hỏi truyện.

- Quan tân Tiến-sĩ đã có vợ chưa?
- Bầm tôi chưa vợ.
- Thế trước kia ngài có làm việc âm công gì không?
- Bầm không!

Phòng-sư nói:

— Khi tôi chấm đến kỳ văn sách của ông, thấy văn xấu lắm, định đánh bỏ, chớp ngủ đi, thấy có một người con gái đứng trước mặt chắp tay kêu rằng:

Đây là quyền của chồng con xin quan-lớn dù lòng thương, ròng bút lấy đỗ cho. Tỉnh dậy, thấy quyền của ông đè ở trước mặt, xem qua lượt nữa, thấy văn xấu, và có nhiều chỗ viết nhầm; không thể lấy được. Ngả gối nằm nghỉ, lại mộng thấy người con gái đến kêu cầu, xin cho đỗ. Hỏi quê quán ở đâu, thì nàng ấy xưng là con gái họ Nguyễn, quê ở làng Bình-quân. Nay ông được đỗ Tiến-sĩ, là nhờ ơn người ấy xin cho.

Sinh cũng không hiểu ra sao. Từ tạ phòng-sư ra về. Đến lúc về vinh-quy, đi qua đường cũ, định vào đón

nàng, vu-quy cùng với vinh-quy một ngày. Không ngờ đến nơi thấy túp lều gianh đã dỡ bỏ, ở đấy chỉ có một ngôi mả mới, lấy làm ngạc nhiên, mới hỏi người ở xú ấy xem tung tích nàng thế nào? quê quán ở đâu, nay còn hay mất? Tấy người nói rằng nàng là con gái phú-ông họ Nguyễn, quê ở xã Bình-quân, vì có bệnh phong, nên phải ở riêng một chỗ. Nàng vừa mới mất được mươi lăm hôm nay.

Sinh nghe thấy tiếng xã Bình-quân sực nhớ đến lời quan phong-sư nói có người con gái ở Bình-quân, đến kêu van xin cho đỡ, biết rằng linh hồn nàng báo ân giúp mình, lại càng thương cảm vô cùng. Bèn đến xã Bình-quân, vào nhà phú-ông, xin làm con rể.

Phú-ông thấy quan tân Tiến-sĩ đứng chấp lễ khiêm cung một cách quá đáng, nói xin làm con rể, không hiểu sự tình sao cả, vội vàng đứng dậy đáp lễ lại, và không dám nhận lời. Sinh bèn kể hết truyện gấp nàng với truyện thi đỗ cho phú-ông nghe, Phú-ông lấy làm lạ, xin vâng lời.

Sinh bèn sắm tang lễ tế nàng. Minh-tinh đền: *Tiến-sĩ mồ chính thê Nguyễn thị*. Lại dựng cây tháp ở trên mộ nàng, đền là *Báo ân tháp*.

29. — NGUYỄN-ĐĂNG-ĐẠO

Nguyễn-đàn -Đạo, quê ở làng Hoài-bão, huyện Tiên-du. Lúc còn ít tuổi, bạo dạn cứng cổ, lại hay tự do, phóng đạt, không chịu giữ gìn hạnh kiềm. Năm 19 tuổi qua chơi Trường-an, nhân gặp ngày tết Nguyên-dán, sĩ nữ đều đua nhau trang điểm, ăn mặc chải chuốt, đi lễ các đền chùa. Nguyễn-đăng Đạo với mấy người bạn học, cùng đi thưởng xuân. Đi đến trước cửa chùa Bảo-thiên, gặp một cái xe loan, có năm, sáu đứa thị-tì theo sau đều áo lương, quần lĩnh, khăn

nhiều, giầy hoa. Liếc trông vào trong xe, thấy người thiếu-nữ tuổi chừng đôi tám, mắt phượng mày ngài, thoa vàng nhẫn ngọc; gọi khẽ một tiếng, bốn năm đứa thị-tì xúm quanh cả lại. đứa thì đưa giày vào tận chân, đứa cầm quạt che, đứa bưng tráp tràu, hầu hạ rất là nghiêm trang. Mỹ-nhân dời gót vào chùa lê phật, vãng cảnh giờ lâu mới ra. Mỹ-nhân đi một bước. Đăng-Đạo theo sau một bước, mỹ-nhân lên xe loan. Đăng-Đạo đứng ngần ra bên cạnh, liếc mắt nhanh mài. Các quân hầu thét mắng đuổi đi, cũng chẳng chịu đi. Thậm chí chúng phải cầm roi toan đánh, Đăng-Đạo bất đắc dĩ mới phải lui ra mấy bước đứng trông. Nghe thấy trong xe loan có tiếng nói khoan thai nho nhỏ rằng :

“ Ngày xuân mát mẻ, chiều giờ êm ái, ai chẳng thích xem phong cảnh, chúng bay không được ngược dãi người ta. » Nói xong liền bảo phu xe chạy mau. Đăng-Đạo cứ trông theo hút bụi xe chạy xa xa, cố lèo dẽo theo sau mãi, ước hơn vài dặm, thấy xe loan vào cái cồng dinh lớn

Đăng-Đạo đến nơi, ngồi nghỉ nhà hàng nước ở bên cạnh cồn dinh, hỏi thăm bà hàng nước :

— Đây là dinh quan lớn nào ?

Bà hàng nước nói :

— Đây là dinh quan võ thần, chức ngài **quản** cầm quân đè lĩnh từ thành quân-vụ

— Ngài đã có mấy công-tử ?

— Thê thiếp ngài đông lăm nhưng chưa được vị công-tử nào, chỉ sinh được một tiểu-thư, nhan sắc tuyệt thế, tuổi vừa tới tuần cập kê, chưa chồng. Xe loan đi qua đây vừa rồi, chính là xe tiểu-thư đấy.

— Thiếu gì các con quan lớn đến hỏi mà tiểu-thư còn chưa chồng.

— Quan lớn đây ngài kê rẽ kỹ lắm. Kẽ cũng có nhiều con qua lớn đến hỏi, nhưng chưa bằng lòng

đâu cả, ý ngài còn kén lấy người danh-sĩ nhất trong nước mới định gả cho.

Đăng-Đạo trở về, suốt đêm tưởng nhớ, dẫn dọc mắt ngủ. Sáng sớm hôm sau, Đăng-Đạo lại đến chục ở cồng dinh ấy, gặp Ngô-hầu (*tức là ông thân-sinh ra tiều-thư*) đi chầu vua mới về. Bèn lân la làm quen với một đứa đầy tớ Ngô-hầu, cho nó tiền, hỏi dò biết đích nơi buồng tiều-thư nằm. Đêm ấy trèo qua hai ba lần tường, tới buồng tiều-thư, đào vách mà vào, lên giường cùng nằm, đánh thức tiều-thư dậy.

Tiêu-thư đặt mình, thức dậy hỏi: Ai thế này, ai vào thế này?

Đăng-Đạo nói:

— Từ lúc tôi gặp tiều-thư qua chơi Bắc-thành, lấy làm quý mến vô cùng, nhưng là thầm yêu trộm nhớ, không phút nào quên. Cũng muôn nhờ người đến làm mối, nhưng sợ người trần-ai với nơi Tề-tường cách bậc nhau xa, chả biết dài gương có soi đến không. Vậy tôi phải đánh bạo đến đây, mục đích chỉ muôn cùng với tiều-thư định ước trăm năm. Nếu băng lòng như thế cho, thì tôi lấy làm hả lắm.

Tiêu-thư thận và sợ, nói sẽ rằng:

— Ở đây kín cồng cao tường, then cài cửa khóa, sao anh vào được thế? Quan lớn tôi đây, tính nóng như lửa, nếu tôi nói to lên một tiếng, thì tính mệnh anh lập tức tan nát ra do.

Đăng-Đạo nghe nói, cứ ngồi mà cười. Tiều-thư không biết làm thế nào, bèn lấy hai tấm lụa đưa cho Đăng-Đạo mà bảo rằng:

— Tôi anh chết đáng lắm, nhưng nếu có người biết thì tôi cũng mang tiếng, vậy tôi cho anh hai tấm lụa này, nhân lúc này đầy tớ chưa biết, anh phải tìm đường ra ngay, tôi tha cho; không thể thì chỉ một lát nữa, anh không còn tính mệnh. Đăng-Đạo cười to nói rằng;

Ái-khanh lại lấy cái chết dọa tôi ư! nếu tôi sợ chết
đã không đến đây. Phỏng sứ đại-nhân đến đây, tôi
cũng chỉ nói thế thôi, chủ ý tôi muốn cầu hôn, chẳng
bằng lòng thì thôi, chứ chả có lẽ lấy tiếng chết dọa
tôi được.

Vừa cười vừa nói, tiếng to choang choang. Các
dầy-tớ thức dậy, gọi nhau đứa cầm gậy, kẻ cầm dao,
thắp đuốc lên soi, thấy một người học-trò diện mạo
khỏi ngô, ngồi chêm chệ ở trên giường tiều-thư. Cười
nói ung dung, chẳng hề sợ hãi chút nào.

Đầy-tớ lên bầm Ngô-hầu. Ngô-hầu nỗi giận, dương
mày trợn mắt, vén tay áo, cầm thanh gươm đi xuống.
Đăng-Đạo thấy Ngô-hầu, chỉnh dung đứng dậy chào,
cử chỉ như thường, và nói rõ chân tình, hâm mộ
cao mòn, ý muốn vào làm rề. Ngô-hầu lại càng thêm
giận, liền sai người nhà trói lại đem đóng cùm.

Song thấy diện mạo nho nhã, nói năng dỗng dạc,
cũng không nỡ ra hình. Toan giải đến cho quan Án
trị tội. Nhân gặp có ông quan văn là Phạm-công đến
choi, Ngô-hầu nói truyện cho Phạm-công nghe, vừa
nói vừa nỗi giận, đỏ tía cả mặt.

Phạm-công nói :

— Có việc phi thường, tất là có người phi thường.
Nếu người ấy trong tự phụ có tài năng, thì ta thử
tài xem, quả là người tài tật thì nên gả con cho.
Nhược bằng là kẻ côn đồ thì ta lấy trưng đánh cho
kỳ chết, chứ có việc gì mà giận.

Bèn vời Đăng-Đạo vào ra văn cho làm, Đăng-Đạo
trông thấy đầu đè cầm bút thảo liền. văn làm xong
ngay lập tức. Ngoảnh ra bảo tên linh nhà Ngô-hầu rằng :

— May vào bảo tiều-thư, phải dọn cơm nước cho
tao tử tế, nếu có ý khinh dè thì tao không lấy đấy.
Các đầy tớ nghe nói, đứa nào cũng che miệng mỉm
cười. Văn trình lên ; Phạm công khen mãi không thôi.
Bao Ngô-hầu rắn g:

— Có nghìn vàng cũng không tìm được người rẽ
như thè.

Ngô-hầu bèn truyền lệnh tha cho Đăng-Đạo. Hồi
tính danh, hương quán rồi cho ở biệt một thư-đường,
cấp lương cho học.

Năm sau Đăng-Đạo thi hương đỗ Thủ-khoa, Ngô-hầu
sắm sửa lễ cưới, cho Đăng-Đạo cùng tiểu thư
thành hôn. Cách năm sau nữa, Đăng-Đạo vào kinh
thi hội đỗ luôn Trạng-nguyên.

*Lời cụ Lan-Trì : Trèo tường khoét vách, miệng thè
thường chê, sao người danh-sĩ cũng làm ? Hoặc có
kẻ nói: có cái tài như ông, hãy làm cái việc như thè;
nhưng ta bảo rằng : sao bằng có cái tài như ôn.
không làm cái việc như thè. Cái tài có che nỗi cái
hạnh được đâu ?*

30 — PHẠM-CHẤN, ĐÔ-UÔNG

Làng Lam-kiều thuộc huyện Gia phúc có ông Phạm-
Chấn, làng Cải-lâm có ông Đô-Uông; hai làng liền
nhau. Thời bấy giờ người ta nói ở trong cái ngõ nhà
ông Uông ở, có con yêu tinh thường thường hiện hình
tác quái

Một hôm ông Uông ngồi đọc sách ở trong cửa sổ,
đến nửa đêm thấy có một cái tay thò vào qua cửa,
ông Uông biết ngay là hẳn con yêu tinh ấy, nó
trêu ghẹo ta đấy thôi, cứ ngồi yên đọc sách, không
hề sợ hãi. Sáng mai ông đi hỏi người phù thủy trong
làng rằng :

Ông có phép gì trừ được yêu tinh không ? người
phù thủy đáp :

— Lấy chỉ ngũ sắc buộc lấy tay nó thì có thể trừ được.

Đến tối sau, ông Uông lại ngồi đọc sách ở trong
cửa sổ, thì lại thấy thế, ông liền lấy chỉ ngũ sắc,

buộc tay con yêu ấy vào cửa quả nhiên con yêu không rút được tay ra, đến khi giờ gần sáng, con yêu kêu khóc thảm thiết thưa rằng:

Tôi thấy ông là bực đại tài, tôi chơi với ông, sao ông nỡ lòng nào, trói tôi khổ như thế này? Ông liền hỏi con yêu:

— Mày xem tài tao ngày sau có đỗ được trạng-
nguyên không? Con yêu thưa:

Trạng-nguyên đã có ông Phạm-Chấn, ông chỉ đỗ
được Bảng-nhỗn mà thôi. Ông lại hỏi:

— Mày có vật gì mà thiêng như thế, mày có thể biết
trước, mày cho tao xem?

Con yêu liền khạc ra một chất, trông như hòn ngọc,
dễ trên bàn tay, cái ánh sáng của chất ấy, choáng
cả mắt, ông Uông cầm lấy nuốt ngay rồi cồi trói
cho con yêu. Từ bấy giờ giờ đi trong làng Cải-làm,
không ai thấy nó hiện hình tác quái nữa, mà sức ông
Uông học mỗi ngày một tấn tới, ông Chấn không sao
theo kịp được.

Đến đời vua Nhân-tôn nhà Lê, khoa Binh-thân ông
Uông và ông Chấn cùng đi thi, hai ông cùng đỗ, sau
hai ông cùng vào thi hội, ông Uông trông thấy đầu
bài, đều là những bài cũ mình đã làm cả rồi, có ý
tự dắc Trạng-n uyên khoa này, hẳn chắc ở tay ta.

Bấy giờ ông Chấn đương làm văn ở trong lều phảng
phất nghe thấy ở bên mình có hai người, một người
tự xưng là Hàn-Kỳ và một người là Đông-phương-Sóc,
ghé vào tai ông Chấn đọc văn, ông cứ việc viết không
còn phải nghĩ ngợi gì nữa, lại nghe thấy ông Sóc bảo
ông Kỳ rằng: Chúng ta phải làm cho ông Uông đau
bụng, để bót sức đi; bỗng chốc thấy ông Uông ôm
bụng kêu đau, không sao viết được.

Khi ông Chấn viết xong rồi, bệnh ông Uông mới
khỏi, ông Uông đâu có gấp được bài cũ, nhưng sức
viết cũng không thể sao kịp được.

Đến khi xướng danh, ông Chấn đỡ trạng-nguyên, ông Uông đỡ bảng-nhờn, ông Chấn mừng bão anh em bạn rắng :

Đỗ-Uông từ giày giờ đi còn lên mặt hay chữ nưa thôi. Ông Uông lấy làm tức, đến ngày về vinh quy, hai ông đi ngang nhau, không ai chịu đi sau, đi đến cầu Liên-khê làng Hoạch-trạch, có người đứng đầu cầu thưa rắng :

Chúng tôi vẫn nghe nói hai ngài là bức đại tài, nay thấy hai ngài về vinh-quy, xin hai ngài dè thơ cầu một bài, hai ông nói rắng :

Cầu này có mươi dịp, qua bảy dịp phải làm xong thơ, mỗi câu thơ phải dùng hai chữ tên thú vật, ai làm xong trước thì được đi trước, ông Chấn lập tức ngồi ở trên mình ngựa, làm xong bài thơ tám câu ngay, ai cũng khen thơ hay, ông Uông nói rắng, bài thơ ấy hẵn ngày thường đã làm rồi, không phải bây giờ mới làm, thì ta không nhường, lại ngang hàng mà đi. Đến làng Minh-luân có người làm nhà mới xong, ra giữa đường đón thưa rắng :

— Bầm hai ngài, chúng tôi mới làm được một cái nhà xong, may gặp các ngài đi qua đây, xin các ngài cho vài chữ dè làm bùa chấn chạch. Ông Chấn đọc ngay rắng :

年 年 增 富 貴 日 日 享 榮 萍
Niên niên tăng phú quý, nhật nhật hưởng vinh hoa

昔 人 有 此 語 今 日 賀 新 家
Tích nhân hữu thủ ngữ, kim nhật hạ tân gia

Thích nghĩa = Năm năm thêm phú quý, ngày ngày hưởng vinh hoa, người ngày xưa có câu nói như thế, bây giờ đem mừng làm nhà mới

Ông Uông giờ lâu nói rắng : mừng nhà mới bốn câu ấy hết cả nghĩa lý rồi, còn câu gì hay hơn được.

nữa, hẳn là có quỷ thần giúp đỡ không sai, chứ sức ông Chấn không làm nhanh được như thế. Bấy giờ Ông Uông mới chịu nhường cho ông Chấn đi trước. Hai ông về vinh-quy xong rồi, ông Uông đến cánh đồng làng Lam-kiều, xem mả tồ nhà ông Chấn, thấy có hai đống đất con ở hai bên, tục gọi là thàn-dồng phụ nhĩ, ông Uông chở vào hai cái đống ấy nói rằng: lâu nay vẫn Chấn hơn tao thật là tại ở hai thằng này cứu giúp, lập tức lấy gót chân đạp vào hai cái đống ấy, sau ông Chấn bị điếc cả hai tai, chữa thuốc nào cũng không khỏi. Có người biết mách với ông Chấn rằng:

Tại có quan Bảng-nhỡn Đỗ-Uông lấy chân đạp vào hai cái đống ấy, hóa cho nên ông điếc. Ông Chấn làm sờ tâu vua, vua sai sứ ra bắt ông Uông, phải tạ mả tồ nhà ông Chấn, bệnh điếc lập tức khỏi.

Đây lại nói khi trước ông Chấn cùng ông Uông uống rượu chơi, nửa tỉnh nửa say, cùng nhau làm bài tàn uống rượu, ông Uông đọc trước bốn câu rằng:

有 漢 用 漢 無 漢 用 火

Hữu hoàng dụng hoàng, vô hoàng dụng hỏa,

所 用 咸 宜 無 施 不 可

Sở dụng hàm nghi, vô thi bất khả.

Thích nghĩa. — Có rượu bồ thì dùng rượu bồ, không có rượu bồ thì dùng rượu cồn, rượu nào cũng thế, uống rượu nào chẳng được.

Ông Chấn cũng đọc theo mấy câu rằng:

酒 漢 則 飲 酒 火 則 絶

Tùu hoàng tắc âm, tùu hỏa tắc tuyệt.

有 違 此 言 天 地 日 月

Hữu vi thử ngôn, thiên địa nhật nguyệt.

Thích nghĩa. — *Rượu bù thời uổng, rượu còn thời
thôi, ai trái nhời ấy, giờ đất xét soi.*

Trong hai bài thơ ấy thời chí mõi ông một khác. Sau quả nhiên nhà Mạc mất nước, nhà Nguyễn lên làm vua, có cho gọi cả hai ông ra làm quan, ông Uông ra, làm đến Hộ-bộ thượng-thư, được phong làm phúc-thần, mà ông Chấn thì từ chối, không chịu ra, trốn vào rừng núi ở Cứ xem như hai bài thơ ấy, thì biết chí hai ông đã định từ trước.

31. — NGUYỄN-TOÀN-AN

Ông Nguyễn-Toàn-An là người ở làng Thời-cử, huyện Đường-an tỉnh Hưng-yên. Khi ông 18 tuổi phải ra lính, giữ về việc chăn ngựa cho nhà vua. Lúc bấy giờ gập tiết trung-thu, mà giáng sao không có, tối như đêm ba mươi. Vua Nhân-tôn lấy cảnh ấy, ra thơ để các quan làm, các quan hết thảy đều chưa làm xong, thì ông Toàn-An đã quỳ dâng thơ lên trước, vua xem vỗ tay cười và nói rằng:

Thằng lính cũng biết làm thơ ư? dám đánh trống qua cửa nhà sấm. Bài thơ ấy có hai câu kết như sau này :

莫覩今朝閒是月
Mạc đồ kim chiêu nhàn thi Nguyệt
來秋望月月彌高
Lai thu vọng Nguyệt Nguyệt di cao.

Thích nghĩa. — *Chó thấy hôm nay mà không có
giáng, đến mùa thu sang năm trong thây giáng, giáng
lại cao.*

Vua xem bài câu kết bài thơ ấy, biết chí tượng ông Toàn-An thật là thanh cao, giọng văn thật là rộng rãi có nhẽ làm nên được một bậc thượng-lưu. Vua liền tha

cho không bắt đi lính nữa.

Ông Toàn-An trở về tìm thầy đi học Khi ông 21 tuổi ra thi hương đỗ thủ-khoa; sau thi hội đỗ Bảng-nhờn, về vinh-quy không được bao lâu, thì cụ thân-sinh ra ông mắc bệnh lia trán. Bấy giờ luật phép triều-dịnh đặt ra rất là nghiêm nhặt, nếu các quan ai có tang cha mẹ, mà vợ có thai là bị cách hết cả, cho nên trong ba năm, ông không dám đi lại với đàn-bà, đến nỗi về sau ông chết không có con. Vua nghe thấy lấy làm thương xót, lập tức hạ lệnh bỏ hẳn luật ấy.

32. — TRỊNH-THIẾT-TRÀNG

Làng Đông-lý phủ An định, có một người tên là Trịnh thiết-Tràng. Khi còn nhỏ, thường cùng với 5, 6 đứa trẻ con chơi nghịch, lấy đất nặn voi, bắt hai con bướm làm hai tai, con dìa làm vòi, bốn con cua làm chân, trông như voi thật chợt có quan Phủ đi qua thấy làm lạ, liền ra cho ông ta một câu đối rắng:

童 子 五 六 人 無 如 尔 巧

Đồng tử ngũ lục nhân, vô như nhỉ xảo?

Thích nghĩa = Năm sáu đứa trẻ con chơi, không đứa nào khéo bằng mày.

Ông Thiết-Tràng hỏi rắng:

— Tôi dám hỏi ông, ông là người thế nào, mà dám ra câu đối cho tôi. Quan Phủ nói:

— Tao là Quan phủ ở phủ An-dịnh. Ông Thiết-Tràng liền đối rắng:

太 宅 二 千 石 莫 若 公

Thái-thú nhỉ thiên thạch, mạc nay ược công

Thích nghĩa = Quan thái-thú (Quan phủ) hai nghìn hộc lương, không ai bằng ông. . . .

Quan phủ hỏi: sao mày đổi thiếu một chữ. Ông nói rằng:

— Vâng, còn chữ nữa, nhưng ông thường cho đã, rồi tôi sẽ đổi, quan phủ bảo, mày cứ đổi, rồi tao sẽ thưởng. Ông Thiết-Tràng đổi rằng:

— « *Thál-thú nhị thiên thạch, mạc nhược công tham* », (Sách có chữ liền « mạc nhược công tham, » nhưng ông Thiết-Tràng, không dám đổi ngay, vì sợ chạm ý ông Phủ, hóa cho nên bỏ thiếu một chữ.)

Sau quan Phủ thường cho ông hai quan tiền, ông lại bỏ chữ « tham » đi làm chữ « liêm »; thành ra: « *Thái-thú nhị thiên thạch, mạc nhược công liêm*. » Quan Phủ thấy là người ứng đối tài giỏi như thế, liền sai gọi mẹ ông ta ra bảo rằng:

— Con bà có tài giỏi, chắc thế nào sau cũng làm nên, vậy bà cố cho nó đi học.

Bà mẹ xin vâng, từ đấy quyết chí nuôi cho con ăn đi học.

Khi ông Thiết-tràng 20 tuổi, học rộng tài cao. Năm 21 tuổi ông thi đỗ Tiến-sĩ, về nhà đón mẹ vào kinh, mẹ không chịu đi, bảo rằng:

— Tao mong mày làm được hai chữ Trạng-nguyên đem về, nay mày còn kém người ta thì mày cứ đi, nhất định tao không đi.

Ông Thiết-Tràng làm sớ tâu, xin từ quan, lại về đi học, để chờ khoa sau. Quả nhiên đến khoa sau, ông thi đỗ Bảng-nhờn. Sau ông cùng với ông Trạng-nguyên tên là Nguyễn-Trực, người huyện Thanh-oai tỉnh Hà-dông, sang sứ Tàu. Sang đến nơi lại gặp nước Tàu cũng mở khoa thi. Vua Tàu cho cả sứ các nước và các ông cử-nhân nước Tàu cùng thi.

Ông Thiết-Tràng cùng ông Nguyễn-Trực, làm bài viết gần xong, ông Thiết-Tràng bảo ông Trực rằng :

Phen này cướp được cờ biển nước Tàu, chỉ có tôi và quan báu mà thôi, tôi xem rọng văn tôi, thật như là rồng bay phượng múa, nước Tàu chưa dễ mấy người bằng tôi, nhưng tôi thiết nghĩ rằng ; ở nước ta báu đỗ Trạng-nghuyên, tôi đỗ Bảng-nhỡn, nhưng sang đây chắc tôi đỗ cao hơn báu, nếu thế thì vua taắt phải mang tiếng, là kén chọn người tài không được công minh, quan báu nghĩ thế nào ?

Ông Nguyễn-Trực đáp :

Báu đã có lòng nhường tôi và sợ mang tiếng cho nước, thì báu nên bớt súc làm văn đi, cho tôi lại đỗ trạng-nghuyên, mà báu lại bảng-nhỡn, thì mới là phải.

Ông Thiết-Tràng làm văn có câu :

南之舟北之馬

Nam chi chu bắc chi mã.

Thích nghĩa = Cái thuyền ở phương Nam, con ngựa ở phương Bắc (NƯỚC TÀU)

Chữ mã 4 chấm, nhưng ông chỉ viết có 3 chấm mà thôi, đến khi quan chủ khảo Tàu chấm văn, thấy văn ông Thiết-Tràng đáng đỗ được trạng-nghuyên, mà văn ông Nguyễn-Trực, thì chỉ đáng đỗ bảng-nhỡn thôi, song vì ông Thiết-Tràng viết chữ mã mất một chấm, ấy là bảo ngựa nước Tàu có ba chân và lại có ý kiêu ngạo khinh bỉ người Tàu, hóa cho nên vua Tàu đem lòng ghen ghét, liền cho ông Trực làm lưỡng-quốc trạng-nghuyên mà ông Tràng thì làm lưỡng-quốc bảng-nhỡn.

Sau vua Tàu đều ban thưởng cho hai ông, nào là mũ áo, hốt vàng, đai bạc, xe xe ngựa ngựa dề về vinh quy. Con ngựa ban cho ông Tràng, chỉ để có ba chân, còn một chân buộc chặt lại. Vua Tàu bảo ông Tràng rằng :

Dắt ngựa đi được, thời cho về nước, nếu ngựa không
đi được, thì phải ở bên này.

Ông Tràng liền nghĩ ra một kế, bảo thầy-tờ děo một
miếng gỗ, dỗng như chân ngựa, lấy giây buộc vào
lại lấy mực bôi đen di, dắt con ngựa què đứng giây,
cưỡi lên đánh luôn mấy cái, con ngựa ấy tuy 3 chân,
nhưng nhò có một chân gỗ đỡ và bị đánh đau quá,
nên cố chạy đi được ngay, không hề ngã nữa. đi được
hơn một dặm đường, vua Tần khen ông là người có
mưu tài, ứng biến rất nhanh, lập tức đổi cho con ngựa
khác, bài ông cùng về vinh-quy. Khi về đến nước hai
ông cùng làm đến lại-bộ-thượng-thư.

33. — YẾT-KIÊU

Làng Hạ-bì thuộc về huyện Gia-phúc, có người ên
là Yết-Kiêu, ông là người tài lội sông bể bắt cá.

Một hôm ông đi ra bể, thấy ở trên bãi bể có hai
con trâu đang húc nhau, lấy đòn ống đuỗi đánh, trâu
chạy xuống bể rồi biến mất. Ông thấy ở cái đòn ống
có cái lồng trâu dính vào, cái lồng ấy thực là một
vật quý, ông cầm lấy nuốt ngay. Từ bấy giờ giờ đi
ông có sức khỏe hơn cả trong thiên-hạ, không ai
địch nài, lội xuống bể bắt cá, đi nhanh như chớp,
nhiều khi lặn xuống bể bắt cá, đến 6, 7 ngày mới lên.

Thời bấy giờ có quân nhà Minh, mang sang hơn
100 chiếc tàu chiến, sang làm loạn ở nước ta, quân
Tần đóng ở cửa bể Vạn-ninh. Vua nhà Lê có ý lo sợ,
xuống tờ chiếu bảo trong thiên-hạ, có ai đánh được
quân Tần ta sẽ phong cho quyền cao chức trọng
Yết-Kiêu thấy chiếu liền đến quỳ gối tàu rắng:

Muôn tàu Bé-hạ, chúng tôi đều là người tài hèn
sức yếu, xin quyết ra công cùng quân Tần chông cự,

vua liền phong cho làm Đô-thống, khi đem quân ra giao chiến với quân nhà Minh đóng ở đất Vạn-ninh, một mình lặn xuống đáy bè, nấp ở dưới tàu quân Minh. Lấy dùi sắt đục thủng tàu ra, tàu quân Minh bị nước chảy vào, đắm mất hơn 20 chiếc, quân Tàu lo sợ không biết thế nào, lập tức lấy ống thủy-tinh chiếu xuống nước, đứng dòm thấy rõ một người, đương đứng đục tàu. Quân Tàu liền lấy vỏ băng sắt buông xuống, bắt được Yết-Kiêu lôi lên, đem tra khảo hỏi rằng:

Nước mày người tài lặn như mày được bao nhiêu người?

Ông Yết-Kiêu khoác lác thưa rằng:

Những người mà có tài, lặn được hơn 10 ngày, không cần phải ăn uống gì, và đục tàu đáy bè thì không kẽ, còn như hạng tôi, thì 100 chiếc tàu chiến của ông chở cũng không hết. Nếu bây giờ mà các ông tha tôi, tôi xin chỉ dẫn những chỗ người nước tôi đương nấp để đục tàu. Quân nhà Minh tưởng thật tha cho ông, nhưng bắt ông cùng ngồi với 10 người lính chở thuyền, ra bè dò tìm, ông thấy quân Tàu đương lúc vỏ ý, lập tức lặn xuống bè trốn đi ngay, quân Tàu ngơ ngác trong nhau. Bấy giờ bè của quân Minh bị đắm mất nhiều, lại nghe thấy Yết-Kiêu nói những người tài lặn giỏi còn nhiều, đành phải quay tàu rút quân về nước, không dám quấy nhiễu nước ta nữa. Vua Lê lấy làm khen ngợi, phong cho Yết-Kiêu làm Đại-vương và xuống chiếu nói rằng:

Những lợi том cá ở các cửa sông, cửa bè, chỉ để riêng lợi quyền cho các người nhà Yết-Kiêu thôi.

Sau khi ông Yết-Kiêu chết, vua cho xây miếu thờ ở cửa bè Vạn-ninh, bắt dân ở đấy phụng thờ, năm nào cũng có một lần quốc tế. Vua phong cho làm thượng-đẳng-phúc-thần, khắp cả bến sông, bến bè đều có đèn thờ ông Yết-Kiêu cả.

34. — THÁI-THÚ DIỄN-CHÂU.

Quan Thái-thú là người La-sơn, lấy con gái họ Dương đã sinh nở được sáu bầy bạn mà không nuôi được bạn nào. Đến khi đi tri-phủ Diễn-châu, vợ lại có thai đã được bầy tám tháng.

Có một hôm ông nằm chiêm bao thấy thần bảo rằng:
Sáng mai tao sẽ cho mày một cái lưỡi tầm sét, tháng sau thì vợ mày sinh con gai, mày nên lấy cái lưỡi tầm sét ấy, làm hai cái vòng chân cho nó. Đến sáng mai thức dậy, quả nhiên bắt được cái lưỡi tầm sét. Tháng sau vợ ông sinh được một đứa con gai, gọi thợ làm một đôi vòng chân. Thằng bé khi nhón lên năm sáu tuổi, thông minh khác thường. Ông bố đặt tên cho là Kim-Tích.

Đến năm mươi bảy tuổi, đi thi đỗ cử-nhân, có một hôm Kim-Tích nói với bố mẹ rằng: tuổi con nay đã nhón và lại đỗ cử-nhân, còn có sự luân hồi tiền kiếp gì nữa, mà còn cùi deo vòng māi, như một người tù đày cho thiên hạ chê cười, ông bố nghe nói cũng có nhẽ phải, cho tháo vòng ra, tự nhiên Kim-Tích ngã lăn ra đất mà chết, ông bố lấy làm thương tiếc vô cùng, vì thế bắt cả nhà đẻ tang.

Đây lại nói lúc Kim-Tích hãi còn sống, bên láng riêng có một người con gái bán cau, thường thường đi lại rất quen. Có một ngày bố anh Kim-Tích đi qua nhà cô con gái ấy, cô ta thấy ông bố Kim-Tích ăn mặc đồ tang, lấy làm lạ hỏi rằng:

— Ông đẻ tang ai thế?

— Ông đáp rằng:

Thằng Kim-Tích nhà tôi nó chết đã ba tháng nay, cô không biết ư?

Người con gái nói:

— Mời ngày hôm kia tôi hãy còn thấy cậu ta ngồi ở nhà tôi chơi, làm sao mà ông lại nói lạ thế?

Cậu ấy bây giờ đã có xe ngựa, đầy-tớ, khác hẳn với nay trước, hình như một ông quan to.

Ông bố anh Kim-Tích lấy làm lạ. Người con gái nói rằng :

Độ hai ngày nữa, buổi sáng ông sẽ lại chơi nhà tôi, ông cứ nấp ở đấy mà xem thì tự khắc thấy.

Sau cách hai ngày ông lại ăn ở nhà người con gái ấy ; vào quãng độ quá canh một, thì thấy anh Kim-Tích lại ngồi ở đấy thật. Người con gái nói, có quan phủ đến đây đợi ông từ sáng đến giờ. Kim-Tích trông thấy bỗ, chỏ vào mặt mà mắng to lên rằng :

Mày giam hãm tao mười bảy năm ở trên trần thế, tao giận không muốn chém mày thì chờ, mày còn mặt mũi nào mà còn nhận cha con với tao (!) Nói xong thì biến mất. Ông bố tức giận về đốt hết cả đồ tang, không còn có lòng thương tiếc gì nữa.

35 -- NGÔ-TUẤN-CUNG

Làng Kiên-lão huyện Giao-thủy, có một người tên là Ngô-tuấn-Cung, lúc bé có tiếng là thằn-đồng. Đến năm hai mươi mốt tuổi thì đỗ khôi-nguyên, văn hay có tiếng ở kinh thành ; lại có một người ở huyện Thanh-oai, tên là Tuấn-Dị năm mươi tam tuổi đã đỗ Tiến-sĩ vì thế trẻ con, người nhơn ở chốn kinh thành thường bay hát rằng : « Tuấn-Cung, Tuấn-Dị, thiên hạ vô nhị »

Thích nghĩa = Trong thiên hạ chỉ ông Tuấn-Cung và ông Tuấn-Dị là hay chử nhất, chỉ có hai người.

Nói truyện khi trước ông Tuấn-Cung vào kinh thi ở trọ phố Đồng-xuân, bên láng giềng có một người con gái là con ông Chi-Thanh, người ở tỉnh Lạng-giang nghe thấy tiếng ông Tuấn-Cung là người hay chử, có ý bằng lòng, hai bên gai tài gái sắc, không còn có sự kiêng sợ gì nữa, nguyên non thè bè, hai bên thư

từ đi lại luôn luôn. Sau cùng nhau tư thông, người con gái ấy có mang để được một đứa con gai.

Đến năm sau ông Tuấn-Cung lại lấy một người vợ nữa, ở làng Quán-quáu. Từ đấy ông đem lòng cờ mới nới cũ mà không nhận mẹ con người vợ trước nữa. Người vợ trước, nếu đến nhà chồng thời bị bố mẹ chồng đánh mắng, ra ngoài thời làng xóm chê cười, tự lấy làm uất ức, hai mẹ con gieo mình xuống sông Nhị-hà mà tự tử. Năm ấy có khoa thi hội, ông Tuấn-Cung vào thi, văn đáng đỗ đầu, nhưng bấy giờ, có quan chủ khảo là ông Nguyễn-Hiếu, nguyên tối hôm trước lúc ông đương ngủ mơ màng, thấy một người đàn bà bế một đứa con đến thura rằng :

Xin quan lớn xét kỹ cho, anh Tuấn-Cung người làng Kiên-lão, là một người bạc hạnh, nó giết cả hai mẹ con tôi, nếu quan lợ lấy nó đỗ đầu, thời người sau làm ác không có thể trừng-trị được.

Sau ông Nguyễn-Hiếu chợt giật mình tỉnh dậy, rất lấy làm kỳ dị. Đến hôm sau Tuấn-Cung vừa viết quyển xong, thì tự nhiên thấy mực đồ đầy vào, không trông rõ chữ gì cả. Thế là khoa ấy Tuấn-Cung thi hỏng.

36. — PHAN-ĐÌNH-TÁ

Phan-đinh-Tá là người làng Phù-lưu, tỉnh Bắc-ninh, đỗ Hoàng-giáp, niên hiệu vua Cảnh-thống. Ông trải thờ bốn vua, làm đến thượng-thư.

Trong Kinh lúc bấy giờ có người Mạc dǎng-Dung, muốn bách vua Cung-đế để truyền ngôi mình làm; Mạc-dǎng-Dung lấy vàng 100 lạng, đem đút lót cho ông Đinh-Tá và cùng với ông Hoàng-Tân mật làm tờ chiếu bỏ vua Cung-đế đi.

Mạc-dǎng-Dung sau lên làm vua, lấy ông Đinh-Tá làm tướng, quan đến nhất phẩm, khi đi đến đâu cũng

bắt đầu từ mang một cái biền đi trước, biền để bốn chữ: Lưỡng triều tề-tướng quan tề-tướng hai đời vua).

Khi bấy giờ có một ông đồ nhà nho; dậy lũ trẻ học, làm một cái diều, ở trên cái diều viết bốn chữ: « Th ên cở tội nhân » (người có tội muôn đời) khi gặp ông Đinh-Tá đi đâu, thì bắt học-trò mang cái diều ấy đi theo sau.

Sau ông Đinh-Tá chết, vua Diêm-vương tâu lên đức Thượng-dế cho làm kiếp ngựa. Ông Đinh-Tá tự nghĩ mình làm kiếp ngựa, bị người ta cưỡi đánh nhục lầm, nhưng lười giời khó tránh, lại tự xin làm đứa ăn mày, vua Diêm-vương cũng cho.

Sau có một ông cụ già ở làng Phù-lưu đi buôn cau qua kinh, đóng thuyền ở bến Chương-dương trông thấy có một người áo khăn lam lũ, đến thuyền xin đồ ăn và hỏi rằng

— Ông có phải là người làng Phù-lưu không?

Ông già lấy làm lạ hỏi, người ăn mày thưa rằng:

— Nguyên tôi với ông là người cùng làng, tên tôi là Phan-đinh-Tá.

Ông già nói:

— Tôi nghe thấy nói trước ông làm quan to bấy giờ làm sao ông khổ sở như thế? Người ăn mày chầy nước mắt khóc và nói:

— Nguyên trước tôi làm thượng thư, đến khi tôi chết, trên thiền-dinh khép tôi vào tôi phản nhà Lê theo nhà Mạc, giáng sinh tôi làm kiếp ăn mày. Bây giờ may gặp ông là người làng ở đây, xia ông cho tôi một bữa ăn. Ông già nghe rõ tiếng nói và binh giọng, nhận ra quả nhiên là ông Phan-đinh-Tá cho một đấu gạo, một quan tiền. Người ăn mày bái tạ rồi đi,

37. — MẠC-ĐĨNH-CHI

Ông Mạc-đĩnh-Chi giòng rői chính là người Tầu. Nguyên có một chi sang ở làng Lũng-đỗng huyện Chi-linh tỉnh Hải-dương là ông Mạc-hiền-Tich.

Tục truyền ở làng Lũng-đỗng có một khu rừng rậm, cây cối um tùm, thường có một con hầu-tinh rất rữ tợn, không ai dám bén bảng đến đấy.

Có một ngày vợ ông Mạc-hiền-Tich đi kiếm củi ở rừng ấy chẳng may gặp con hầu-tinh- ra hiếp. Bà ta về nói truyện với chồng, ông chồng cái giạng nũ-trang, giả cách làm người tiểu-phụ, lưng đeo một con dao thật sắc, lại ra chỗ rừng ấy kiếm củi; con hầu lại quen thói cũ ra, ông vội vàng rút dao chém một nhát, con hầu chết tươi.

Đến sáng hôm sau ra xem, thì thấy mồi dùn lên lấp cả thân con hầu, chỉ còn hở có một cái chân. Ông Tich lấy làm lạ, vợ ông liền thụ thai, được mười bốn tháng thì sinh ra ông Mạc-đĩnh-Chi.

Hình thù ông Mạc-đĩnh-Chi loắt choắt, mà lại xấu xa, nhân lại sinh đúng năm thân, ngày thân, tháng thân, giờ thân (*theo thập nhị chi thi thân là con hầu*) nên lại càng tin là hầu-tinh giáng thể.

Ông Mạc-đĩnh-Chi đầy năm thì ông cụ mất. Khi ông cụ mất có di chúc lại chôn ở bên cạnh mà con hầu. Bà cụ nghèo đói, túng bẩn, tần tảo nuôi con, mà ông Mạc-đĩnh-Chi lại hay yếu đau, thuốc men không mấy ngày nghỉ, nhưng nhờ có môn-sinh ông cụ hết lòng giúp đỡ và tư cấp cho luôn luôn, nên cũng được no đủ. Chẳng bao lâu, ông Mạc-đĩnh-Chi đã lên sáu tuổi, tư chất hơn người, tính lại chăm học. Bấy giờ có hoàng-tử nhà Trần là Chiêu-quốc-công tên là Ich-Tắc, mở trường dạy học ở làng bên cạnh, ông Đĩnh-Chi xin vào nhập môn, bà mẹ thấy con còn ít tuổi, mà lại có chí, cũng ưng thuận vui mừng cho con đi.

Khi đi học, anh em học trò, ai trong thấy ít tuổi và xấu xí, cũng điều khinh bỉ, chỉ duy có Chiêu-quốc-công

biết là người phi thường, muốn nuôi cho ăn đi học, nhưng ông cứ sáng đi chiều về, vì còn có mẹ già ở nhà; ông thật là người có hiếu.

Sau ông Chiêu-quốc-Công biết ông là người buồn rầu, lo nghĩ luôn luôn, vậy có bảo với ông, để rước cả bà cụ đến nuôi một thê, từ bấy giờ ông mẩy yên lòng học tập, học một biết mười, văn chương lừng lẫy khắp trong thiên hạ, ai cũng cho là thần-dồng.

Ngày qua tháng lại, vật đổi sao dời, ông đã mười lăm tuổi, bắt đầu ra ứng thí, kỳ nào cũng đỗ đầu.

Đến năm Giáp-thìn vua Anh-Tôn nhà Trần, mở khoa thi Hội, ông đỗ Hội-nghuyên, khi vào thi Đinh, vua thấy tướng mạo xấu xí, không muốn cho đỗ trạng-nghuyên, ông biết ý, làm bài phú «*ngọc tinh liên*» (玉井蓮) nghĩa là: *cây sen trong giềng ngọc, tinh hèn nhưng mà rất quý*. Vua xem xong, khen là thiên tài, mời cho đỗ trạng-nghuyên, ban cờ biền mũ áo cho về vinh-quy.

Trạng về làm lễ bái tồ và bái môn song, Chiêu-quốc-Công sai mở tiệc ăn mừng, rồi cho trạng kết duyên với Lý-quận-Chúa.

Được gần hai tháng có chỉ vua vời trạng ra làm quan. Trạng bèn bái từ ông bà Chiêu-quốc-Công, rồi đem mẹ và vợ lai Kinh.

Niên hiệu Đại-khánh đời vua Trần-minh-Tôn, vua Tầu sai sứ sang phong vương, vua bắt trạng phải sang tạ ơn và tiến cống. Khi khởi hành, đã có thông báo cho quan Tầu mở cửa quan nghênh tiếp, nhưng chẳng may gặp phải mưa to gió nhón, thành ra sai hẹn, mãi hai ngày hôm sau mới đến, quan coi cửa ải, đóng cửa không cho vào. Trạng nói tử tế và khẩn cầu hai ba lượt, quan Tầu mới ra một câu đối tự trên cửa ải ném xuống rằng:

過 開 遷 開 開 閉 願 過 客 過 開

Quá quan tri, quan q an bế, nguyện quá khách quá quan.

Thích nghĩa = Đèn cửa ái châm, người coi ái đóng,
xin mời quá khâ-h cứ qua ái mà đi.

Trạng đối rằng:

出 對 易 對 對 難 請 先 生 先 對

Xuất đối dị, đổi đổi na n, thỉnh tiên-sinh tiên đổi.

Thích nghĩa = Người ra đổi thì dễ, người đổi lại
thì khó, xin tiên-sinh thử đổi trước x m.

Người nước Tàu phục trang là người tài nhanh, lập
tức mở cửa ái cho vào.

Người Tàu thấy ông là người ti-tiều lấy làm khinh
bỉ. Có một ngày kia quan Tề-tướng Tàu mời ông vào
chơi tướng-phủ. Hai người cùng ngồi, thấy ở tường có
treo một bức trường, vẽ con chim sẻ đậu trên cành
trúc, lối vẽ thần tình, hình như chim thật, ông đứng
đây toan bắt lấy, người Tàu đều cười ầm cả lên, ông
vội vàng xé hẳn cả bức trường, ai cũng lấy làm lạ hỏi:
«cô làm sao?» Ông thông thả đáp lại rằng.

Tôi thường nghe nói người ta vẽ chim sẻ đậu cành
mai, chứ không thấy chim sẻ đậu cành trúc bao giờ,
vì chim sẻ là giống tiều-nhân mà cây trúc là người
quân-tử. Bây giờ quan Thừa-tướng thêu chim sẻ đậu
cành trúc thì ra tiều-nhân đứng trên quân-tử hay sao?
Tôi e dạo đưa tiều-nhân một ngày một nhởn, mà
đạo người quân-tử mỗi ngày một suy nêñ vì thánh-
triều mà trừ bỏ di.

Kịp đến lúc tiến triều, ông vào bệ kiến vua, gặp ngay
lúc có sứ Cao-ly cùng vào, vua bắt cả sứ hai nước
lâm bài minh cái quạt của người ngoại quốc mới dâng.

Sứ Cao-ly làm xong trước viết luôn rằng:

蘊 隆 重 重 伊 尹 公

Uân long trùng trùng, Y-Doãn Chu-Công,

冬 寒 濟 婆 伯 夷 叔 齊

Đông hàn thê thê, Bá-Di Thúc-Tề.

Thích nghĩa. — Khi giờ nóng bức, thì làm ông Y-Doãn, ông Chu-Công, khi mùa đông rét muốt, thì làm ông Bá-Di, ông Thúc-Tề.

Ý là nói cái quạt, khi nóng bức ai cũng phải dùng, cũng như ông Y ông Chu đặc dụng ở đời Thương, Chu. Đến mùa rét thì quạt bỏ đi một xó, không ai dùng nữa, cũng như ông Di, ông Tề chết đói ở núi Thủ dương không ai biết đến.

Trạng chưa biết nghĩ làm ra thế nào, trông thấy quản bút sứ Cao-ly viết thì biết ngay, ông lại theo ý ấy và lại suy diễn thêm ra rắn :

流 金 鐸 石 天 地 為 爐

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lò,

爾 於 斯 辰 分 伊 周 巨 儒

Nhĩ u tư thời hè, Y. Chu cự nho.

比 風 其 凉 雨 雪 載 途

Bá phong kỳ lương vũ tuyết tái đồ,

爾 於 斯 辰 分 夷 齊 餓 夫

Nhĩ u tư thời hè Gi, Tề ngã phu.

憲 用 之 則 行 舍 之 則 藏

Y dung chi tắc hành, sà chi tắc tàng

惟 我 與 爾 有 是 夫

Duy ngã dù nhĩ hữu thi phu.

Thích nghĩa = Nóng chảy vàng, chảy đá ra, giờ đất làm lò, mày ở úc bấy giờ, như ông Y, ông Chu là bậc cự nho; gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết dày dương, mày ở lúc bấy giờ giòng như ông Gi, ông Tề là người chết đói. Ôi ! dùng thời ấm bỏ thời cắt đi, chỉ có ta với mày mà thôi.

Tám câu trên thì cũng như ý của sứ Cao-ly, nhưng từ chữ (y) (意) giờ xuống thì lại nói thêm cái quạt súc bỏ lúc dùng, đều tùy thời thích hợp. Câu cuối cùng thì vì mình với cái quạt, có ý cao kiến và rộng rãi hơn bài cũ sứ Cao-ly, chỉ tả nguyên có cái quạt, mà thôi. Vua xem xong, phê khuyên chữ (y) (意) và phong cho làm (*Lưỡng quốc Trạng-nguyên* 两 國 狀 元). Trạng từ đây tiếng tăm lừng lẫy, đồn khắp cả hai nước.

Một hôm trạng cưỡi lừa đi chơi, chạm vào ngựa của quan Tầu, quan Tầu lấy làm tức, ra câu đùi rằng :

觸我騎馬東夷之人也西夷之人也
Súc ngã kỵ mā, Đông gi chi nhán dā Tây gi chi nhán dā
Trạng đùi nay rằng :

退予乘驥南方之強歟北方之強歟
Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương
chi cường dư.

Thích nghĩa = *Chạm vào con ngựa cưỡi của ta, là người dợ phương Đông hay là người dợ phương Tây?* Đối với : *Cản ngăn con lừa cưỡi của ta, là kẻ sức mạnh phương Nam hay là kẻ sức mạnh phương Bắc?*

Lại thường có khi cùng với người Tầu đối đáp. Người Tầu ra rằng :

杞已木杯不木如何以杞爲杯
Kỷ dĩ mộc, bối bài mộc, như hà dĩ kỷ vi bối
Ông đùi rằng :

僧魯人佛弗入云胡以僧事佛
Tăng tăng nhán, phật phật nhán, vân hò dĩ tăng sự
phật.

Thích nghĩa = *Chữ kỷ là gỗ kỷ thì có chữ dĩ với chữ mộc; chữ bối là chén thì có chữ bài với chữ mộc; làm sao lại lấy gỗ kỷ làm chén.* Đối với: *Chữ tăng là ôn sự thì có chữ tăng với chữ nhán, chữ phật là ông*

bút thì có chữ phải với chữ nhân, làm sao lại chuỗng
đông sự đè cúng ông bút.

Người Tầu ra câu đối rằng:

安女去以豕爲家

An nǚ khú, gī thi vi gia

Trạng đối với:

囚人出八王成国

Tù nhân xuất, nhập vương thành quốc.

Thích nghĩa = Chữ an (安) bỏ chữ nǚ (女) đi, lấy
chữ thi (豕) vào thì thành chữ gia (家). Đối với: Chữ
tù (囚) bỏ chữ nhân (人) ra, đem chữ vương (王)
vào thì thành chữ quốc (國).

Người Tầu phê rằng: con cháu về sau tất có người
cướp nước, nhưng hiềm chữ quốc viết đơn, thì chắc
không được lâu dài.

Người Tầu ra câu đối rằng:

日火雲烟白旦燒殘玉兔

Nhật hỏa vân yên, bạch đán thiêu tàn ngọc thỏ.

Trạng đối rằng:

月弓星碑黃弓射落金烏

Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xa lạc kim-đồ.

Thích nghĩa = Mặt giờ là lửa cháy, đám mây là
khói bay, lúc sáng sớm đốt tàn con thỏ ngọc (mặt giáng)
Đối với: Mặt giáng làm cái cung, ngôi sao làm viên
đạn, lúc chiều hôm vẫn đợi con quạ vàng (mặt giờ).

Người Tầu phê rằng: con cháu đời sau tất có người
làm vua.

Người Tầu ra câu đối rằng:

魍魎魍魎四小鬼

Ly vi vong lưỡng tử tiều quý.

Trạng đối rằng:

琴瑟琵琶八大王

Cầm sất tỳ bà bát đại vương

Thích nghĩa = Quỷ ly, quỷ vị, quỷ vông, quỷ lưỡng là bốn thằng quỷ nhỏ. Trong bốn chữ: ly, vị, vông lưỡng; có bốn chữ quỷ) đối với: Đàn cầm, đàn sất, đàn tỳ, đàn bà, là tám vị vua to. (Trong bốn chữ: cầm, sất, tỳ, bà; đều có tám chữ vương).

Câu ra là ý người Tàu chê trạng xấu như quỷ, mà câu đối lại là ý trạng khoe mình chẳng hèn đâu.

Người Tàu phê rằng: khi chết được làm huyết thực thần mà con cháu sẽ được làm vua đến tám đời.

Người Tàu ra câu đối rằng:

默咅牆頭談魯論知之爲知之

Quých khiêu tường đầu đàm Lỗ-luân, tri chi vi tri chi,

不知爲不知是知

bǎi! tri vi bāt tri, thí tri.

Trạng đối với:

蠅鳴池上讀鄒書樂與少樂樂

Ôa minh tri thương đọc Châu-thư, lạc dù thiều lạc nhạc

樂與眾樂樂熟樂

lạc dù chúng lạc nhạc, thực lạc.

Thích nghĩa = Con chim quých đỗ đâu tưống đọc sách Lỗ-luân, biết thì bảo là biết, chẳng biết thì bảo là chẳng biết, ấy là biết đó. Đối với: Con ếch ngồi ở bờ ao, đọc sách Châu-thư, cùng ít người vui nhạc cùng nhiều người vui nhạc, đặng nào vui hơn.

Câu ra là ý người Tàu chê người Annam nói ríu rít như tiếng chim, mà câu đối lại là ý trạng cho người Tàu tiếng nói như tiếng ếch.

Người tào ra câu đối rằng:

洛水神龜單應兆天數九地
Lạc-thủy thần qui đan ứng triệu, thiên số cửu, địa
數九九八十一數數混
số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hồn thành
成三大道道合元始天尊一
tam đại đạo, đạo hợp Nguyên-thủy-thiên-tôn, nhất
誠有感
thành hữu cảm.

Trạng đối rằng:

岐山鳴鳳兩呈祥雉聲六雌
Kỳ-sơn minh phượng lưỡng trình tường, hùng thanh
聲六六六三十六聲聲聲鳴
lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh
徹九重天天錫嘉靖皇帝萬
thanh minh chiết cửu trùng thiên, thiên tịch Gia-tinh
壽無疆
hoàng đế vạn thọ vô cương.

Thích nghĩa = Con rùa ở sông Lạc-thủy ứng vào triều lẻ, số giờ chín, số đất chín, chín lân chín là 81 số, số ấy số khác hồn thành ba đạo nhơn, đạo hợp đức Nguyên-thủy-thiên-tôn, một bụng thực có cảm.

Đối với :

Con phượng kêu ở núi Kỳ-sơn ứng vào điểm chẵn, tiếng con đực sáu, tiếng con cái sáu, sáu lân sáu là 36 tiếng, tiếng ấy tiếng khác thấu suốt chín tầng giờ, giờ cho đức Gia-khanh hoàng đế muôn tuồi thọ không cùng.

Ông thật là người đối đáp xuất khầu thành chương, không có chịu khuất tí nào cả. Lại có một khi Cung-phi ở nước Tàu chết đến khi tể, vua sai ông đọc chúc. khi cầm đến bản chúc mở ra đọc, thì chỉ thấy có bốn chữ nhất — ông liền tự ý mình đọc luôn rằng:

青 天 一 朵 雲 紅 爐 一 點 雪

Thanh thiên nhât đóa vân, hồng lò nhât điểm tuyệt.

上 宛 一 枝 花 廣 寒 一 片 月

*Thượng-uyên nhât chi hoa. Quảng-hàn nhât phiến
nguyệt.*

嗚 呼 雲 散 雪 消 花 残 月 缺

Ô-hô, vân tán tuyệt tiêu, hoa tàn nguyệt khuyết

Thích nghĩa = *Giời xanh một đám mây, lò đỏ một giọt tuyết, một cành hoa vườn Thượng-uyên, một vầng giảng cung Quảng-hàn. Than ôi ! Mây tán tuyệt tiêu, hoa tàn, giảng khuyết.*

Ông đọc xong các quan Tần đều lấy làm kinh sợ. Bài văn tế này có chép ở sử tàu. Ai cũng ngờ ông là dòng dõi ông Lý-thái-Bạch ngày xưa.

Khi ông ở nước Tần, các quan Tần ai cũng khen ông là bức thông minh tài giỏi, như xét ra thì không có tướng gì là người đáng quý cả ; sau có người dò thấy ông di đại tiện vuông mới rõ là cái ăn tướng ông ở đấy.

Người Tần hay mở cuộc đánh đố chữ. Một hôm có người ra bài rǎng :

一 面 两 肩 *Nhất diện lưỡng my*

一 瘦 一 肥 *Nhất sầu nhất phì*

一 年 一 月 *Nhất niên nhất nguyệt*

一 日 二 期 *Nhất nhật nhị kỳ.*

Thích nghĩa = *Một cái mặt có đôi lông mày, một cái béo một cái gầy, một năm có một tháng, một ngày có hai kỳ.*

Trạng đoán là chữ (bát 八) vì bình chữ bát tựa hai hàng lông mày, một nét nhơn một nét nhở, mỗi năm chỉ có một tháng mà mỗi ngày hai bữa ăn phải có bát. Người tàu khen là người tài.

Khi ông ở Tàu về, có một ông quan tàu, cũng theo ông về đi xem các phần mộ nhà ông, thì k ông có ngôi nào là quý cách cả, sau đi đến ngôi mộ ông cụ thân-sinh ra ông, xem ra thì thật là một ngôi mộ rất quý, ai xem cũng biết, nhưng hiềm nước không có chỗ tự, thành ra chỉ có quý mà không có phú.

Ông là một ông quan thanh liêm, từ vợ con cho chí kẻ ăn người ở, đều quần nau áo vải, cơm canh dưa muối mà thôi. Vua nhà Minh xét biết tình cảnh khốn đốn như thế, mấy mươi sai một người đem 1000 quan tiền, đem đem đến để trước cửa nhà ông, sau ông trông thấy có làm sờ tâu vua để nộp vào công-khổ. Vua bảo rằng:

Cái của không có chủ thì người cứ lấy mà tiêu. Ông bắt-đắc-dĩ lấy một nửa còn thì nộp làm của công. Về sau ông Thoát-Hiên tiên-sinh có bài thơ khen rằng;

第一魁元早致身

Đệ nhất khai nguyên tảo chí thân

居官不改舊清貧

Cư quan bát cát cựu thanh bần

扇銘文重燕臺譽

Phiên minh văn trọng yên đài dù

使節方知國有人

Sứ tiết phuơng tri quốc hữu nhân.

Thích nghĩa. — Lập thân được đồ trạng-nguyên sớm, khi ra làm quan vẫn giữ lối thanh bần, như bài minh cái quạt tiếng lừng cả nước Tàu, mới biết nước ta có người đi sứ giỏi.

Con cháu ông về sau đỗ đạt, làm quan rất nhiều. Đến năm Thiệu-phong thứ sáu đời vua Dụ-tôn, ông tự nhiên vô bệnh mà mất, sống lâu 73 tuổi. Vua lấy làm thương tiếc vô cùng truy tặng cho ông làm Phúc-Thần, lại cấp cho 500 quan tiền để dân sở tại dựng đèn thờ cúng.

38. LAN QUẬN-CÔNG PHU-NHÂN

Đời Sung-khươn nhà Mạc, ở huyện Đông ngạn có cụ Đàm-công Thượng-thư tri-sĩ. Đàm-công làm nhà bắt dân định trong hàng tòng đến phục dịch theo với thợ mộc thợ ngõa. Phu hàng tòng đến gánh đất khiêng gỗ rất đôn. Sau Đàm-công thấy một người con trai ước chừng 18 tuổi giáng học-trò cũng phải đi phu. Hỏi quê quán ở đâu, tên họ là gì, thì người ấy bầm rắng :

Quê ở làng Vân-diềm, tên là Nguyễn danh-Thật.

Vì sao xui nèn ?

Bầm cụ lớn, chúng con buồi sớm phải đi đọc sách, trưa về mới đi phu.

Đàm-công bảo rắng :

Nếu là học-trò, ta ra một câu đối, đối được thì tha cho không phải đi phu. Câu đối ra rắng « *thập bát lực năng đâm thở* » nghĩa là : *tuổi mười tam súc hay gánh đất*.

Nguyễn-Thực ứng khẩu đối rắng : « *Cửu-ngũ long phi tại thiên* » nghĩa là : *hào cửu-ngũ rồng bay tại trời*.

Câu này chữ ở kinh Dịch, Đàm-công khen câu đối có tài cho ngồi chơi đấy. Rồi ngài vào phòng bảo ba con gái rắng :

Ngoài kia có quý-tể, cho các con đứng ở trong màn trông ra xem mặt, có đứa nào bằng lòng lấy thi ta gả cho, (*bảy giờ ba con gái ngoài đều chưa chồng cả*). Hai chị đứng ở trong màn trông ra, thấy ăn mặc bệ đặc, mỉm cười nói rắng :

Không bằng một thằng lính nhà ta.

Còn cô thứ ba không chịu ra trông, Quan Thượng hỏi sao vậy ?

Cô đáp lại rằng :

Việc gả bán quyền ở của mẹ, con không dám tự chọn lấy người sánh đôi ; cha bảo là quý-tế thì là quý-tế, chứ phận con là gái, lẽ đâu đứng trong người con gái ? Đàm công lấy làm đẹp lòng, Nguyễn-Thật bái biệt về nhà.

Sáng sớm hôm sau, Đàm-công sai người đến Vân-diềm báo tin cho nhà họ Nguyễn bết. Cha mẹ ông Nguyễn-Thật tiếp được tin vừa mừng vừa lo, lo rằng nhà nghèo không biết lấy gì làm sinh lê mì cưới con gái cụ lớn. Đàm-công lo lắng giúp sắp đủ lê vật, chọn ngày tốt cho Nguyễn-Thật cưới về.

Trước khi thân nghinh, Đàm-công dặn con gái rằng :

"Coa về làm vợ anh hàn-nho, cư xử phải khác như lúc ở nhà. Đây ta cũng có cửa cải, nhưng không cho vợ chồng nhà con, chỉ để vợ chồng nhà con chịu khó cần kiệm học hành canh cữi mà làm nên hiền đạt. Con phải hầu hạ cha mẹ chồng cho có lê phép, giúp chồng cho được việc, không được tập thói kiêu xa như trước.

Nàng cúi đầu lạy cha, xin vâng lời dạy, về làm dâu họ Nguyễn, bỏ hết trang sức, mặc quần áo vải, tập làm những việc vất vả, thobi cơm gánh nước, tay tự làm lấy. Chồng đọc sách, vợ dệt cùi, đêm nào cũng đến quá canh ba mới nghỉ. Được vài năm Nguyễn-quân thi hương đỗ Cử-nhan, thi hội mấy lần đều hỏng. Năm ngoài ba mươi tuổi vẫn còn là một ông Cử xác.

Hai chị gái con cụ Đàm-công đều gả cho các con quan lớn, ngày đỗ khi tết về thăm nhà, ngựa xe đầy cửa. Vợ chồng Nguyễn-quân vò vĩnh đi đất, mặc quần áo vải, trạng-thái rất là bần hàn. Cá : anh chị thường gọi diệu vợ chồng Nguyễn-quân là Vân-diềm quý-nhan. Cả đến các đứa đầy-tờ nó thấy nghèo nàn cũng coi kinh dị. Bà Cử bấy giờ ăn mặc bồ nâu áo vá, không

dám ngồi cùng với các chị. Duy có Đàm-công thì vẫn yêu trọng vợ chồng nhà Nguyễn-quân. Thường dặn các con rằng :

« Phú-quý trước mắt không đủ lấy làm khinh trọng. Vợ chồng nhà cứ Vân-diềm, về sau mới toàn được tính mệnh đấy. » Người nhà thấy nói thế, ai cũng bảo là Đàm-công già nua lẩn lộn, chẳng ai tưởng nghe.

Không bao lâu cụ Đàm-công mất, Nguyễn-quân thi hội vẫn hỏng như xưa. Nguyễn-quân thường mộng thấy bảng vàng treo trên cây tùng, tên mình đỗ đầu, không hiểu làm sao.

Đến năm Ất-vị niên hiệu Quang-hưng, vua Thể-tôn nhà Lê, thu phục được kinh thành, mở khoa thi hội. Nguyễn-quân thi đỗ Hoàng-giáp, tên chiêm đầu bảng. Bấy giờ Trịnh-vương chấm thi, Trịnh-vương tên húy là Tùng, mới nghiệm ra cái mộng bảng vàng treo trên cây tùng là thế.

Cụ Đàm-công vì làm quan nhà Mạc, nên đến lúc Lê trung-hưng các con cụ bị bắt dam cả. Nhờ có ông Nguyễn-Thật đỗ to làm quan lớn nhà Lê, cứu cho được toàn gia thoát nạn. Vài năm sau con trưởng ông đỗ Tiến-sĩ cha con đồng triều, đều làm thượng-thư. Con rể đỗ Tiến-sĩ cháu nội cũng đỗ Tiến-sĩ. Ông được phong là Lan-Quận-công. Nhà ấy khoa hoạn đến nay còn thịnh.

39. — MỚI SINH BIẾT NÓI

Trần-thị quê ở làng Đông-xuất, huyện Đông-ngàn, sinh được đứa con gai, mới ở trong bụng mẹ ra đã biết nói.

Đứa con gai mới sinh ra, nói ngay rằng :

« Ai đưa tôi đến đây, sao chân tay tôi bé thế này,

« Cả nhà ai nghe thấy nó nói thê, cũng lấy làm kinh dị, hỏi rằng :

Mày là cái quái gì thế?

Tiêu-nbi nói rằng:

Tôi không phải là quái, tôi ở làng Thiết-binh đã lên
tám tuổi, cha tôi làm ruộng. Tôi mắc bệnh đau bụng
ăn uống không tiêu, mệt quá thè, chợt thấy mình
nhẹ như lá, đi trên đầu giường ra cửa rất nhanh. Đi
đến một nơi thấy bà cụ già cho ăn cơm uống nước,
các người ăn uống ở đấy rất đông, tôi no không ăn
được. Một lát thấy hai người đem tôi đến cồng nhà
này, đây tôi vào mà đi. Tôi vào đến đây thấy than
thè khác trước, đây là chổn nào?

Tiêu-nbi nói xong khóc mãi không thôi.

Người nhà nghe nói, biết rằng nó là đứa trẻ khác mới
dầu thai đến, dỗ bảo yên ủi giờ lâu, nó mới thôi khóc.

Ba bốn năm sau nó nhớ đến cha mẹ cũ, khóc lóc
đòi về. Trần-thị thấy con khóc mãi, không sao chịu
được, mới phải chiều con, ẵm về làng Thiết-binh. Vừa
mới về đến cồng làng, thằng bé ấy chạy lon ton về nhà,
vừa khóc vừa nói, kể hết truyện cũ cho cha mẹ nghe.
Cha mẹ cũ lấy làm lạ, nghe lời nói nửa tin nửa ngờ.

Đứa trẻ ấy lại nói rằng: lúc trước đi chăn trâu, có
bảo với các trẻ dẽo ngồi làm tiền, chôn ở dưới gốc
táo sáu đồng.

Đến lúc đào dưới gốc táo lên có y như thế thật.

40 — NHỚ BA KIẾP TRƯỚC

Khi quan Trần Thượng-thư người làng Bảo-chiện, đi chủ
khảo trường Thanh-hóa về có thuật lại một truyện rằng:

« Có một ông Cử người ở tỉnh Thanh-hóa nhờ được
việc ba kiếp trước. Kiếp trước nhất làm người, nhà
giàu có lăm, lại làm quan lớn, bấy giờ đặc chí, hay
lạm dụng quyền-thể hà hiếp mọi người, lại cho vay
lãi nặng. Đến lúc chết phải vào địa-ngục, lúc xuống



địa-ngục thấy núi dao, cây gươm, vạc dầu, cối đá, để làm tội những linh-hồn lúc sinh thời tác ác, trông rất đau đớn. Một lát thấy tên quỷ-sứ, dẫn mình vào trước bệ Diêm-vương. Diêm-vương xét sò, kể những điều ác, bắt phải làm kiếp gà. Liền sai quỷ-sứ giải ra. Quỷ-sứ giải đến một nơi nhà què, chợt thấy mình tối tăm mắt mũi lại, tựa như có cái màng gì bao bọc xung quanh, cổ đạp vỡ ra, mở mắt trông, thì mình đã thấy ở trong chuồng gà, thân mình đã thành con gà con mới nở, lông cánh còn ướt, gà mẹ xòe cánh ấp, lâu dần thành gà sống lớn dữ tợn. Chủ nhà bắt đem đi chơi, chơi với gà nào cũng được. Chỉ muốn chóng chết mà không được chết. Chủ-nhân yêu đương, nuôi nấng giữ gìn rất là cẩn thận. Vì đã lâu ngày mà không được chết, mới nghĩ kẽ làm cho chủ-nhân phải tức mà giết bỏ cho chóng được hóa thân, nhân khi chủ-nhân cho ăn thóc, nhảy lên mồ vào giữa mặt. Chủ-nhân đã dận, nhưng tiếc về chơi giỏi, nên không muốn giết. Sau lại nhảy lên đạp cựa vào lung, con chủ nhân máu chảy rất nhiều. Đứa trẻ bị cựa đạp phải toạc lung vừa khóc vừa chạy, lại còn dương cổ đuôi theo mồ mãi không thôi; chủ-nhân nỗi dận giết liền. Sau khi chết rồi, lấy làm sướng lắm, không ngờ lại bị quỷ-sứ bắt đến diện Diêm-vương. Diêm-vương vẫn tội, trách rằng dám ngỗ nghịch với chủ, lại bắt làm kiếp lợn. Quỷ-sứ lôi đi, không muốn đi cũng không được. Đến một cái ngõ hẻm xú què, quỉ-sứ đẩy mình vào, bỗng thấy mình hóa ra con lợn nhỏ, cùng ở với một đàn lợn con, được hơn một tháng. Các con lợn khác phải đem bán hết, chỉ lưu một mình ở lại trong chuồng. Bấy giờ muốn chóng chết, nhưng không sao được. Hơn một năm, đã hơi lớn, chủ-nhân đem bán cho hàng xóm làm lẽ tể ta ăn. Hồn xuống âm-phủ vào lạy Diêm-vương. Diêm-vương phán rằng: tội ác nhà ngươi đến nay đã tiêu, kỳ hạn đã mãn, lại cho đầu thai làm người (tức là nhân thân ngày nay) ».

41. — GIẢI HẠI NGƯỜI

Huyện Kim - thành tỉnh Hải-dương có một làng ở liền bến sông, trên bờ sông có miếu thờ thần bên cạnh miếu có cây đa cổ thụ xanh-tốt rườm-rà, gần gốc cây ấy có vực nước sâu, trong vực có hang giải. Ai không biết nhỡ đi qua đấy, thường bị phải giải bắt lẩy nuốt sống. Người ở trong thôn đã yết biển để dặn hành-khách.

Nhân khi cuối mùa xuân làng ấy vào đám, có vợ chồng nhà-trò đến hát, người vợ đến trước, chồng với một đứa đầy-tớ gánh đàn đi còn cách quãng xa xa. Người vợ vô tình đến bến ấy rửa cháo, mặc phải giải đớp đem xuống sông mất. Người chồng đến nơi vào đèn tìm vợ, không thấy, ra ngoài tìm cũng chẳng thấy, hỏi các người ngồi ở đấy không ai biết cả. Mời đi dong đường cái, đến một nhà hàng nước hỏi. Người hàng nước nói có thấy một người đàn-bà chít khăn nhiều mặc áo đỏ đi qua đường liền bến sông Người làng nghe thấy nói thế ai cũng ngạc nhiên bảo rằng:

Đã đi qua đấy thì quyết nhiên tính mệnh không toàn. Cùng kéo đến bờ sông xem, thì thấy vết chân con, giải trèo lên bãi cát; bên hòn đá còn ướt, một bức khăn vuông bọc trầu. Người chồng nhận ra là khăn của vợ mình, cứ trông xuống sông khóc nức nở. Người làng ấy trông thấy thế lấy làm thương, cho người kép một trăm quan tiền, để làm lễ chiêu hồi cho vợ. Người kép không nhận, chỉ xin với làng ấy ở lại bốn năm ngày, để lập kế trừ bỏ con giải, nhỡ có phi tồn bao nhiêu nhờ làng cấp giúp cho. Làng thấy nói thương tình cũng bằng lòng cho.

Người kép bèn đi khắp từ xứ, mua ba bốn nghìn trứng ngỗng, trứng vịt, cứ mỗi cái trứng lại đục một lỗ, lấy hết lòng đỏ lòng trắng ra, nhét vào sống vào, lấy giấy hờ dán kín bên ngoài, lại dảy nước trứng lên các vỏ trứng, đặt rải rác khắp bãi cát ở liền mặt nước, rồi

Ấy cái sào dài đứng trên bãi cát đập xuống mặt nước làm cho nước động; sau đứng nấp vào đằng sau cây trông ra, thấy một con giải lớn bằng mái nhà danh nồi lên, tới bãi cát nuốt hơn nghìn quả trứng, rồi lặn xuống nước. Sau lại thấy hai con giải nữa, lớn bằng nửa con trước, cũng lên bãi cát nuốt vài trăm quả trứng. Xong cũng lặn xuống nước.

Được vài giờ đồng hồ, người kép trông ra giữa sông thấy sóng còn nồi rây, lấy làm mừng lắm, chắc rằng mấy con ác vật đương bị đứt ruột nát gan.

Sáng sớm hôm sau thấy ba con giải chết cả nồi lên mặt sông. Bèn thuê người thôn ấy ra vớt đem về. Mồ con giải lớn ra, thấy thây vợ, dung mạo còn nguyên, sắm quan liệm đem táng. Lấy gan giải làm cô tế vợ. Từ đó trở đi, khúc sông ấy không có giải hại người nữa.

(Ông Hoàng-xuân-Viên người Chí-linh, tri-huyện Kim-thanh
biết rõ việc này.)

42 — PHẠM-VIÊN

Làng An-bà thuộc huyện Đông-thành, có ông Phạm-Viên. Ông tò Phạm-Viên chăm chỉ làm ruộng và hay làm những điều thiện.

Thời bấy giờ có một người tàu vì quen biết ông có tìm hộ cho ông một ngôi đất tốt. Tặng xong rồi, đoán rằng:

Ngôi đất này tất phát một đời tiễn sĩ và một đời thành tiên; sau quả nhiên sinh ra ông Phạm-Chất, đỗ tiễn-sĩ chiêu vua Thần-Tôn, làm quan đến Tả-Thị-Lang.

Ông Phạm-Viên năm 18 tuổi, học hành lười biếng có một hôm, anh mắng rằng:

Mày sinh ra ở nhà cơ cùu, nền nếp thi thư, mà
lười thê, còn làm gì được nữa.

Ông Viên thưa rằng :

Người ta sinh ra ở đời mỗi người một ý. Phú quý
80 năm chẳng qua là một giấc mộng mà thôi! Ông
Viên thấy anh mắng lấy làm dận lầm, lập tức đội
nón lá, đi thẳng vào rừng hái thuốc; đi ba ngày, đến
dứa rừng, gặp ông cụ già tay cầm chiếc gậy trúc,
mặc áo nhà chùa. Ông biết ngay rằng là người đắc
đạo, lập tức quỳ lạy trước mặt ông cụ già, kề rõ chí
hướng của mình.

Ông già bảo đi theo. Đi được độ nửa dặm, trông
thấy cái nhà lá hai gian, trong chỉ thấy có một quyển
sách con và một lọ nước ở trên bàn, còn thì vắng vẻ
không ai. Ông già bảo ông Viên uống hết lọ nước,
sau lại cho ông một cái túi và bảo rằng :

Ông cứ mang cái túi này về, tự khắc thừa tiền
tiêu. Nói xong biến mất. Ông Viên cứ trông phía mặt
giờ mọc tìm dang vè, đi một chốc đã về đến làng,
tính đốt ngón tay đã 12 năm.

Lúc bấy giờ ông đã 30 tuổi, họ hàng làng nước ai
cũng lấy làm lạ, không biết ông đã thành tiên, có
khi ông ngủ hơn mười ngày không giật, hai ba tháng
chỉ ăn vài bát cháo, ông anh thường gọi là một thằng
diên.

Ông Viên có một bà cô ruột, tuổi ngoại 70, hoá
chồng, không có con, cơm ăn áo mặc thường thường
không đủ, ông Viên cho cô 21 đồng tiền rồi dặn rằng:

Nếu cô có mua gì thì chỉ mua 20 đồng thôi còn
để lại một đồng, tự khắc nuôi đủ thân cô. Người cô
cứ theo như người ông nói sáng đi, chiều về, được
ba năm thì người cô già yếu chết, mà số 21 đồng
tiền cũng mất.

Ông thường có khi đi chơi ở làng Ngọc-tâm, ngủ ở nhà trọ, một hôm ông bảo người chủ nhà trọ rằng:

Ở đây nay mai tất có hỏa tai to. Tôi cho ông một lọ rượu, nếu thấy cháy thì lấy rượu này mà tưới vào, không thì lửa cháy lan tất cả không thể sao cứu được. Quả nhiên được vài hôm thì tự nhiên làng ấy phát hoả, gấp lúc vào khoảng tháng năm gió nồm, ngọn lửa bốc lên to không ai cứu được, người chủ nhà trọ nhờ nhời ông Viên dặn, lấy rượu tưới vào chỗ lửa cháy, chợt thành mưa to, ngọn lửa tắt ngay, trong nước mưa có mùi rượu 3 ngày không tan.

Một lần ông đi chơi qua huyện Hoằng-hoa, gặp một người ăn mày tuồi ngoại 70, ông thương là người già yếu, cho một cái gậy dặn rằng:

Nếu ông đi đến chỗ nào, hay là chợ nào, thời cứ cầm cái gậy ở bên đường, chờ có nói năng gì cả, nếu ai trông thấy tất là lấy tiền treo vào đầu gậy, thấy đủ 100 đồng thì thôi, lại mang gậy đi cầm chỗ khác. Người ăn mày cứ theo như nhời ông nói, cơm no áo đú suốt đời, còn được 300 quan, sau người ăn mày ấy chết đi, cái gậy ấy cũng mất.

Khoa thi hội năm Bính-dần, các ông cống-sĩ tỉnh Nghệ-an vào kinh thi, được hơn 300 người, ông Viên ngồi bên cạnh quán Hoàng-mai bảo các ông cống-sĩ rằng:

Khoa thi năm nay còn hoãn lại trong 3 năm nữa, nếu các ông có đi thi thì tiền vãng phẩn uồng phí mất cả. Mọi người điều cười, cho là một thằng điên. Khi vào tới kinh quả thấy bảng yết hoãn thi 3 năm.

Ông dậy học trong làng, chỉ giạy học-trò có hai chữ «cát cao». Học đi học lại 3 năm vẫn chỉ có hai chữ ấy, học-trò đều xin thầy cho học chữ khác, ông nói rằng:

Hai chữ ấy đủ rồi. Phú quý về sau ở đấy cả.

Sau có người ở làng ông đi lính phải canh giữ thuyền nhà vua, gặp lúc chúa Trịnh đi kinh-lược, sai người đi mượn một cái gầu tát nước ở trong thuyền, các quan không ai biết chữ gì mà viết; lúc bấy giờ có anh lái đò tên Hà-tôn-Mục là học-trò cũ của ông ở đấy thưa rằng:

Tôi lúc bé đi học chỉ nhớ hai chữ *cát cao* là cái gầu tát nước. Quan tham-tụng lấy làm sợ nói rằng:

Người ấy học rộng, rồi tâu lên chúa Trịnh. Chúa Trịnh ban cho anh lái đò làm chánh lục-phẩm.

Khi ông 40 tuổi, anh ông làm quan Thị-tụng ở trong kinh mất. Ông ở nhà nghe được tin, bảo chị dâu dè tang, cùng những đồ tang phục gói lại để mang vào kinh. Khi vào tới kinh cẩn dâu bàn với ông rằng:

Phải thuê thuyền vượt bể mà mang quan tài về. Ông không nghe, sai làm đòn đại-dư, chiêng chống cờ biển cùng đồ tang phục, dâu dãy đủ cả hẹn đến gà gáy sáng mai sẽ phát hành cất đám, táng sáng đã đến địa phận làng An-bài, mọi người điều lấy làm kinh lạ. Lúc bấy giờ mới biết là ông có phép tiên; táng xong ông đi tự bấy giờ không thấy tích dâu nữa.

Được năm năm về sau, mẹ ông mất. Có một đêm ông về khóc ở bên mộ rồi dề một cái hộp ở đấy mà đi, sáng mai người nhà ra nom thấy cái hộp ấy, mở ra xem thời thấy có trâu, bò, lợn, gà, xôi, rượu đủ cả, và tiền 500 quan, bạc 100 cân, trên cái hộp có viết chữ rằng:

Đây là đồ lě của con tên là Phạm-Viên đem về dè làm ma mẹ.

Từ đấy về sau có người trông thấy ông ở thành Thăng-long, có người gặp ông ở cửa bể Thần-phù, nhưng đều chỉ thấy vẫy tay mà không nói.

43. — GIÁP - HẢI

Ông Giáp-Hải là con một người đàn bà hóa bán nước ở bờ đê làng Công-luận thuộc huyện Phượng-nhơn, (huyện Văn-giang) tỉnh Bắc-ninh bây giờ.

Một hôm có một người khách vào hàng bà nghỉ uống nước. Lúc đứng giẫy bỏ quên túi bạc. Được hơn một tháng, người khách lại hỏi xin, bà cụ lấy túi bạc đưa giả cả; người khách cảm ơn và xin biếu bà cụ một nửá, nhưng bà cụ bảo là không phải của bồ-hôi nước mắt của mình làm ra, nên không lấy. Bà cụ nói: « Nếu tôi có lòng tham thì tôi không phải ngồi bán nước, nhặt từng đồng kẽm thế này ».

Người khách thấy bà là người trọng nghĩa khinh tài, liền hỏi rằng:

Tôi là người địa-lý chính tông bên Tầu, biết xem đất rất giỏi. phàn mộ tiền-nhân bà cụ ở đâu, tôi xin để giúp hộ cụ một ngôi.

Bà cụ nói:

Tôi bây giờ đã 40 tuổi đầu rồi, chồng con anh em nhà tôi chẳng còn ai, nếu có được đất tốt thì cũng chẳng làm gì; mà tôi ngồi bán nước ở đây, không phải là cầu lợi, bụng tôi chỉ muốn giúp đỡ những người xa xôi cơ nhỡ mà thôi.

Người khách nói:

Đành rằng thế, nhưng được chõ đất tốt, để cho yên hài-cốt tiên tổ chẳng hơn ư? Tôi thấy bà cụ là người tử tế, nên tôi muốn đèn ơn bà cụ một đỏi chút, bà chờ nên chối từ.

Bà cụ thấy người khách nói mãi như thế, nể tình bất đắc gĩ phải đưa người khách ra chõ ngôi mộ ông thân-sinh ra bà.

Người khách xem xong, ít lâu tìm một ngôi đất để cải táng và dặn bà rằng:

Nếu về sau này bà cụ có gặp ai là người hoạn nạn, bắt cứ đàn ông, đàn bà, thì nên hết lòng mà giúp đỡ người ta, át sau sẽ có diềm bay.

Cách năm tháng, có một người đàn ông đi đánh đậm, người ở làng Bát-tràng, gặp hôm mưa to gió nhỡn, tối quá không có thể về nhà được, vào xin ngủ trọ bà cụ một tối. Bà cụ vốn sẵn lòng cứu người, liền cho người ấy vào nhà đốt lửa cho sưởi thiếc cơm cho ăn. Bấy giờ vào độ tháng mười, giờ rét như cắt, lạnh buốt đến xương, nhà bà cụ chỉ có một cái chõng bán nước và một chiếc chiếu, dơm dại sưởi cũng hết, để người ta nằm đất thì cũng thương tâm bất đắc gỉ phải cho người ấy nằm chung.

Lạ gì thoi đời, lửa gần dơm, cá gặp nước, bè tình lai láng không sao chịu được, người ấy bị hàn thấp ngộ phong, một lúc hồn về chín suối.

Bà cụ lấy làm sợ hãi, đang đêm rét cắt ruột, phải liều mình đem vùi người ấy xuống chân đê, kéo sợ phát giác thì lại bại đến mình. Rồi từ đấy dở đi bụi thai

Cách vài tháng sau, người khách lại hỏi bà cụ rằng :

Từ khi tôi táng ngôi đất ấy đến giờ bà đã cứu được ai chưa.

Bà cụ liền kể hết chân tình người đánh đậm ấy cho người khách nghe. Người khách bảo bà cụ dẫn đi xem chỗ chôn người ấy. Xem xong bảo rằng :

Chỗ đất này thật là ngôi đất thiên táng, sau sẽ sinh quý tử, đỗ đến Trạng-nghuyên và làm đến Tè-tướng. Người khách lại đưa ra 5 nén bạc, để biếu bà cụ và để làm quà cho trạng. xong rồi đi mất không thấy lại nữa.

Ngày qua tháng lại, chẳng bao lâu đã no ngày đủ tháng, bà cụ sinh con gai, mặt mũi khôi ngô chân tay to nhơn, ấy là ông Giáp-Hải.

Khi ông lên bốn tuổi, cùng một lũ trẻ lững thững ra chơi bờ sông, có người lái buôn ở làng Sich-kế trông thấy ông hình giong tuấn tú, mặt mũi khác thường, vội vàng ghé thuyền vào bờ ăn cắp xuống thuyền mang đi mất.

Đến chiều-hôm, bà cụ không thấy con về, hoảng hốt ra bờ sông tìm chẳng thấy đâu, tưởng là ngã xuống sông, trôi đi mất rồi, ngậm đắng nuốt cay, dành chịu một mình dở về, không biết kêu khóc vào đâu nữa.

Người lái buôn tự khi bắt được Giáp-Hải về nuôi nấng đêm ngày, coi giữ như con đẻ, ban đầu ông Hải còn nhớ nhà, sau dần rồi quên hẳn đi, cứ tưởng vợ chồng người lái là bồ mẹ. Năm lên 6 tuổi, người lái tìm thầy cho học. Ông học rất thông minh, cả trường không ai kịp. Năm 19 tuổi thi đỗ Á-nguyên, thi bộ hai khoa đều hỏng, ông về lại đi tìm thầy học.

Khi ông du học, có một hôm đi qua bến đò Cầu-sô, gặp một người đánh cá, bắt được một con ba-ba có 3 chân mà rất to, ông liền hỏi mua.

Người lái nói :

Ông có muốn mua thi phải cho tôi 4 quan, ông đưa ra 4 quan tiền mua lấy, đem về bỏ vào trong cái ngăn kéo, cứ bữa cơm lại mở ra cho ăn. Được hơn một tháng, có hôm ông đi học về thấy có sẵn cả mâm cơm ở giường rồi, không biết ai làm, mở ngăn kéo ra vẫn thấy con ba-ba nằm ở đấy, gần 3 tháng như thế, ngày nào cũng có cơm canh để sẵn.

Một hôm ông giả cách đi học, ăn ra đắng sau nhà,

thì thấy con ba-ba ở trong ngăn kéo hiện hình ra một người con gái rất đẹp, ông vội vàng chạy vào lấy cái xác lột ấy băm nhỏ ra, từ bấy giờ hai người cùng ăn ở với nhau.

Có một ngày kia người con gái nói với ông rằng:

Tôi vốn là con gái vua Thủy-tế đi chơi chǎng may gặp ông cứu được, bây giờ xin ông cùng tôi xuống ở thủy-phủ cho vui.

Ông nói rằng:

Nay mai sắp đến khoa thi, tôi còn phải ở trên này học hành, chứ đi làm sao được.

Người con gái ân-cần nói mãi, ông bất đắc gĩ theo nhời cùng đi. Đến thủy-cung, vua Thủy-tế trông thấy lấy làm vui mừng lắm.

Vua Thủy-tế có bảo với ông rằng:

Bây giờ ở đây cũng có thầy dạy học, ngày mai thì ông nên sắp sửa sách vở. Đến ngày hôm sau vua Thủy-tế sai người đưa ông đi học; khi đến trường thầy học trông bảo rằng:

Tên họ anh là gì? Tôi trông anh người dương-thể, sao lại lần mò xuống đây mà học, anh nên về ngay đi! Nay mai khoa thi sắp đến nơi rồi.

Ông Giáp-Hải thưa:

Tôi họ Trần, tên là Giáp-Hải? Ông thầy bảo:

Tôi có chiêm bao thấy nói sẽ lấy ông Trần-Giáp-Hải dỗ Trạng-nghuyên. Vậy ông phải về ngay đi kéo nhỡ việc.

Ông thầy dạy học ấy chính là ông Lê-quý-Đôn.

Ông Giáp-Hải về trình với vua Thủy-tế, vua cho các quan đi hộ tống, cho 20 viên ngọc bạch-xà, dặn về đến dương-thể hãy mở ra. Ông Hải ở dưới thủy-phủ thăm thoát đã được 11 năm, khi lên đến dương-thể vừa gặp

khoa thi bội, ông liền thi trúng Trạng-nghuyên. Bấy giờ ông đã 32 tuổi.

Nói về người lái buôn từ khi thấy ông Giáp Hải đi mất, hai vợ chồng buồn bức, khóc lóc đêm ngày. Chợt có một hôm nghe tin ông Hải đã Trạng-nghuyên, sắp về vinh-quy thì mừng rỡ vô cùng; vội lên trình với quan Huyện cho dân phu đem cờ quạt di đón rước, thứ nhất là dân-phu ở làng người lái, phải phục dịch khó nhọc, có một người biết nguyên-uỷ của Trạng, nói vung với nhau và phàn nàn rằng :

Không biết anh kia ở xứ sở nào, nhất dán đỗ Trạng làm chúng tao phục dịch khổ sở thê này?

Trạng nghe thấy nhời dân-phu phàn nàn như thế, trong bụng hờ nghi không biết là có làm sao. Vinh-quy xong rồi, mới đi dò la xem các ngôi đất nhà người lái, thì không thấy có ngôi nào đáng phát phúc cả, tồ tích thì từ xưa đến nay cũng không có ai đỗ đạt gì, chỉ buôn bán làm ăn mà thôi.

Có một hôm Trạng nằm mơ thấy một người độ hơn 40 tuổi, đến trước mặt ngài mà bảo rằng :

« Ngài chính là một người con của bà cụ bán hàng nước ở trên bờ đê làng Công-luận huyện Văn-giang. Khi ngài lên bốn tuổi, người lái buôn kia vì hiếu con gai nên bắt trộm ngài về nuôi. » Ông Hải nghe nói dật mình tinh giật, lấy làm cảm động trong lòng.

Được vài hôm, Trạng cùng với một người đầy-tớ, thân hành di đến làng Công-luận thì trông thấy bà cụ trạc ngoại 70 bán nước ở bên đường, tình cảnh khá thương, Trạng sai người đến hỏi bà cụ có chồng con gì không?

Bà cụ nói :

Khi xưa tôi có sinh được một đứa cháu gai, khi lên 4 tuổi ra chơi bờ sông với một lũ trẻ, không biết lạc đi đâu mất.

Trạng biết là mẹ nhưng không biết có thật đích không, lại sai người vào hỏi:

Quan tôi trông thấy cụ già cả, chồng con không có, muốn đem cụ về nuôi làm phúc, vậy cụ có bắng lòng không?

Bà cụ nói:

Nếu quan lớn có lòng thương tôi thế, thì còn gì bắng nữa. Trạng liền đem về nuôi, để dò la hư thực.

Nguyên trạng khi mới sinh ra có một cái nốt ruồi đỏ ở chân, một hôm bà cụ trông thấy, tự nhiên òa lên mà khóc, mọi người đều hỏi, bà cụ nói:

Trước tôi để được một đứa cháu cũng có cái nốt ruồi ở chân, bây giờ tôi trông thấy quan lớn, tôi lại nhớ đến con tôi, xin các ông tha lỗi cho.

Trạng lúc bấy giờ biết đích là mẹ, vội vàng đến ôm lấy mẹ, hai mẹ con cùng khóc. Trạng liền nói rằng:

Con có mẹ mà không biết, để mẹ trăm đường phiền não thực là tội đại bất hiếu, may sao giờ xui, mẹ con lại được gặp nhau, con xin hết lòng phụng dưỡng.

Lại nói đến ông lái tự biết mình có lỗi nhưng trạng vẫn một lòng hiếu kính, mẹ để bõ nuôi phụng dưỡng như nhau.

Không bao lâu trạng làm chủ khảo đi chấm thi ở trường Sơn-nam. Trạng ra đầu bài hiềm hóc; học trò toàn phá trường, trạng phải ra đầu bài khác; sau xét được tên thủ xướng phá trường, khép vào tội xử-tử, người học-trò đến kêu, nói nhà độc định, xin đem 1000 quan tiền để chuộc tội, nhưng trạng cũng không tha.

Được ít lâu con trạng là ông Giáp-phong đã đỗ Tiến-sĩ, tuy nhiên vô bệnh mà mất, trạng tìm phù-thủy đánh

đồng-thiếp đi tìm. Khi xuống đến Diêm-cung thì thấy ông Giáp-phong đương ngồi đánh cờ với một ông quan, ngoảnh mặt nhìn trạng mà không nói gì cả. Ông quan kia hỏi rǎng:

Ông kia có quen thuộc gì ông không?
Giáp-phong nói :

Trước kia tôi có ở trọ nhà ông ta 20 năm, nhưng ông có giết oan một người học-trò, nên tôi không ở nữa. Trạng nghe nói biết là tiền oan nghiệp chướng; khi tỉnh ra bèn cho gọi nhà người học-trò bị giết trước, cho tiền về làm chay.

Một hôm trạng vô bệnh rồi mất. Bây giờ làng Công-luận và làng Sinh-kẽ, đều lập đền phụng thờ.

44. — HỒN TRƯƠNG-BA

Xưa về làng Đinh-sơn, tổng Liêu-hạ, thuộc huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-yên có một người họ Trương tên là Ba. Tính khí ông Trương rất là điềm đạm, chỉ lấy sự thần tiên làm cao thượng, còn về đường công-danh phú-quí thì gác dề ngoài tai không hề nghĩ đến.

Ông có một cái trại ở đầu làng rộng chừng ba mẫu, cho vợ con ra ở cả dãy và bắt phải vun giồng các thứ rau cỏ để làm kẽ sinh nhai. Còn ông thì ở riêng một cái nhà, chung quanh giồng các thứ hoa thơm, cỏ lạ, có cồ thụ có san-hồ, lại có cả cồ-thư cồ-hoa cùng mọi đồ rất thanh. Ông vốn thích đánh cờ nên suốt ngày lúc nào cũng chỉ lấy mấy quân tướng sĩ làm giải trí.

Nghe thấy tiếng ai cao cờ thì dù xa xôi, cách trở thế nào ông cũng cố di đến tận nơi mẩy thỏa. Hết ngày nọ đến ngày kia, năm ấy sang năm khác, bao giờ

ông cũng chỉ nghĩ về việc đánh cờ mà thôi, còn các công việc trong nhà, nhất nhì đều giao cho vợ con trông nom cả, nên nước cờ càng ngày càng cao, suốt trong nước không ai dám cùng ông địch thủ.

Bấy giờ ở bên Tàu có ông Kỳ-Như là một người cao cờ thứ nhất, nghe thấy tiếng đồn liền thu xếp các đồ hành trang, quyết sang đến tận nơi để thử tài cao thấp; tuy đường cách sông cách bờ ông cũng mặc lòng, không quản khó nhọc, chỉ mong sao chóng đến nơi để biết tài người đồng chí. Không bao lâu sang đến nước ta, hỏi thăm đến làng Đinh-Sơn, vào tiếp kiến ông Trương.

Trương-Ba được tin Kỳ-Như đến chơi vội vàng ra tiếp, mời vào nhà trong, cùng nhau truyện trò rất là tâm đầu ý hợp, rồi cùng nhau địch thủ thi tài. Hai ông đánh suốt mấy ngày đêm, không phân được thua, cùng nhau cả cười mà rằng:

Anh hùng mới biết anh hùng, mấy phen địch thủ thỏa lòng nhau chưa.

Từ đấy về sau ngày nào cũng chỉ đánh cờ, xong lại rượu bài không còn nghĩ đến việc gì khác nữa.

Xuân qua bạ tới, khi giờ nóng nực, như thiêu như đốt, hai ông giắt tay nhau giạo chơi quanh hồ sen trong trại, khi đến một gốc cây thông to gần hồ đã có sẵn bàn đá hoa ở đấy, hai ông cùng ngồi xuống nghỉ ra tình vui vẻ, Kỳ-Như ngắm nghĩa hời lâu rồi nói:

« Phong cảnh này thực chẳng khác gì phong cảnh ở Tây-hồ nước tôi, dưới nước có hoa sen nở, gió hiu hiu bay thoảng mùi thơm, trên thì tòng thông vặng vẹo, cò-thụ rì rầm rà, trong thật hữu tình, khiến cho ai cũng đem lòng luyến ái. »

Hai ông ngắm cảnh hứng tình, lại dọn bàn cờ ra đánh, bỗng Trương-Ba nói:

« Cuộc cờ chỉ có tôi với bác, tài ngang nhau, trí cũng ngang nhau, còn thiên hạ toàn là kém cả. Nhưng tôi nghe trên thiên-đình có vua Đế-thích là bức cao cờ hơn hết, ước gì chúng ta được lên hầu ngài một đời nước thì mấy thỏa lòng bấy nay khát vọng. »

Ký-Như nói:

« Chúng ta là người trần mắt thịt, đâu dám mong như những nhời bác nói, viễn vông quá đỗi, xin bác đừng mơ tưởng hão huyền vô ích. »

Nói vừa dứt nhời có một ông cụ già ở ngoài đi vào trong trại, râu tóc tựa tuyết, minh gầy như mai, tay cầm quạt lông đầu đội nón gỗ, mặc áo lá sen, chống cây gậy trúc mà thủng thỉnh tới chỗ hai ông ngồi. Trương-Ba sốt sắng, thấy ông già vào liền hỏi :

« Cụ có biết đánh cờ không? Cụ ở đâu và đến đây có việc gì? »

Ông cụ già khoan thai trả lời rằng:

« Tôi cũng là người bản-quốc, nghe hai ông tự đặc cao cờ, nên không quản đường xa đậm thẳm, cố tìm đến đây xem thực hư thế nào Nghè đánh cờ tôi cũng biết được đôi ba nước, nếu các ông là bức trạng cờ thì tôi quyết cùng hai ông đấu trí. »

Trương, Ký hai ông nghe nói có ý mừng thầm, liền mời ông cụ vào dự cuộc.

Ông cụ già nói:

« Tôi một bên còn hai ông một bên, tôi lại chấp hai ông cả đôi xe nữa. »

Hai bên giao chiến chưa đầy một khắc mà xem chừng hai ông nước cờ đã bi. Trương-Ba nghĩ thầm: Chắc ông cụ này là người tiên chứ không phải người phàm, từ xưa tới nay ta chưa từng nghe tiếng, cứ cách ăn mặc

và nước cờ cụ đi thế thì dù biết. Nghĩ đoạn liền đứng giậy chắp tay khép nép thưa rằng :

« Dám bầm cụ, chẳng hay quý quán ở đâu ? Quý-tính đại-danh là gì xin cụ cho chúng tôi được rõ để chúng tôi xin đến bái môn. Cụ rủ lòng chỉ giáo, thì chúng tôi đội ơn vô cùng. »

Ông cụ già đáp :

« Tôi có nói thì các ông biết cũng vô ích mà thôi, vì không thể đến nhà tôi được. Thấy các ông ao ước nên đến thử tài các ông và để các ông biết trong nước Nam này không hiếm gì người cao cờ. » Nói xong cụ đứng giậy toan bước ra về thì Trương Ba giữ lại nắn nì thưa rằng :

« Xin cụ cứ cho chúng tôi được rõ, tuy kẻ bất tài này không tới hầu cụ được song muốn biết danh cụ thì mới được đàm lòng. »

Ông cụ già thấy Trương-Ba tâm thành nên cũng nè lời, nói :

« Tôi nói để hai ông được vui lòng. Nhà tôi ở trên thiên-đình, còn tên tôi thời hàng ngày ông vẫn ngợi khen đó. » Nói xong phe phầy quạt mấy cái rồi dỗ áo mà đằng vân biến mất.

Trương-Ba nói :

Thôi chính cụ Đề-Thích rồi ! Liền vái theo một vái, rồi ngoảnh lại bảo ông Ký-Như rằng :

Ông cụ này chính là vua Đề-Thích trên thiên đình. người thấy ta có lòng chân thành ao ước, muốn cho ta được thỏa lòng mãn nguyện, nên mấy giáng hạ đó thôi.

Nói đoạn liền sai người nhà dọn bàn thờ, rượu, oản, chuối, hương hoa, đặt lên bàn, làm lễ tạ và làm văn tấu lên xin chịu tội.

Tầu vừa xong, đã thấy ông Đέ-Thich xuống, ngài ngồi bắt chân chữ ngũ ở trên bàn, bao nhiêu giàu cầu oán, chuối ăn hết cả. Xong ngài bèn thò tay vào túi, lấy ra một gói chân hương ngũ vị, đưa cho Trương-Ba và dặn rằng :

Nay ngươi đã cùng ta chôn thành như thế, vậy gọi là một chút ta cho ngươi để giữ lấy mình. Nếu gặp nạn gì cứ đốt hương này lên ta sẽ xuống cứu. Song ngài đãng vân đi mất, Trương-Ba trông lên trên không, vái theo ba vái, rồi lại vào truyện trò với Ký-Như.

Thẩm thoát từ ngày Ký-Như sang ta, đã được ba tháng có thừa, liền từ biệt Trương-Ba xin giờ gót về Tầu. Trương-Ba biết giữ Ký-Như lại không được bèn sai dọn tiệc tiễn hành, rất là long trọng. Hai ông lại cùng nhau, chén tac chén thù, truyện trò ra tinh quyến luyến, suốt từ sáng cho đến quá trưa mới tan, tiệc rượu xong rồi, Ký-Như liền lui gót.

Lúc Ký-Như ra về, Trương-Ba cảm tình đọc một câu tiễn biệt rằng :

*Tình bè bạn, lúc biệt ly,
Bắc, Nam đối ngả phân kỳ từ đây.*

Ký-Như lại đọc nỗi theo rằng :

*Đối ta quyền luyến hôm nay,
Bắc, Nam mong lại có ngày gặp nhau.*

Ký-Như ngày đi đêm nghỉ, chẳng bao lâu về tới nước Tầu, gặp ai cũng khoe: suốt thiên hạ chỉ có tôi và ông Trương-Ba ở Nam quốc, là biết đánh cờ thôi, còn ai ai cũng đều là gà mờ cả. Từ đấy cờ Trương-Ba lại lừng lẫy bốn phương.

Ngày tháng thoả đưa, từ khi Ký-Như về nước, đã được năm tròn. Một buổi chiều kia Trương-Ba đương giạo quanh trong trại, lúc đến cuối cái bàn đá Loa ở gốc cây, sực nhớ đến Ký-Như, năm nào cùng mình chén rượu cuộc cờ, xiết bao vui vẻ, lại bồi hồi trong

dạ, trước giờ ta lại được gặp Kỳ-Như, bỗng đâu nước mắt vô tình, chảy xuống dòng dòng như mưa. Lập tức về nhà thu dọn hành lý ra đi, đè sang Bắc quốc cùng với Kỳ-Như đấu chí phen nữa.

Ôi ! trẻ-tạo khéo đa đoan, bắt người phải giữa đường đứt gánh, Trương-Ba đi được nửa đường, tự nhiên mắc bệnh phải trở về nhà, từ bách tử bệnh nỗi lên, nào phần nhớ bạn, phần gặp thương hàn, bệnh càng ngày càng nặng, chẳng bao lâu hồn ông về nơi chín suối, vợ con rất là thương tiếc. Khi an táng xong quét dọn cửa nhà, đè lập bàn thờ, thấy trong tráp của ông có gói chân-hương, liền đem ra đốt, một chốc thấy vua Đế-Thích xuống chơi, vợ con không biết là ai mới hỏi rằng :

— Thưa cụ, cụ ở đâu mới đến chơi ?

Vua Đế-Thích đáp rằng :

— Tôi là bạn cũ với ông Trương-Ba ở đây, nay thấy nói ông bệnh nặng đã quy tiên, vậy thì ông mất đã được bao nhiêu lâu ?

Vợ Trương-Ba thưa rằng :

— Thầy cháu mất đã ba ngày hôm nay rồi.

Vua Đế-Thích hốt hoảng nói :

— Chết nỗi ! sao lúc mới mất không gọi tôi, bây giờ mới gọi còn làm thế nào được nữa. Tôi hỏi thế này khi không phải ở vùng ta có ai mới chết không ?

— Bầm thưa cụ, có người hàng thịt mới chết hôm qua.

— Thế đã chôn chưa ?

— Thưa cụ đã chôn hôm qua rồi.

Chôn ở đâu đưa tôi ra xem. Vua Đế-Thích lập tức ra mả người hàng thịt, phù små một lúc, rồi bảo đào mả lên. Lại sang mả ông Trương-Ba khấn một lúc, quay lại xem người hàng thịt thì đã thấy ngồi

nhóm giây đi thẳng về nhà Trương-Ba, vợ con lây làm lạ nhưng xem tính nết thì chính là chồng mình. Đến hôm sau lại sai con đi mời người hàng xóm đánh cờ, nhưng chỉ hiềm rằng chính là người hàng thịt mà sao lại cao cờ, cả họ và cả nhà không hiểu ra làm sao cả. Mấy hôm sau tiếng ấy đồn lên vợ người hàng thịt đến nhận là chồng mình, đôi bên cãi cọ nhau mãi không bết phân xử ra sao, sau đem nhau đến cửa quan quan cho đòi các lân bang lên thì ai cũng nói là chồng chị hàng thịt, nhưng vợ Trương-Ba cũng cứ nhận là chồng mình, sau quan hỏi vợ Trương-Ba rằng:

Chồng chị lúc bình-nhật thì hay làm gì?

Vợ Trương-Ba thưa rằng:

— Chồng con lúc bình nhặt thì chỉ hay đánh cờ.

Sau lại hỏi đến vợ người hàng thịt rằng:

— Chồng chị lúc bình nhặt thì hay làm gì?

— Bầm quan lớn chồng tôi quanh năm mồ lợn bán hàng. Quan nghe xong liền cho đem một con lợn vào bảo anh hàng thịt mồ anh hàn thịt lóng công không biết làm ra thế nào, lại gọi đem bàn cờ ra và bảo một người cao cờ cùng ngồi đánh với anh ta thì quả nhiên anh ta cao hơn thật.

Sau quan phê rằng: « Hòn Trương-Ba, da hàng thịt » cho về nhà Trương-Bà mà làm ăn.

45. — NGUYỄN - QUỲNH

Ông Nguyễn - Quỳnh người ở làng Bột-thượng, huyện Hoằng-hoa (tục gọi là Trạng-Quỳnh) năm 16 tuổi đã cử-nhan, văn chương lừng lẫy lại có tính hay khôi hài.

Khi ông Nguyễn-Quỳnh đi học, tập văn ở nhà Quốc-học, kỳ nào văn cũng hay hơn hết các học-trò, bởi thế nên cagy tài hay có tính tự-dắc.

Suốt cả danh-sĩ trong nước ai cũng phục có tài Trạng-nguyễn, vậy từ lúc chưa thi cử cũng đã nổi tiếng Trạng.

Một hôm làm văn nhặt-khắc (*nha Quốc hoc thời bấy giờ ở tại Hà-nội*), gặp một người học-trò ước vào 18 tuổi trông người phong nhã, cũng ngồi ở bên mình làm văn, chỉ cúi đầu một lát, rồi viết luôn năm, sáu trang, độ ba giờ đồng hồ văn đã làm xong.

Nguyễn-Quỳnh bấy giờ đương nghĩ ngợi luân quẩn chưa biết làm ra thế nào, trông sang người học-trò ít tuổi ở bên cạnh thấy văn viết đã xong, lấy làm nhanh lạ, bao nhiêu cái tư tưởng kiêu ngạo lại đòi ra lòng kinh sợ. Sau mượn bài vở của người học-trò kia, xem qua một lượt thì thấy giọng văn lưu loát như mây bay nước chảy, sáng sủa như ngọc nhả châu phun không những là nhanh chóng, mà lại có tài hơn mình thập bội. Xem xong gác bút phục là văn chương cầm tâm tú khẩu. Nguyễn-Quỳnh bấy giờ có ý muốn làm quen, hỏi thăm tính danh què quẩn.

Người học-trò ấy đáp rằng:

Tôi là một kẻ học-trò nghèo ở tỉnh Hải-dương, nhân chơi Trường-an, trọ ở dưới thành, học hành cὸn non, kiến thức cὸn hẹp, vậy không dám nói rõ tính danh, sợ ngài dác tai.

Sau Nguyễn-Quỳnh lại cùng ngồi bàn luận văn chương với người ấy, thấy xuất khẩu thành văn, học thức rộng rãi. Hỏi đến đâu nói đến đấy, thuộc lòng cả thiên kinh vạn quyển. Nguyễn-Quỳnh lại càng thêm kính phục, mời người ấy vào chơi nhà trọ, người ấy từ nói rằng: Nay tôi còn có chút việc riêng, chưa

tiện đ^c chơi được quan bá^c như có lòng yêu thì xin ba ngày nữa, mời quan bá^c đến Quản Văn-Đinh, bấy giờ tôi sẽ đón quan bá^c cùng về chơi nhà trọ tôi một th^e. Nói xong chào Nguyễn-Quỳnh mà về.

Nguyễn-Quỳnh y ước ba ngày n^ara đến Quản-Văn-Đinh. Khi tới nơi đã thấy người học-trò ấy đứng đợi trước r^oi. Đôi bên trông thấy nhau lấy làm vui vẻ, dắt tay cung đi, ra ngoài thành ước hơn một r^ām, rồi người học-trò đưa ông Nguyễn-Quỳnh r^evào đường tắt đến một cái nhà tre, ngoài cồng đóng chặt, gọi mãi thì thấy một ông già ra mở cồng. Nguyễn Quỳnh theo vào.

Chỉ thấy mấy gian nhà lá trong có hai cái ghế, trường kỷ tre, một cây đèn gỗ và mấy cái nồi đất, chẳng thấy quyển sách, quyển vở nào cả. Nguyễn-Quỳnh lấy làm lạ hỏi truyện thì người học-trò ấy đáp rằng: tôi vốn vô tâm không thiết gì sự vinh-hoa phú-quý, nên không học nghề làm văn. Nghè làm văn đã chẳng học làm gì có sách vở giấy bút.

Nguyễn-Quỳnh hỏi:

Quan bá^c không học, làm sao hôm trước tự nhiên lại làm văn bay như thế?

Người học-trò đáp rằng:

Tôi vốn m^ō cái tiếng hay chữ của ngài dã lâu, nhưng không biết lấy gì làm quen được, vậy nên cũng phải làm bài văn để ngài biết, để lấy đường đi lại. Truyện trò hồi lâu, bảo người làm cơm. Một lát thấy bưng cơm lên, chỉ có hai bát cơm trắng, hai bát canh rau, với một đĩa nem, có thể mà thôi. Cơm nước xong, Nguyễn-Quỳnh từ ra về người học-trò nói rằng: Nhà danh chật hẹp, không dám cưỡng lưu quan bá^c; nói xong liền đem ra 24 đồng tiền, tặng Nguyễn-Quỳnh và dặn rằng:

Lần sau không biết bao giờ anh em ta lại gặp nhau nữa, vậy có ít tiền giúp quan bác để lấy tiền làm lợ phi. Nguyễn-Quỳnh nói mỉm cười nói rằng:

Nhà tôi cũng trọ ở phố gần đây, còn muốn sớm tối anh em đi lại với nhau còn nhiều. Sao quan bác lại nói những lời trường biệt như vậy. Vả lại từ đây đến nhà tôi có xa xôi gì mà phải dùng đến tiền.

Người học-trò cười không nói gì, cứ lấy 24 đồng tiền đưa vào tay Nguyễn-Quỳnh.

Ông thấy ân cần đưa cho, cũng nề bạn cầm lấy, rồi hai người vái chào tương biệt.

Nguyễn-Quỳnh đi ra được vài bước, doái trống trở lại thì thấy mấy dãy non xanh đá biếc, cao ngắt lưng giờ, té ra mình đứng ở dưới gốc cây thông xanh bên sườn núi, chẳng có nhà ai gần đấy cả, lần đường đi mãi xuống đến gần chân núi, mới gặp một người đi kiếm củi, hỏi đây là xứ nào?

Người kiếm củi đáp rằng:

- Đây là núi Phượng-hoàng.
- Thuộc về địa phận tỉnh nào?
- Thuộc về tỉnh Hải-dương.
- Cách Hà-nội độ bao xa?
- Độ hơn 200 dặm.

Nguyễn-Quỳnh bỏ ngõ lăn xuống chân núi thì thấy đồng lúa mông mênh liền kề chân núi, có đường cái lớn, mới hỏi thăm lối về Hà-nội. Tiền đi đường bấy giờ có ít chỉ sợ thiếu thốn, nhưng lúc đi đường thấy trong bụng không no mà cũng chẳng đói, thành ra không phải mất tiền ăn, chỉ phải khi qua bến sông, giả tiền đò đôi ít mà thôi, về đến Hà-nội còn thừa 8 đồng cất kỹ một chỗ định để làm của kỷ niệm. Cách ba hôm tìm đến mấy đồng tiền ấy thì không thấy đâu nữa.

46. — THẦN CÂN-HẢI

Cửa bè Cân-hải tỉnh Nghệ-an có đền thờ bà Tống-Hậu. Tương truyền nhà Tống lúc mất nước, Dương Thái-hậu cùng ba công-chúa chạy loạn rồi bốn mẹ con nhảy cả xuống bè tuẫn tiết, bị sóng gió trôi dạt bốn tử thi sang cửa bè Cân-hải bên ta, nồi chìm trong mấy nghìn dặm, mông mênh dộn dập, mà nhan sắc vẫn trắng trẻo hồng hào, tươi như người còn sống.

Có nhà sư ra chơi bến bè, trông thấy bốn tử thi trôi dạt vào một chỗ mà đều vesturen quần áo Tầu rất là lịch sự, bèn đem về táng. Về sau hiền linh, dân Nghệ-an ập đền thờ ở cửa bè Cân-hải, gọi là Cân-Hải thần.

Vài mươi năm sau, dân thôn gần đấy thuê thợ khắc hai con ngựa đá chầu ở trước đền. Một đêm người Lý-trưởng ở thôn ấy mộng thấy một người đàn bà Tầu đội mũ hoa dát ngọc, mặc áo gấm, y như bà Hoàng-hậu, có ba vị Công-chúa theo sau, đến bảo rằng:

« Thợ khắc hai con ngựa đá thờ ở trước đền vụng lăm, không có vẻ sắc sảo tinh thần. Ở một nơi khác có thợ đá khéo lăm rồi ta sẽ đem ngựa đá ấy đi bảo chúng khắc chạm lại cho ».

Đến sáng dậy, người Lý-trưởng đem truyện mộng nói cho người làng nghe. Người làng nói rằng:

Đêm vừa rồi ai ai cũng mộng thấy như thế cả. Cách vài hôm nữa, nước sông lên to, nập tràn cả, trước cửa đền. rồi mất hẳn hai con ngựa đá không tìm thấy đâu cả. Ước hơn mươi hôm nữa, nước sông đã xuống. Một buổi sớm dậy, người ở thôn ấy lại thấy hai con ngựa đá đặt y nguyên vào chỗ cũ không sai một phân mội tặc. Nhận kỹ ra thì thấy mao bờm mắt mũi đầu đuôi, móng, gót, công phu chạm khắc kỹ lưỡng hơn trước vạn phần, tinh thần chẳng khác gì hai con ngựa sống. người làng thấy thế ai cũng bảo rằng: thợ quý thần mời chạm lại.

47 — XÀ-TINH

(Rắn sinh người)

Có một người đàn bà họ Nguyễn quê ở huyện Sơn-vi, cùng với chồng làm nhà ở dưới núi, phong cảnh xung quanh nhà có non xanh mẩy rẫy, rừng rậm liền thung, suối chảy thông reo, chim kêu vượn hót. Nguyễn-Thị thường thường sáng nào cũng rãy sớm, cơm nước xong vào rừng kiếm củi, cứ đến trưa thì về.

Một hôm Nguyễn Thị vào rừng kiếm củi mãi đến chiều cũng chưa thấy về. Người chồng có ý sợ, đợi mãi nóng ruột liền cầm dao vào rừng tìm. Khi đến một nơi bụi rậm thấy vợ nằm trên hòn đá có con rắn lớn gần bằng cây cau, quấn chặt vào người, người chồng lấy làm dận lâm toan cầm dao sấn lại đánh rắn cứu vợ. Nhưng trông thấy rắn giương mắt nhe răng, hình dáng dữ tợn, sinh ra sợ hãi thành không dám đánh, phải ngậm cay nuốt đắng mà trở về. Lại buồn một nỗi nhà ở chân núi, chỉ có một mình, xóm riềng chẳng có; không biết gọi ai đi cứu được, trong bụng vẫn tưởng rằng thế nào vợ cũng bị rắn ăn thịt, lấy làm thương xót vô cùng.

Đến tối thấy vợ về vẫn khỏe mạnh như thường chẳng can hệ gì cả, mà sắc mặt lại có vẻ hồng hào, tựa như đẹp thêm ra, nhưng trông thấy chồng lại cúi mặt xuống tựa như có ý الثن. Người chồng hỏi sự tình hôm nay vào rừng làm sao, thì Nguyễn-thị الثن đỏ mắt lên, muốn dấu truyện không nói. Người chồng lấy làm lạ mời nói truyện đã trông thấy con rắn quấn vào người cho vợ nghe, để vợ có thấy thế nào thì nói thực với mình không phải dấu. Người vợ bấy giờ mới bén lèn cúi đầu xuống nói sẽ rằng:

Thiếp vào rừng kiếm được gánh củi xong, mới mệt ngồi nghỉ trên hòn đá, chợt thấy một người đàn

ông to lớn đẹp đẽ. Ở trong bụi cây ra, chạy lại ra sức trêu ghẹo, mình cõi đầy ra thì thấy chân tay tựa như ràng buộc lại thật chặt không sao chống cự lại được, rồi bị người ấy cưỡng hiếp, vậy sợ chàng dặn cho nên về không dám nói, chứ bảo rắn quấn vào người thì không có. Đến tháng sau Nguyễn-Thị cùng vài người đi chợ, lại đi qua đường kiếm cui khi trước, bỗng thấy một con rắn lớn, ở đằng xa chạy lại nhanh như gió, quắn lấy Nguyễn-Thị đem vào trong bụi; các người cùng bạn đi chợ trông thấy thế ai cũng sợ hãi bỏ chạy. Sau Nguyễn-Thị về, chồng hỏi truyện, lại đáp thấy người đàn ông y như lần trước. Từ đấy trở đi người chồng lấy làm sợ, đêm nằm ngủ riêng không dám bước chân vào phòng, rồi thấy Nguyễn-Thị có thai đủ chín tháng mười ngày, sinh được đứa con gai thân thê cũng như các đứa trẻ con thường, chỉ duy sắc da nó có nhiều vết chấm đen, tựa như sơn điểm khắp cả thân thê.

(Đương thời bấy giờ ông Lan-Trì làm tri-phủ Quốc-oai, thấy quan huấn-đạo Lâm-thao tên là Nguyễn-Quỳnh thuật lại truyện như thế và nói rõ đã trông thấy đứa trẻ ấy lên 4 tuổi).

48. — NGUYỄN-LỘC

Nguyễn-Lộc quê ở huyện Thanh trì tỉnh Hà-nội cùng với vài mươi người thuê thuyền đi bè, tới châu Vạn-ninh xứ An-quảng buôn bán, năm ấy năm khác thường đi lại buôn bán như thường.

Một hôm bão to sóng lớn thuyền đặt vào chân núi ở dừa bè, thấy trên núi cây cối sầm-uất, dưới núi có bãi đất phẳng, rộng ước hơn vài mươi mẫu cỏ non mướt-mướt như tấm thảm xanh. Bỗng có một con hươu ở trong núi chạy ra. Các người ở dưới thuyền

đều cầm sào lên đuôi Nguyễn Lộc cõi đuôi hươu chạy tit mãi sang tận bên kia chân núi, thành ra hươu chẳng được lại bị lạc đường. Dương lúc vơ vẩn, thì thấy hơn mươi con hổ từ trong hang núi gầm thét chạy xồ ra. Nguyễn-Lộc sợ hãi vội vàng trèo ngay lên cây, lên tới gần ngọn cõi dây lưng buộc mình vào cây thật chặt. Đàm hổ đói ở dưới gầm hét rầm rĩ, cào khắp gốc cây và húc đầu vào làm chuyền động cả thân cây, cành lá. Nguyễn-Lộc ở trên sợ hãi run lẩy bẩy, đứng không sao vững, già không có dây lưng buộc vào cây thì đến rơi xuống đất.

Độ non một giờ đồng hồ, đàm hổ bỏ đi, lại nghe thấy tiếng chim kêu vượn hót ríu-rit tứ bề, nhưng cũng chưa dám xuống. Chợt nghe thấy tiếng người cười ở dưới cách cây ấy độ bảy tám bước. Nguyễn-Lộc nghi là tiếng quỷ cười lại càng thêm sợ hãi, mới nghĩ thế không gì ta hãy xuống chào, cõi kêu van họa may quỷ có thương tình mà tha cho chẳng. Bèn xuống dưới gốc cây chít khăn mặc áo chỉnh-tề đi một quãng ngắn thấy một bàn đá rộng ướt chừng hơn hai cái chiếu, có hai ông cụ già mặc áo quần trắng ngồi trên bàn ấy; một ông đầu trần hói tóc, một ông đội mũ uy che tai, ông nào cũng trán cao tai dài đỏ hồng-hào mày râu bạc phơ, đôi con mắt tinh-thần, đương vui thú đánh cờ. Bên cạnh có một đứa bé độ 9, 10 tuổi, đầu đeo hai trái đào mặc quần áo mùi cánh sen, vừa vặn gọn gàng, sắc mặt nhởn-nho vui-vẻ, đứng hẫu pha nước chè. Cạnh bàn chè có cái đĩa lớn đựng mấy quả lê, táo.

Hai cụ vừa đánh cờ vừa uống nước, vừa ăn quả một cách nhàn hạ, rồi lại ném hạt ra đẳng trước, tựa như vô ý không có Nguyễn-Lộc đứng đấy, Nguyễn-Lộc thụp xuống lật hai lật, rồi bầm với hai cụ xin chỉ bảo đường lối đi ra khỏi lạc. Một cụ cứ ngồi nhìn vào bàn cờ tính nước đi, chẳng đáp lại làm sao. Một cụ

nghènh ra bảo đứa bé đứng cạnh ra bẻ một cành cây đem lại. Rồi cụ cầm cành cây đưa cho Nguyễn-Lộc mà dặn rằng :

Cứ cầm lấy cành này mà đi ra thì thuyền của nhà ngươi sẽ ở trước mặt.

Nguyễn-Lộc cầm lấy cành cây lật tạ trở ra, vừa đi được vài bước đã thấy thuyền buôn của mình kề liền ngay đấy. Bạn bè trong thuyền trông thấy Nguyễn-Lộc ngạc nhiên lấy làm lạ vừa sợ vừa mừng nói rằng :

Chúng ta đuổi hươu, chẳng may lại gặp đàn mãnh-hồ nhảy ra đuổi, chúng tôi đều chạy về thuyền thoát cả, chỉ duy tim mãi chẳng thấy bác đâu, vẫn tưởng rằng thế nào bác cũng vào trôi miệng hùm, ai nấy đều thương xót; xứ này cách xír ta đồ thuyền khi trước không biết mấy trăm dặm. Và từ khi ấy đến nay đã cách hai đêm rồi. Vậy thì bác ở đâu lại đây?

Nguyễn-Lộc liền thuật truyện thấy hai ông cụ đánh oờ cho chúng nghe, thì ai nấy đều cho là sự lạ.

49. — NGUYỄN-ĐỊNH

Nguyễn-Định bồ - côi cha mẹ từ thủa bé, phải nhờ anh nuôi. Anh là Nguyễn-Bình có tính tham tàn độc ác, chị đâu thì cay nghiệt. Nguyễn-Định đã phải lìa anh chị đi ở riêng, bao nhiêu nhà cửa, ruộng nương tài sản của cha mẹ để cho, Nguyễn-Bình lấy cả, chỉ chia cho Định được vài sào ruộng xấu, mấy dan nhà danh bếp cùng mấy chiếc bát đàm niêu đất. Định phải đi làm mướn và đi kiếm củi để nuôi thân. Năm ngoài 20 tuổi vẫn không có tiền lấy vợ, anh cũng chẳng nhìn gì đến sau nghèo cùng quá phải cầm cả nhà cùng đất. Làng bên cạnh có nhà phú-ông, Định thường đến làm mướn, lâu ngày thành quen, nhà phú-ông có đất hoang, Định nói với phú-ông xin nhờ miếng đất hoang ấy,

dụng cái túp nhà đành để ở đấy đi làm mướn cho tiện. Từ đó anh em lại càng xa nhau, có khi hàng năm không hỏi đến nhau. Đinh nghèo mà hiếu thiện, gặp kẻ bần cùng thường hay giúp đỡ.

Một hôm đi quầy mướn về tối, thấy một người nằm ở trước cửa. Đinh gọi hỏi mãi, thì người ấy ra dáng mệt nhọc không thể dậy được. Đến cầm đuốc ra soi, thì là một ông già mồm mày chân tay gãy lở, mắt toét, mũi chảy rất là hôi tanh, nôn mửa và phỏng uế đầy cả trước cửa. Đinh lấy làm thương, nhắc ông già dậy, thì ông già tự xưng là một ông lão nghèo ở xóm bên cạnh, ngày thường vẫn đi ăn mày, nhau đến đây mắc phải cảm, mệt nhọc không thể đi được, vậy phải nằm ở đây. Đinh mở cửa công ông già vào mời xơi chén nước chè nóng, rồi giải chiểu mời ông già nghỉ. Đinh đi thồi cơm mời ông già dậy cùng ngồi ăn cơm, ông già tuy người yếu nhưng ăn rất khỏe. Đinh phải bớt bát nhường ông xơi. Ông già ăn xong vô bụng bảo Nguyễn-Đinh rằng:

Lão đã no rồi, con lão bất hiếu không biết nuôi lão, ví phỏng lão có con hiếu thảo như người thì thích lắm. Nói xong liền đập chiểu nằm ngủ. Tiếng ngày như sấm, tính lại hay ho khạc phỉ suốt đêm. Đinh cũng chẳng dặn. đến sáng hôm sau Đinh lại thồi cơm, mời ông già dậy sơi. Ông không ăn nữa, bảo Đinh rằng:

Người là người hiếu thiện, không có lẽ phải nghèo mãi, lão ăn một bữa cơm hôm qua nay lão già ăn. Nói xong liền sai Đinh mang một cái chậu với một cái gáo ra. Ông già bèn hứng chậu vào trước mặt, tay cầm cán gáo tự đập vào mũi rất mạnh. Đinh trông thấy thế vừa sợ vừa thương tưởng rằng ông già điên, cố đỡ lấy tay nhưng ông già khỏe lắm, Đinh giằng cán gáo ta không nỗi. Ông đập mãi cán gáo vào mũi ông, được một lát thì máu chảy đầy chậu, rồi máu dừng lại thành đầy chậu vàng, bảo Đinh rằng:

Ta cho người một chậu vàng này để làm cửa. Đinh lấy tạ vừa xong thì ông già biến mất.

Từ đấy Đinh trở nên giàu có, buôn bán lùng lẫy tiền có hàng vạn, mới từ phủ-ông về làng chuộc lại đất nhà cũ, dần dần tậu ruộng làm nhà, nói với anh định hỏi lấy một người con gái nhà danh giá trong làng. Khi anh chị trông thấy em làm mướn mời về thì cũng coi khinh nhạt như nước lã. Kịp đến lúc nghe thấy lầm tiền nhiều bạc, mới đòi ra lòng đầm thắm, yêu đương, hỏi truyện cẩn kẽ làm gì chóng được giàu có như thế. Đinh liền kè lề truyện gấp ông tiên đi thử, đập mũi cho vàng để anh chị nghe. Anh chị nghe nói đều nắc nởm ước ao cũng muốn gấp ông tiên đi thử như thế.

Cách hơn một năm nữa, Nguyễn-Bình đi chơi đâu về đến cồng làng, gặp ông cụ đầu râu tóc bạc, đội mũ ny, mặc áo rách, tay chống gậy trúc, vai đeo túi đựng cối dã trầu, đi khom khom lưng. Bình chắc rằng tiên, mời ông về chơi nhà. Ông già này vốn không quen thuộc Nguyễn-Bình bao giờ không dám nhận lời. Bình cố lôi về bắt ông già phải ngồi lên sập cao, rồi sai người nhà mua rượu, thịt gà làm gỏi, bưng một mâm lên hai vợ chồng hầu hạ rất là cần thận. Ông già không hiểu đầu đuôi ra sao, không dám nhận. Bình cố ép ông phải ăn uống say mà nói rằng :

Chúng tôi chỉ nhờ có cái lỗ mũi của ông sẽ trở nên giàu có. Ông già không hiểu câu truyện ra sao chỉ đáp lại rằng :

Tôi thực không phải là tiên.

Ông già uống rượu xong nằm nghỉ ở đấy. Vợ chồng Nguyễn-Bình đã sắp một cái chậu rất lớn để đựng vàng.

Sáng sớm hôm sau ông già xin về, chẳng có gì để lại tặng Nguyễn-Bình. Nguyễn-Bình cố giữ ông lại sai vợ đem cái chậu rất lớn ra kè trước mũi ông, tay cầm

dùi-đục định gõ vào mũi ông cho chảy vàng ra. Ông già sợ hãi run lập cập lấy tay che mũi.

Nguyễn-Bình nói :

Thôi xin tiên - ông đừng thử nữa! Tôi chỉ xin ngài đầy chậu vàng thôi.... Liền sai vợ nắm lấy tay ông, không cho che mũi, còn mình thì tay cầm dùi-đục, giương thẳng cánh đập vào mũi ông, máu chảy ra rất nhiều. Nguyễn-Bình mừng rõ nói rằng : quả y như lời chú nó nói, chúng ta sắp sửa có chán vàng tiêu, rồi lại cầm dài-đục đập luôn mãi vào, ông già bị giập mũi gãy mất mấy chiếc răng kêu làng nước đến cứu vàng-vít rầm-rĩ lên. Hàng-xóm nghe thấy tiếng động kéo đến rất đông, trông thấy sự tình như thế không hiểu đầu đuôi ra sao, hỏi đến Nguyễn-Bình thì Nguyễn-Bình sợ hãi không biết đáp lại sao được. Ông già rền-rĩ thuật truyện cho hàng-xóm nghe.

Nguyên ông già bị đánh ấy là một ông lão bán tương, quê ở làng bên cạnh.

Hàng-xóm vốn ghét Nguyễn-Bình là kẻ tham lận, có người liền đem việc ấy đi mách với con ông bán tương. Con ông già đi tìm ông suốt đêm hôm trước không thấy, nay thấy tin ấy lấy làm tức giận vô cùng, bèn đến nhà Nguyễn-Bình co cỗ hai vợ chồng Nguyễn-Bình đánh cho một trận nê niren, vỗng ông già và bắt vợ chồng Nguyễn-Bình đem đến cửa quan.

Quan chiếu luật theo điều « Độc đà cao niên » bắt bén bị cáo phải nộp cho ông già một món tiền khá to, và sai nọc cỗ tên Nguyễn-Bình đánh cho 30 trượng.

50. — NGHĨA-HỒ

Có một bà đỡ quê ở huyện Đông-triều, đương đêm nghe thấy tiếng gọi cửa. Mở cửa trông, chẳng thấy gì. Chợt có một con hồ ở đâu chạy đến cõng bà

đem đi. Bà đỡ lúc bấy giờ sợ chết ngất, đến lúc hồi tỉnh thì ra hồ đã đem mình đến tận dừa rừng, đặt xuống bãi cỏ sơ hết hồn, nằm im không dám nhúc nhách.

Sau con hồ được nâng bà đỡ dậy mà chỉ vào con hồ cái tựa như có ý nói rằng :

Nhờ bà đỡ hộ. Bà đỡ trông con hồ cái bụng to vượt lên, trông bụng tựa như có vật gì động dây, biết rằng sắp đẻ muộn lại đỡ nhưng lại sợ không dám đến gần. Sau thấy con hồ cái đau đớn lâu và khó đẻ, mới sinh lòng thương liều lại đỡ. Một lát đỡ được con hồ con ra. Hồ được mừng rõ vòn bốn hồ con một cách vui vẻ. Hồ cái thì mệt nhọc nằm ngủ rồi hồ được bới ở gốc cây ra được 1 nén bạc, đè trước mặt bà đỡ. Bà đỡ biết rằng hồ giả lễ, liền cầm lấy bạc bọc vào giây lưng. Sáng sớm ở rừng về nhà, thuật lại truyện cho xóm riêng nghe, ai cũng lấy làm lạ.

51. — SINH NỞ DƯỚI MÔ

Một người đàn bà quê ở châu Vạn-ninh thuộc tỉnh Quảng-an có mang được 7, 8 tháng chẳng may bị bệnh chết. Người đàn bà này lúc còn sống thường có quen một bà lão bán nước ở cái cầu dừa đồng. Sau khi người đàn bà đã mất được vài ba ngày, bà lão bán nước còn thấy mụ cầm mấy đồng tiền đến mua đường, lấy làm lạ, hỏi mua đường làm gì ?

Mụ đáp :

Mời sinh đứa con, vì không có sữa cho bú, vậy phải mua đường cho nó ăn.

Mụ mua đường xong đi về, bà hàng nước trông theo hút thì thấy đi đến mà rồi biến mất, ngồi mà ấy cách hàng nước cũng không xa, cứ mỗi ngày lại thấy ra mua đường một lần. Bà hàng nước đem truyện mách cho nhà chồng mụ biết

Hôm sau người chồng đến gánh nước dò xem tin có thực không, thì thấy đương buồi trưa người vợ đến mua đường thật, liền ra hỏi truyện nhưng người vợ chẳng đáp lại sao, cứ cúi đầu chạy. Chồng cố đuổi theo hỏi thì lại biến mất. Người chồng khóc thương, lệ rơi tấp tấp, ra tận mộ thăm, nghe thấy trong mộ có tiếng trẻ con khóc tí ty, mới về nhà lấy thường đàm mộ mở nắp áo quan ra, thấy một đứa con gái mới sinh chưa rụng rốn, nằm trên bụng mẹ khẽ cựa mà khóc, trong miệng nó hãy còn dinh có đòi ít đường, vội vàng ôm đứa trẻ về nuôi, nhờ người đóng nắp áo quan, lắp mồ ấy lại. Kịp đến lúc đem đứa trẻ ấy đi bú nhở, đàn bà hàng xóm đều nghĩ rằng đứa trẻ ấy là ma đẻ ra, ai thấy cũng sợ không dám cho bú. Người bõ phải nhai cơm mớm cho con nuôi được trưởng-thành cũng như người thường, chẳng có điều gì khác cả.

52. — ĐÀO - SINH

Đào-Sinh con nhà làm ruộng, quê ở huyện Đông-sơn, người đẹp gai lắm, cha mẹ cho đi học, thông-minh lạ thường, năm 16 tuổi đã làm được đủ các lối văn, nhà nghèo không đón được thầy học, phải đi thuê nghiệp một ông cử dạy ở thôn khác. Trong thôn ấy có một người con gái, nghi dung yểu điệu nhan sắc xinh tươi; Đào-Sinh đi học thường gặp nàng ở dừa đường đôi bên trông thấy nhau đều đem lòng trộm yêu thầm nhớ, tự nghĩ rằng; nếu lấy được nhau thì thực là xứng đôi vừa lứa.

Đào-Sinh mượn người đến làm mối, cha mẹ người con gái ấy vốn là nhà trọc phú thấy Đào-Sinh nhà nghèo không bằng lòng gả. Người con gái vẫn có ý muốn lấy Đào-Sinh, nhưng vì cha mẹ không bằng lòng, không làm sao được.

Đào-Sinh hỏi không được vừa tức tối vừa hờn thẹn liền bỏ đi nơi khác, đến kinh-đò trọ học, được hơn ba năm, gấp khoa thi, vào trường ứng thí, đỗ ngay Cử-nhan. Về lễ nhà xong, đến bái môn thầy-học, nhờ người dò la tin tức, xem người con gái ấy đã có chồng chưa; thì nghe thấy nói đã gả cho con người làm ruộng ở thôn ấy rồi. Đào Sinh chán ngán đi rồi, vừa lúc ra khỏi ngoài thôn thì gặp một anh con gai mặc áo cánh lụa đỏ, đầu đội nón, vai khoác áo tơi, dương quốc ruộng khoai, một người con gái mang cơm đồng đứng ở bên cạnh, Sinh nhận ra thì chính là con gái nhà trọc-phú.

Bấy giờ Sinh mới đỗ, ăn mặc lịch sự lại có đầy tờ cầm lọng che sau, hai người gặp nhau chào hỏi một lời, nước mắt chảy dàn dụa. Sinh đã nuốt cay ngâm đắng mà đi cho qua, người con gái cứ đứng gạt nước mắt mà trông theo hút mãi. Anh quốc ruộng khoai trước thấy hai người chào nhau một cách yêu đương ngọt ngào, sau cứ trông nhau mà khóc, chắc rằng vợ có ngoại tình, bất đắc nỗi cơn ghen lên, cầm cán quốc đánh vợ một cái, không ngờ quá tay người vợ chết tươi lập tức. Chàng ta lo sợ, vực vợ về, nói rồi bà rằng vợ ngộ gió chết, vội vàng đem táng.

Được vài hôm nữa, Đào-Sinh nhán có việc đi qua thôn ấy nghe tin người con gái ấy đã mất, không hiểu mắc phải bệnh gì mà chóng từ trần như vậy, lấy làm thương xót vô cùng, liền về nhà sai đầy tờ sắm sửa một cỗ gà xôi, quá nửa đêm đến phúng ở mộ người con gái ấy. Đào-Sinh tới mộ, bầy lê tbắp hương, gạt nước mắt, khấn được vài câu thì nghe thấy trong mộ có tiếng người nói. Sinh chắc rằng nàng hãi còn sống vội vàng sai người nhà về lấy thường quốc đến đào mộ ấy ra, mở nắp quan-tài lên thì thấy thi thể nàng còn nóng như người còn sống, chân tay hơi cựa động, liền vực nàng về. Còn ở chỗ mộ thì

lại đắp nguyên như cũ. Đào-Sinh lấy thuốc chữa trị cho người ấy ba bốn giờ đồng hồ, thì thấy thò huyết ra ít nhiều, sau rồi tỉnh lại.

Khi nàng đã tỉnh, Sinh hỏi truyện, kè hết sự tình cho Sinh nghe, Sinh bèn đem nàng gửi ở nhà bạn thân, nói thác ra rằng mới cưới ở Kinh-đô đưa về.

Một hôm cuối mùa đông, nàng đi chợ, anh chồng cũ gặp nàng ở chợ nghi rằng vợ còn sống, nhưng còn bán tin bán nghi nên không dám hỏi. Kịp đến lúc về đào mộ vợ ra, chỉ thấy quan tài không bèn kiện Đào-Sinh là lừa dụ vợ mình.

Quan bắt chứng cớ ra hỏi, xét đơn kiện xong, xứ rằng tên làm ruộng đã đánh chết vợ hơn bốn năm nay, hiện đã đem táng làng xóm ai cũng biết cả, liền phạt tên làm ruộng phải đi khổ-sai mà xử cho nàng được ở với Đào-Sinh.

53. — GÁI HÓA GIAI.

Người con gái họ Trương ở thôn Thanh-hóa, lấy Nguyễn-Sinh là người cùng làng; vài năm sinh được đứa con gái. Một hôm Trương-thị mắc bệnh, nóng nhiệt, hôn mê ba bốn ngày, cơn nóng nhiệt đã lui, hạ thể sinh ra đau đớn không biết thế nào mà nói lại càng hôn mê bất tỉnh; một đêm bỗng hóa thành con gái. Trương-thị đã hóa thành con gái rồi bèn lấy vợ khác cho chồng. Đoạn về nhà cha mẹ, lấy nàng Phạm-thị sinh được người con gái.

Đến lúc Trương-ông chia của cho con, thì người con gái nói rằng:

Tôi là con gái, giá trị diền sản phải về phần tôi cả.

Người con gái nói rằng: Anh là người họ Nguyễn, đã có bố khác, không có phép nào được chiếm gia tài họ Trương. Đôi bên cùng tranh nhau kịch liệt

không ai chịu ai. Trương ông cũng không biết phản xử ra sao. Đôi bên bèn đem việc lên cho quan xứ. Khi quan đài Trương-thị lên thì thấy râu mày bạc phơ phơ quả nhiên là một ông già. Trương khai rõ ràng tung tích cho quan nghe, quan xử cho mỗi con một nửa.

54. — TRỘM LẠI GẶP TRỘM

Chợ Xuân thuộc ở huyện Gia-phúc là một nơi đại đô hội ở tỉnh Hải-dương, khách buôn bán di lại thường ngủ đêm ở đấy. Ở gần chợ có một tên ăn trộm già, là tay đại bợm, mưu mẹo trăm khoanh, khách ngủ trọ đấy thường bị mất trộm. Các nhà cho khách trọ đều có một cái hòm lớn để đề phòng khách đến trọ có đồ đặc gì cho gửi vào đấy, khoá chặt lại mà nảm lên trên.

Năm Quý-hợi đời Cảnh-Hưng có một ông khách đến đấy trọ. Chủ-nhân bảo khách rằng :

Ở đây có tên trộm bợm lắm, ông có tiền bạc đưa tôi cất vào bờm cho. Khách cười nói rằng :

Tôi có cửa lại chẳng giữ được cửa hay sao, chẳng phải phiền ông giữ giúp. Nói xong giở túi bạc ra kiêm ước chừng có bốn năm trăm lạng, kiêm bạc xong lại bỏ vào túi, để ở đầu giường gối lên mà ngủ. Tên trộm ở ngoài cửa giòm vào biết vậy, đợi khách ngủ yên đào vách vào, núp dưới gầm giường làm y như tiếng mèo bắt chuột, dần dần làm y như tiếng mèo cắn chuột ở bên cạnh khách nằm, có lúc lại cào vào chân khách. Khách tỉnh dậy quát mắng mèo co chân đạp; tên trộm lại làm y như tiếng mèo chạy. Khách chợp ngủ đi, lại thấy mèo đến cào chân như trước tức quá ngồi dậy định chực bắt mèo quật chết. Tên trộm nghe thấy giường động, biết khách đã ngồi dậy, vớ lấy túi bạc lén ra, êm như du, nhanh như chớp. Khách đợi mèo không thấy đến, chửi hoài mấy

câu lại phục xuống nằm ngủ, sờ đến túi bạc để gối đầu giường thì đã thấy mất rồi, mới hô hoán nhà trọ dậy thắp lửa lên soi. Nhà trọ trách mãi khách là bảo không nghe, không biết cẩn thận. Lúc đã thắp đèn sáng nhoáng, khách vừa trông lên mái nhà thời thấy một cái đó lớn, liền bảo chủ nhà rằng:

Phiền ông cho tôi mượn cái đó này đem đi, ông cứ thắp đèn ngồi đợi một lát tôi sẽ lấy được bạc mang về, ông không phải lo, tôi chỉ phải khó nhọc một nỗi đêm nay không được ngủ yên giấc thôi. Nói xong liền cầm đó ra cửa trèo lên ngọn cây cao ngồi trông. Nghe thấy trong xóm liền đấy, có tiếng chó xua ran bèn theo đến đấy, thấy trong lũy tre có một nhà thắp đèn sáng Khách chui qua giậu mà vào, mở rộng cổng ngoài, giòm vào khe cửa thấy tên kẻ trộm đang giở túi bạc ra, cười cười nói nói tự khoe nghề nghiệp giỏi. Vợ tên trộm hờn hở nói rằng:

Chắc rằng lão mất bạc ấy đêm nay khóc suốt đêm.

Khách đứng ngoài sẽ mở cửa sổ cười lên một tiếng.

— Tên kẻ trộm hỏi đứa nào ngoài ấy ?

Khách nói: em cũng là bạn ăn trộm đây. Nghe anh đêm nay được cái bông to, vậy đến xin anh chia cho một ít.

Tên kẻ trộm nghe xong, quát lên rằng:

Thằng khốn nạn kia dám đem thịt đến miệng hùm. Nói xong liền vác gậy ra, ngoảnh lại dặn vợ rằng:

Ở nhà giữ lấy bạc cho tao, để tao ra giết chết thằng khốn nạn này. Khách nghe thấy tiếng tên kẻ trộm quát, giả cách chạy ra ngoài cửa, lại lần về giậu đằng sau nhà ấy nấp. Tên kẻ trộm ra đến cổng, thấy cổng mở rộng cứ thẳng đường đuổi. Khách liền lén vào nhà kẻ trộm lấy đó úp vào vợ nó, rồi

phá hòm của nó ra lấy lại túi bạc, đi đường tắt dưới ruộng, thong dong về nhà trọ, đèn còn thắp sáng.

Lại nói tên kẻ trộm cứ thẳng đường cái lớn, vác gậy đuôi xa vài dặm, chẳng thấy gì cả, lúc trở về đến nhà, thấy vợ đang lùng bùng trong cái đó. Trông lên hòm, hòm đã bị phá vỡ toang, sờ đến bạc thì bạc đã không cánh mà bay đi rồi, biết ngay khách cũng là một tay đại bợm, bèn đem lòng kính phục.

Sáng sớm hôm sau khách dậy ngồi chải đầu, súc miệng chợt thấy một người mang cỗ xôi gà đến đứng lạy mà nói rằng:

Cinh tôi đêm qua đến đây giả cách làm mèo để ăn trộm bạc, tôi theo cái nghiệp này đã hơn mươi năm, tự nghĩ rằng, tài khéo rất mực, không ngờ rằng ngoài ngọn núi này lại còn có ngọn núi khác cao hơn. Vậy nay có chút lẽ bạc đến cầu khẩn ngài xin ngài dạy cho những môn mà tôi chưa giỏi!

Khách đáp :

Cái nghè mà anh làm ngày nay tức là cái nghè của tôi chơi từ khi còn ít tuổi. Song tôi tự nghĩ lấy của người ta để ăn không thì không phải lẽ. Anh thử tự nghĩ như anh, đêm qua một lát được bạc, một lát lại mất sạch, tình cảnh chẳng có ra sao. Tôi thè không chơi cái nghè ấy đã mươi mấy năm nay rồi, vì có người đêm qua đến lấy của tôi, nên tôi bắt đắc dĩ lại phải giờ cái ngón ấy ra để đổi phó lại đấy thôi, anh chẳng nên học làm gì. Nay : bốn cõi dương binh hoả nồi lèn quấy nhiễu tứ tung, anh nên theo học ra mà làm việc nước còn hơn... Đã sinh ra làm thân người nam-tử nên đem lòng ái-quốc ra mà phò vua giúp nước những lúc này, chờ có quyền luyến cái nghè đê-hạ ấy làm chi! Một dăng đê cho tên được rực rõ đời đời trong sử sách, một dăng đê cho bia miệng mỉa mai

muôn thuở. Anh thử nghĩ hai điều ấy điều nào hơn ?

Tên trộm nghe bấy nhiêu lời lại càng thêm phục liền vái và nhờ người cho theo. Khách ưng ngay, rồi cùng nhau quyết chí ra đầu quân để phò xâ-tắc. Sau hai người đều có quan-công cùng làm nên võ-quan cả.

Lời cụ Lan-Trì : Nghĩ tên trộm đã nói trên này thật là rất khéo đường tương ngộ; lại sực nhớ xưa có hai người họ Trương và họ Lý kết bạn cùng nhau đi làm mướn, gặp năm mươi mùa không ai thuê cả, cùng vồ sờ xuất không biết lây gì mà hò-khau đành dù nhau theo nghề cắt dao khoét ngạch làm kẽ nuôi thân. Có một đêm mưa phùn trời tối như mực không biết đường nào mà đi, hai anh giắt nhau lẩn mò quanh quần thể nào lại về nhà mình mà không biết, thấy tiếng người rãng về mới khoét rách chui vào. Trương vào trước mò khắp trong nhà chẳng được cái gì. Lý đợi mãi không thấy Trương ra cũng lèn vào nốt, mỗi người chiêm một góc nhà lân mò hồi lâu bắt giác dờ phải nhau cùng nghĩ rằng chủ-nhân giật bắt, cứ im hơi lặng tiếng mà đầm đá lẩn nhau hoài, sảy đâu có người cầm bö được đi qua đường liền dãy, ánh sáng lọt vào mới nhận được ra là cùng bạn và bây giờ mới biết chính là nhà mình. Kho sờ lân mò suýt nữa đêm mà tay không lại hoàn tay không. Cùng trong nhau mà tân ngàn người ra.

Đó là hai anh Trương, Lý rất vô duyên về đường tương ngộ.

HẾT



Sách Xem Trưởng

SOẠN-GIẢ

MÃ - Y - THỊ

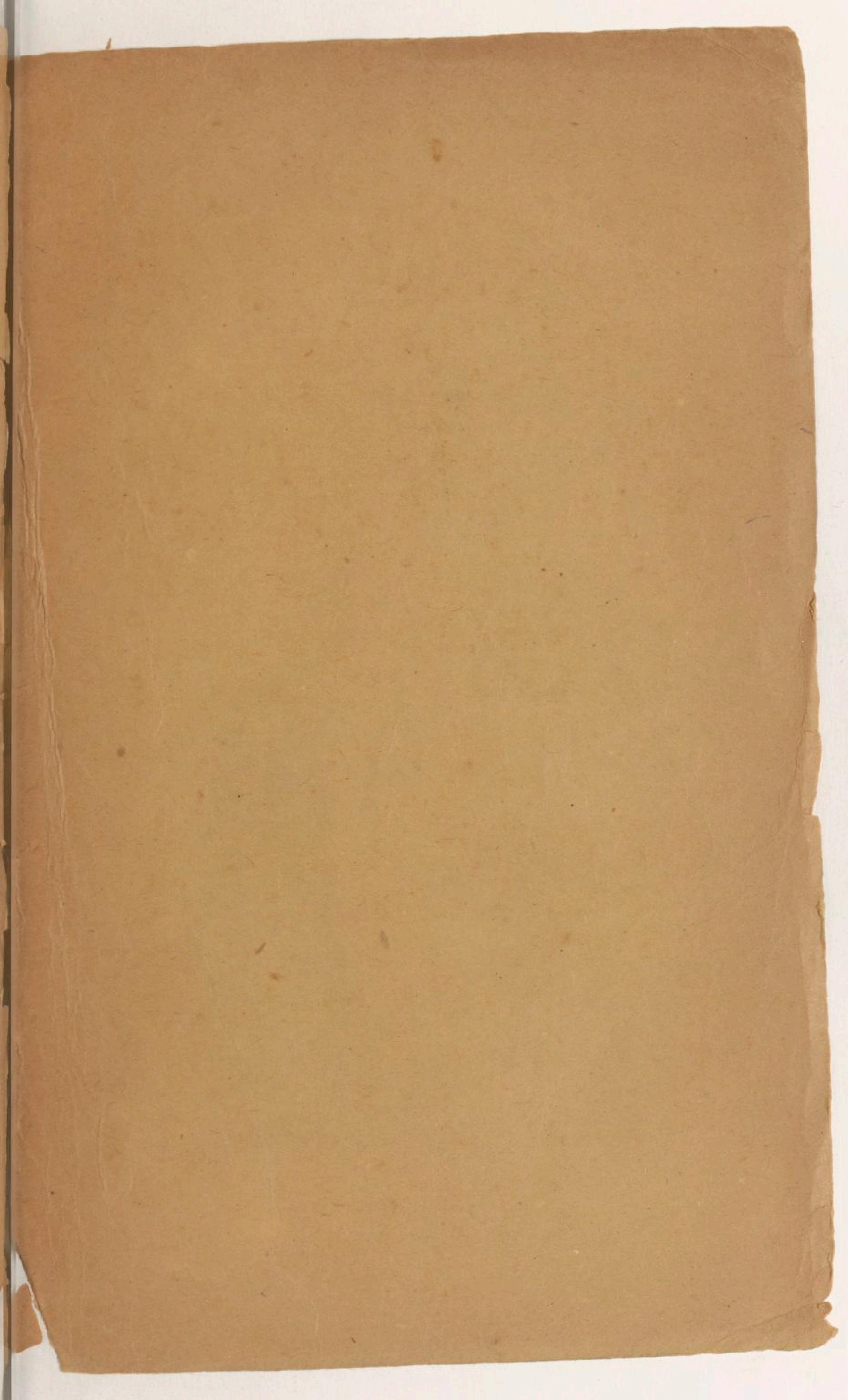
XUẤT BẢN LẦN THỨ BA

XUÂN-MAI
DỊCH-THUẬT

Giá bán 0\$25



ICH-CAT
GRAVEUR
HANOI



錄聞見池蘭

蘇靈草譯述

大南奇人列傳

內河廣盛號出板